ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 14 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khoá XI, kỳ họp thứ 14 về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2013,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 23/STC-NS ngày 07/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách của tỉnh năm 2013 *(chi tiết theo các biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Hội đoàn thể tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện KSND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, TP Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTHhtlv07.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 10/CKTC-NSĐP

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 /01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)
A	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**30.073.571**
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	27.196.707
2	Thu từ dầu thô	
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	2.876.864
B	**Thu ngân sách địa phương**	**12.861.092**
1	Thu NSĐP hưởng theo phân cấp	6.697.225
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	*598.196*
	- Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	*6.099.029*
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.967.279
	- Bổ sung cân đối	*796.862*
	- Bổ sung có mục tiêu	*2.170.417*
3	Thu viện trợ	1.332
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	372.198
5	Thu chuyển nguồn	1.950.140
6	Thu tiền vay theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	325.000
7	Thu cấp dưới nộp lên cấp trên	59.161
8	Thu để lại chi quản lý qua NSNN	488.757
C	**Chi ngân sách địa phương**	**12.562.981**
1	Chi đầu tư phát triển	2.529.838
2	Chi thường xuyên	5.986.205
3	Chi trả nợ theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN và phí tạm ứng Kho Bạc	40.743
4	Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính địa phương	1.140
5	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	3.437.026
6	Chi nộp ngân sách cấp trên	83.144
7	Chi viện trợ	1.558
8	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách	483.327

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 11/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 /01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2013
A	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**	
I	**Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh**	**11.021.217**
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	5.734.107
	- Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	*118.066*
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ %	*5.616.041*
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.967.279
	- Bổ sung cân đối	*796.862*
	- Bổ sung có mục tiêu	*2.170.417*
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN	325.000
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	1.497.853
5	Thu huy động, đóng góp	
6	Thu viện trợ	1.332
7	Thu kết dư ngân sách năm trước	12.581
8	Thu để lại chi quản lý qua NSNN	423.904
9	Thu cấp dưới nộp lên cấp trên	59.161
II	**Chi ngân sách cấp tỉnh**	**11.015.626**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	4.283.726
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh	3.547.682
	- Bổ sung cân đối	*1.688.487*
	- Bổ sung có mục tiêu	*1.859.195*
3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	2.763.809
4	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN	420.409
B	**NGÂN SÁCH HUYỆN, TP THUỘC TỈNH (BAO GỒM NS CẤP HUYỆN VÀ NS XÃ)**	
I	**Nguồn thu ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh**	**5.390.321**
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp:	963.118
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	*480.130*
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ %	*482.988*
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh:	3.547.682
	- Bổ sung cân đối	*1.688.487*
	- Bổ sung có mục tiêu	*1.859.195*
3	Thu chuyển nguồn	452.287
4	Thu kết dư	359.617
5	Thu viện trợ	
6	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	2.764
7	Thu để lại chi quản lý qua NSNN	64.853
II	**Chi ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh**	**5.097.801**

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 12/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 /01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	**33.210.998**
A	**Tổng thu các khoản cân đối ngân sách nhà nước**	**32.722.241**
I	**Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước**	27.196.707
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	25.094.625
	- Thuế giá trị gia tăng	10.843.687
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.428
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	6.707.198
	- Thuế môn bài	287
	-Thu sử dụng vốn ngân sách	
	- Thuế tài nguyên	57.168
	- Thu khác	7.462.857
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	68.897
	- Thuế giá trị gia tăng	43.111
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.216
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	175
	- Thuế tài nguyên	1.954
	- Thu sử dụng vốn ngân sách	
	- Thu khác	1.441
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	153.233
	- Thuế giá trị gia tăng	79.049
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.484
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	54
	- Thuế tài nguyên	368
	- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	
	- Thu khác	2.278
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.035.656
	- Thuế giá trị gia tăng	476.636
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.077
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	265.838
	- Thuế môn bài	14.953
	- Thuế tài nguyên	23.025

TT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	- Thu khác	18.127
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.122
6	Lệ phí trước bạ	77.343
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	
8	Thuế thu nhập cá nhân	160.932
9	Thuế bảo vệ môi trường	160.130
10	Thu phí, lệ phí	54.804
11	Thu tiền sử dụng đất	248.831
12	Các khoản thu về nhà, đất khác	20.506
13	Thu sự nghiệp (không kể thu tại xã)	
14	Thu tại xã	16.262
15	Thu khác ngân sách	99.366
II	**Thu từ dầu thô**	
III	**Thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế giá trị gia tăng**	**2.876.864**
1	Thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng NK	61.220
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (thực thu trên địa bàn)	2.815.303
3	Thuế bảo vệ môi trường	18
4	Thu khác	323
IV	**Thu viện trợ** (không kể viện trợ và cho vay lại)	**1.332**
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**372.198**
VI	**Thu chuyển nguồn**	**1.950.140**
VII	**Thu huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN**	**325.000**
B	**Các khoản thu được để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước**	**488.757**
1	Các khoản huy động, đóng góp	49.031
2	Thu xổ số kiến thiết	57.744
3	Các khoản thu học phí, viện phí; phí và lệ phí khác	381.982
C	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**7.402.197**
1	Bổ sung cân đối	2.889.280
2	Bổ sung có mục tiêu	4.512.917
D	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**	**85.908**
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**12.861.092**
A	**Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương**	**12.372.335**
1	Các khoản thu hưởng 100%	598.196
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) NSĐP được hưởng	6.099.029
3	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	2.967.279
4	Thu huy động, đóng góp	
5	Thu kết dư	372.198
6	Thu tiền vay theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	325.000
7	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	1.950.140
8	Thu viện trợ	1.332
9	Thu cấp dưới nộp lên cấp trên	59.161
B	**Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN**	**488.757**

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 13/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 /01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**12.562.981**
A	**Tổng chi cân đối ngân sách địa phương**	**11.996.510**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**2.529.838**
	Trong đó :	
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	*304.433*
	- Chi khoa học, công nghệ	*10.033*
II	**Chi thường xuyên**	**5.986.205**
	Trong đó :	
	- Chi Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	*2.270.237*
	- Chi Khoa học, công nghệ	*18.494*
III	**Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư theo K3Đ8 Luật NSNN**	**36.063**
VI	**Chi trả phí và tạm ứng Kho bạc Nhà nước**	**4.680**
V	**Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính**	**1.140**
VI	**Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau**	**3.437.026**
VII	**Chi viện trợ**	**1.558**
B	**Các khoản chi quản lý qua NSNN**	**483.327**
C	**Chi nộp ngân sách cấp trên**	**83.144**

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 14/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2013

(Kèm theo [illegible] /QĐ-UBND ngày 14 /01 /2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	**11.015.626**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1.771.107**
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.747.107
2	Chi đầu tư phát triển khác	24.000
II	**Chi thường xuyên**	**2.445.195**
1	Chi quốc phòng	111.494
2	Chi an ninh	46.114
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	576.247
4	Chi y tế	530.467
5	Chi sự nghiệp môi trường	29.703
6	Chi dân số và KHH gia đình	1.984
7	Chi khoa học công nghệ	18.494
8	Chi văn hoá thông tin	36.918
9	Chi phát thanh, truyền hình	16.782
10	Chi thể dục thể thao	16.680
11	Chi đảm bảo xã hội	283.895
12	Chi sự nghiệp kinh tế	451.355
13	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	303.012
14	Chi trợ giá, trợ cước	11.000
15	Chi khác ngân sách	11.050
III	**Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư theo K3Đ8 Luật NSNN**	**36.063**
IV	**Chi trả phí và tạm ứng Kho bạc Nhà nước**	**4.680**
V	**Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính**	**1.140**
VI	**Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới**	**3.547.682**
VII	**Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau**	**2.763.809**
VIII	**Chi viện trợ**	**1.558**
XI	**Chi nộp ngân sách cấp trên**	**23.983**
X	**Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN**	**420.409**

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 15/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ HCSN NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 / 01 /2015 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Quyết toán chi năm 2013	Trong đó				
			Chi thường xuyên			Chi CTMT Quốc gia, 135	Chi TH một số MT,NV khác
			Tổng số	Gồm (Cả BS)			
				Hành chính	Sự nghiệp		
A	B	(1)=(2)+(5)+(6)	(2)=(3)+(4)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng cộng (I+II+III)	**2.154.177**	**1.955.076**	**267.580**	**1.687.496**	**105.235**	**93.865**
I	**Các cơ quan đơn vị của tỉnh**	**1.729.559**	**1.532.716**	**266.661**	**1.266.056**	**105.235**	**91.607**
1	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	73.522	69.903	60.237	9.666		3.619
2	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	10.250	10.250	10.250	-		-
3	VP UBND tỉnh	16.361	16.361	13.559	2.802		-
4	VP Ban CĐ phòng, chống tham nhũng	498	498	498	-		-
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.539	8.539	5.626	2.914		-
6	Sở Nội Vụ	42.670	42.470	17.831	24.639		200
7	Sở Tư pháp	9.334	9.334	3.118	6.216		-
8	Sở xây dựng	7.535	7.535	4.434	3.101		-
9	Sở TT và Truyền thông	6.820	6.208	2.589	3.619	612	-
10	Sở Ngoại vụ	4.954	4.954	4.785	170		-
11	Sở Khoa học và Công nghệ	21.484	19.694	4.569	15.125		1.790
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	34.449	34.449	6.202	28.246		-
13	Sở Công thương	16.337	16.337	12.726	3.611		-
14	Sở Giao thông và Vận tải	84.491	84.491	6.162	78.329		
15	Sở Lao động -TB & Xã hội	132.570	49.122	4.336	44.785	36.221	47.227
16	Thanh tra tỉnh	7.557	7.557	7.557	-		-
17	Sở y tế (bao gồm Trường CĐ Y tế)	486.223	463.444	7.490	455.955	22.684	95
18	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	62.724	55.538	5.157	50.381	7.186	-
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	410.971	342.280	6.331	335.949	33.015	35.676
20	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	41.636	40.198	-	40.198	1.438	-
21	Trường Chính Trị	10.038	10.038	-	10.038		-
22	Tỉnh Đoàn	9.640	9.640	6.722	2.918		-
23	Sở Tài Chính	9.912	9.912	9.912	-		-
24	Sở NN và PTNT	81.121	76.737	28.291	48.446	1.385	3.000
25	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	4.435	4.405	3.521	884	30	-
26	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	5.532	5.532	5.362	169		-
27	Hội Nông dân tỉnh	7.086	7.086	4.500	2.587		-
28	Hội Cựu chiến binh	2.547	2.547	2.487	60		-
29	Đài Phát thanh truyền hình	16.782	16.782	-	16.782		-
30	Ban Dân tộc	2.721	2.721	2.721	-		-
31	T.T xúc tiến đầu tư	-	-	-	-		-
32	Ban Quản lý các KCN tỉnh	8.982	8.982	2.988	5.994		-
33	BQL KKT Dung Quất	76.314	76.314	15.174	61.140		-
34	Ban bảo vệ sức khỏe	3.494	3.494	1.028	2.466		-
35	Công An tỉnh	9.293	6.628	-	6.628	2.665	-
36	Hỗ trợ Đoàn đại biểu Quốc hội	500	500	500	-		-
37	Liên minh Hợp tác xã	2.238	2.238	-	2.238		-
II	**Chi hỗ trợ các tổ chức XH, XH nghề nghiệp**	**14.494**	**13.934**	**920**	**13.014**	**-**	**560**
1	Hội Văn Học - Nghệ thuật	2.451	1.991	-	1.991		460
2	Hội nhà báo	1.190	1.090	-	1.090		100
3	Hội Luật gia	489	489	-	489		-
4	Hội Người cao tuổi	705	705	-	705		-
5	Hội người mù	392	392	-	392		-

TT	Tên đơn vị	Quyết toán chi năm 2013	Trong đó				
			Chi thường xuyên			Chi CTMT Quốc gia, 135	Chi TH một số MT,NV khác
			Tổng số	Gồm (Cả BS)			
				Hành chính	Sự nghiệp		
6	Hội Khuyến học	1.184	1.184	-	1.184		-
7	Hội Đông y	352	352	-	352		-
8	Hội chữ thập đỏ	1.572	1.572	-	1.572		-
9	Hội Nạn nhân CĐDC/dioxin	1.140	1.140	-	1.140		-
10	Liên Hiệp các Hội Khoa học - KT	1.624	1.624	484	1.140		-
11	Hội Cựu TNXP	643	643	-	643		-
12	Hội tù yêu nước	399	399	-	399		-
13	Hội Cựu giáo chức	275	275	-	275		-
14	Hội thân nhân người VN ở nước ngoài	165	165	-	165		-
15	Hội Kế hoạch hóa gia đình	-	-	-	-		-
16	Hội đồng thẩm phán	40	40	-	40		-
17	Trung tâm phát triển quỹ đất	824	824	-	824		-
18	Hội doanh nghiệp tỉnh	100	100	-	100		-
19	Ban Điều phối DA hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai trên địa bàn tỉnh	436	436	436	-		-
20	Trường ĐH TC-KT	513	513	-	513		
III	**Chi một số nhiệm vụ khác theo chế độ**	**410.125**	**408.427**	**-**	**408.427**	**-**	**1.698**
1	Công an tỉnh	15.962	15.962		15.962		
2	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	9.757	9.757		9.757		
3	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	102.612	102.612		102.612		
4	Liên đoàn lao động tỉnh	361	-				361
5	Cục Thống kê	150	-				150
6	Toà án nhân dân tỉnh	295	-				295
7	Cục Thuế tỉnh	792					792
8	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	100					100
9	BHYT người nghèo, cận nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi	247.704	247.704	-	247.704		-
10	Kinh phí Bảo hiểm y tế HSSV	21.058	21.058	-	21.058		-
11	Kinh phí BHTN	11.334	11.334	-	11.334		-

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 16/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ NĂM HIỆN HÀNH VÀ DỰ TOÁN NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 /01 /2015 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng:				**24.575.316**	**5.079.850**	**5.771.772**	**2.514.412**	**1.797.436**
A	**Ghi thu ghi chi**				**217.461**	**154.622**	**154.622**	**82.803**	**82.803**
1	Cầu Sông Liên - Ba Cung	Ba Cung			29.600			13.372	13.372
2	Đường Trà Giang - Trà Thủy	Trà Thủy			20.710	14.136	14.136	6.605	6.605
3	Hệ thống cấp nước Thị trấn Di Lăng	Di Lăng			30.000	18.289	18.289	7.055	7.055
4	Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	địa bàn tỉnh				70.000	70.000	50.000	50.000
5	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền trung	địa bàn tỉnh			137.151	52.197	52.197	5.772	5.772
B	**Nguồn vốn năm 2012 chuyển sang**				**4.206.410**	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
B.1	**Chuyển tiếp**				**3.934.739**	**595.755**	**582.685**	**233.802**	**196.600**
I	**TW hỗ trợ có mục tiêu**				**526.661**	**323.154**	**344.745**	**55.746**	**41.607**
I.1	**Chương trình phát triển KT-XH vùng**				**42.000**	**20.319**	**26.441**	**8.559**	**325**
1	Đội cảnh sát PCCC KKT Dung Quất (Mua 2 xe PCCC)	Dung Quất	2 xe PCCC	2011-2012	42.000	20.319	26.441	8.559	325
I.2	**Chương trình di dân định canh, Đ.cư cho đồng bào dân tộc thiểu số**			2010-2011	**9.970**	**6.883**	**0**	**117**	**0**
1	Định canh định cư Mang Pô thôn Gò Da xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà	Sơn Ba	38 hộ	2010-2011	9.970	6.883		117	0
I.3	**Chương trình hỗ trợ theo Nghị quyết 30a**				**474.691**	**295.952**	**318.304**	**47.070**	**41.283**
1	**Huyện Ba Tơ**				**84.980**	**64.941**	**65.151**	**10.327**	**10.034**
1.1	Trạm y tế xã Ba Cung	Ba Cung	262,16 m2	2010-2011	1.502	1.000	1.000	5	0
1.2	Trạm y tế xã Ba Tô	Ba Tô	262,16 m2	2010-2011	1.600	1.257	1.257	6	6
1.3	Trạm y tế xã Ba Tiêu	Ba Tiêu	262,16 m2	2010-2011	1.600	1.553	1.553	6	6
1.4	Đập dâng Đồng Quang	Ba Động	Tưới 9,54ha	2011	3.487	3.308	3.308	0	0
1.5	Bờ kè Rộc Măng	Ba Tơ	688,89m	2009-2011	5.161	5.000	5.000	19	19
1.6	Trạm y tế xã Ba Giang	Ba Giang	262,12m2	2009-2011	1.498	1.446	1.446	5	5
1.7	Chợ liên xã khu Đông huyện Ba Tơ	Ba Động	03 ha	2011-2012	8.576	7.016	7.025	403	364
1.8	Cầu Làng Mưm	Ba Bích	L=126m, khổ cầu	2011-2012	13.233	9.557	9.690	2.700	2.591
1.9	Cầu Hóc Kè	Ba Tơ	L=126m, khổ cầu B=6,5m; Đ cầu L=368,2m	2011-2012	14.967	13.191	13.191	936	936
1.10	Trung tâm dịch vụ tổng hợp nông lâm nghiệp	TT Ba Tơ	DT sàn: 579,2m2	2012	4.285	1.935	1.935	1.909	1.909

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.11	Trạm y tế xã Ba Trang	Ba Trang	DT sàn: 262,12 m2	2012	2.533	2.176	2.176	224	224
1.12	Trạm y tế xã Ba Liên	Ba Liên	DT sàn: 502,8m2	2012	3.063	2.208	2.208	92	92
1.13	Trạm y tế xã Ba Dinh	Ba Dinh	DT sàn: 502,8m2	2012	3.087	2.957	2.957	11	11
1.14	Trạm y tế xã Ba Lế	Ba Lế	DT sàn: 262,12 m2	2012	2.121	1.522	1.522	505	505
1.15	Đập Dốc Ổi 2	Ba Liên	Tưới 04ha	2012	5.431	3.151	3.187	1.380	1.335
1.16	Đường QL24 (Km25,5) - Gò Chùa	Ba Động	Cầu L=15m	2012	6.046	2.085	2.118	1.500	1.424
1.17	Trường THCS Ba Động	Ba Động	DT sàn: 396m2	2012	2.394	1.500	1.500	607	607
1.18	Trường phổ thông cơ sở Ba Bích	Ba Bích	1060m2	2009-2010	2.998	2.828	2.828	3	0
1.19	Đường BTXM thôn Đá Chát	Ba Liên	1154m	2010-2012	1.397	1.251	1.251	17	0
2	**Huyện Minh Long**				**56.370**	**36.919**	**37.182**	**1.918**	**1.871**
2.1	Đường TT xã Long Hiệp huyện GĐ1	Long Hiệp		2011-2013	29.012	16.413	16.584	1.131	1.131
2.2	Đường Long Hiệp-Tập đoàn 11	Long Hiệp	L=780,2m +kè	2011-2012	4.061	2.070	2.091	180	180
2.3	Đường Làng Trê - Hố Bà Bảo	Long Môn	Đường GTNT loại B, L=1363,09m	2011-2012	4.000	1.530	1.530	66	42
2.4	Đập nước Xuyên 2 + mương	Long Hiệp	9 ha đất SXNN	2012	3.250	3.040	3.040	7	7
2.5	Cải tạo môi trường KDC Đồng Nguyên (làm mương thoát nước)	Long Hiệp	L=1300m, mương hộp	2012-2013	6.850	5.387	5.428	494	494
2.6	Đường Suối Tía - thôn 3 (gđ 1)	Minh Long	801,5m	2009	4.141	3.911	3.940	16	0
2.7	Trạm y tế xã Long Sơn	Long Sơn	785m2	2009	1.120	1.037	1.037	3	0
2.8	Bể lọc hệ thống nước tự chảy Thác Trắng	Thanh An	20m3	2009	719	648	648	3	0
2.9	Kênh mương Xã Hoen Thượng	Long Sơn	995,1m	2009	3.217	2.882	2.885	17	16
3	**Huyện Sơn Hà**				**45.659**	**23.647**	**25.830**	**5.928**	**5.927**
3.1	Đập Xã Trạch	Sơn Thành	92ha	2011-2012	6.603	6.541	6.541	26	25
3.2	Trạm y tế Sơn Thành	Sơn Thành	227m2 và các CT phụ trợ	2011-2012	1.200	898	898	0	0
3.3	Đường Thạch Nham-Hà Bắc (đoạn Thạch Nham-Xà Riềng)	Sơn Hà	L=4000m	2011-2013	26.860	11.412	13.293	5.201	5.201
3.4	Đường Tà Ngao - Tà Cơm	Sơn Thủy	L=1500m Bn=3,5m BTXM	2012-2013	6.928	1.696	1.999	1	1
3.5	Trạm Y tế Sơn Nham	Sơn Nham	NLV: 370m2, San nền 2.400m2	2012	4.068	3.100	3.100	700	700
4	**Huyện Sơn Tây**				**18.717**	**17.688**	**17.762**	**251**	**251**
4.1	Trụ sở làm việc UBND xã Sơn Long	Sơn Long	465m2 và các CT phụ trợ	2011-2012	5.604	5.469	5.485	68	68
4.2	Trạm y tế xã Sơn Màu	Sơn Màu	351,37 m2	2011-2012	3.160	2.820	2.820	120	120
4.3	Trạm y tế xã Sơn Long	Sơn Long	351,37 m2	2011-2012	2.525	2.402	2.415	17	17

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.4	Trạm y tế xã Sơn Liên	Sơn Liên	351,37 m2	2011-2012	3.806	3.553	3.563	23	23
4.5	Trường THCS Sơn Tinh	Sơn Tinh	San nền 6300m2	2011-2012	3.622	3.444	3.480	23	23
5	**Huyện Tây Trà**				**123.006**	**68.214**	**77.161**	**14.131**	**8.684**
5.1	Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung	Trà Phong	L=6518m	2011-2013	47.840	25.518	28.431	4.001	873
5.2	TT GDTX và dạy nghề huyện Tây Trà	Trà Phong	6 phòng	2012	6.293	3.600	3.600	1.118	1.118
5.3	Điện sinh hoạt thôn Cát	Trà Thanh	3092m; 0,23KV	2011-2012	3.218	3.192	3.192	22	0
5.4	Điện sinh hoạt thôn Trà Ôi	Trà Xinh	4031m; 0,23KV	2011-2012	4.264	3.827	3.827	433	425
5.5	Trạm y tế xã Trà Lãnh	Trà Lãnh	324,45 m2	2011-2012	3.716	3.155	3.155	135	135
5.6	Cầu Trà Ích	Trà Nham	433,37m	2011-2012	3.546	3.125	3.125	265	265
5.7	Điện sinh hoạt thôn Môn	Trà Thanh	4458m; 0,23KV	2011-2012	5.332	4.331	4.331	591	591
5.8	Trường Tiểu học Trà Phong	Trà Phong	Đường BT sân trường, NHB và CT phụ trợ	2011-2012	5.756	5.756	5.756	0	0
5.9	Đường Trà Bao - Trà Khê	Tr.Quân, Tr.Khê	5112m	2011-2013	32.961	9.511	15.209	4.540	2.488
5.10	Điện sinh hoạt tổ 7 thôn Hà và tổ 5 thôn Trà Suông	Tr.Quân, Tr.Khê	ĐD 22KV và 0,4KV	2012	3.928	2.595	2.742	970	854
5.11	Điện sinh hoạt tổ 2, 3 thôn Gỗ, xã Trà Thanh	Trà Thanh	ĐD 22KV L=1202m, đường dây 0,4KV L=1341m và TBA	2012	1.952	1.295	1.295	555	539
5.12	Trạm y tế xã Trà Nham	Trà Nham	San nền 1500m2 và 12p	2012	4.200	2.311	2.500	1.500	1.397
6	**Huyện Trà Bồng**				**145.959**	**84.543**	**95.217**	**14.515**	**14.515**
6.1	Đường tổ 1 Sơn Thành - Bà Linh và Sơn Thành - thôn Đông	Trà Sơn	L=4km	2010-2012	18.021	16.248	16.248	128	128
6.2	Đường điện Thôn Cà - thôn Băng (gđ I)	Trà Hiệp	L=6383m	2011	5.770	5.734	5.734	0	0
6.3	Đường Trà Phú - Trà Giang	Tr.Phú, Tr.Giang	L=3,87km	12/2010-2012	13.558	7.946	10.177	999	999
6.4	Đường Trà Lâm - Trà Hiệp (gđ1)	Tr.Lâm, Tr.Hiệp	L=6,56km	12/2010-2012	28.092	24.991	24.992	1.238	1.238
6.5	Thủy lợi Tầm Rênh, thôn Trà Ót	Trà Tân	Tưới 3,2ha	2011	1.104	904	909	86	86
6.6	Hồ chứa nước Cây Xanh	Trà Bình	Tưới 36ha	2011-2012	11.584	5.612	9.238	1.872	1.872
6.7	NC, MR đường thôn Cưa - thôn Cà - thôn Băng	Trà Hiệp	L=6,056 km	2011-2013	41.594	9.688	14.366	4.805	4.805
6.8	Đường Bình Đông - Bình Tân	Trà Bình	L=3,439 km	2011-2013	24.210	12.619	12.620	4.801	4.801
6.9	Thủy lợi Nà Thon, thôn Cưa	Trà Hiệp	Tưới 5ha	2012	2.026	803	933	587	587
II	**Nguồn dự phòng NS Trung ương năm 2012**				**1.048.705**	**100**	**100**	**20.000**	**7.416**
1	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Vệ, đoạn An Chỉ xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành			49.705	100	100	5.000	4.932

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ Khu kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn	Bình Sơn			999.000			15.000	2.484
III	**Nguồn vượt thu ngân sách TƯ năm 2011 - các Dự án cấp bách**				**1.001.129**	**102.691**	**0**	**8.496**	**8.442**
1	Tiểu dự án sông Trường - Trà Bồng - Bình Long (hạng mục bổ sung QL 1A - Nút giao thông Võ Văn Kiệt và đường TT TT Trà Xuân)	Bình Sơn	2900m	2012-2015	600.032	59.946		54	0
2	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (gđ 2)	Lý Sơn	500 tàu	2012-2017	401.097	42.745		8.442	8.442
IV	**Hỗ trợ Phòng chống cháy rừng**				**0**	**0**	**0**	**405**	**0**
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2007-2010							405	0
V	**Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả mưa lũ**				**800**	**0**	**0**	**800**	**760**
1	Đường Ba Bích - Ba Nam	Ba Tơ		2011	300			300	276
2	Đường Ba Tơ - Ba Trang	Ba Tơ		2011	400			400	387
3	Đường Ba Tơ - Nước Đang	Ba Tơ		2011	100			100	97
VI	**Chương trình mục tiêu Quốc gia**				**224.155**	**116.526**	**119.396**	**31.558**	**26.539**
VI.1	**Chương trình Giảm nghèo**				**65.724**	**35.229**	**37.903**	**26.305**	**24.454**
1	***Hỗ trợ đầu tư CSHT các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo***				*17.498*	*12.129*	*12.129*	*4.078*	*3.707*
1.1	**Huyện Bình Sơn**				**6.382**	**2.515**	**2.515**	**2.653**	**2.584**
+	Kênh mương thủy lợi từ Miếu Thổ Kỳ đi Đồng Cà (1.000m), Bình Phú	Bình Phú	1000m	2012	1.050	210	210	290	290
+	NC mở rộng đường GTNT tuyến TL621 đi chợ trung tâm xã (150m), Bình Phú	Bình Phú	150m	2012	933	124	124	376	347
+	Đường BTXM tuyến TL621 đi Yên Sơn, Châu Bình, Bình Châu	Bình Châu		2012	1.043			1.000	987
+	SC trường TH số 1 Bình Châu, Bình Châu	Bình Châu		2011	50	46	46	4	4
+	Đường ra bến cá thôn Thanh Thủy, Bình Hải	Bình Hải		2012	1.000	777	777	223	216
+	Đường bê tông Tân Khương - Đông Thành thôn Hải Ninh, Bình Thạnh	Bình Thạnh		2010	127	122	122	30	30
+	Kênh B7-14.2 thôn Phước Hòa dài 1km, Bình Trị	Bình Trị	1000m	2012	565			400	398
+	Bê tông sân, tường rào, cổng ngõ Trường Tiểu học thôn Lệ thủy, Bình Trị	Bình Trị		2012	300	278	278	22	16
+	Nạo vét ao suối khoai dưới thôn An Lộc (đợt 2) 10.000m3, Bình Trị	Bình Trị	10.000 m3	2012	315	294	294	6	6
+	Trường TH Phước An, thôn Trung An (4 phòng, sân nền, tường rào, cổng ngõ, đường đi nội bộ), Bình Thạnh	Bình Thạnh	4phòng	2012	1.000	664	664	302	290
1.2	**Huyện Sơn Tịnh**				**1.985**	**1.907**	**1.907**	**93**	**15**
+	XD mương thoát nước bằng BTXM từ Bàu Trắng đến khu dân cư Rừng Cây 130m	Tịnh Khê	130m	2012	341	337	337	13	1

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	XD đường BTXM tuyến nhà văn hóa Mỹ Lại - Khê Thọ 610m	Tịnh Khê	610m	2012	650	632	632	18	2
+	Đường BTXM tuyến Minh Quang - bờ đập Đá Đen	Tịnh Hòa		2012	250	235	235	15	3
+	Kênh BTXM nối dài tuyến Gò Lau Đồng Quýt	Tịnh Hòa		2012	146	143	143	7	2
+	Đường BTXM tuyến QL 24B - nhà ông Nín Đông Bình	Tịnh Hòa		2012	149	137	137	13	2
+	Đường BTXM tuyến QL 24B - nhà ông Sáu Khoa - Xuân An	Tịnh Hòa		2012	200	186	186	14	2
+	Đường BTXM tuyến trường học Vĩnh Sơn - nhà ông Bùi Lê	Tịnh Hòa		2012	250	236	236	14	3
1.3	**Huyện Lý Sơn**				**2.968**	**2.690**	**2.690**	**349**	**203**
+	Tường rào, cổng ngõ, sân và nhà vệ sinh Trường tiểu học xã An Bình	An Bình		2012	1.000	959	959	41	0
+	Đường GTNT từ chợ thôn Tây xã An Hải - Đường cơ động phía Nam	An Hải		2012	368	351	351	17	8
+	Đường GTNT từ đường cơ động đến giếng hộ, xã An Hải	An Hải		2012	612	445	445	167	147
+	Đường giao thông nông thôn, xã An Vĩnh	An Vĩnh		2012	988	934	934	66	47
+	Đường giao thông nông thôn ở thôn Bắc, xã An Bình, huyện Lý Sơn	An Bình		2012				39	0
+	Phân khai còn thừa							20	0
1.4	**Huyện Tư Nghĩa**				**1.000**	**73**	**73**	**927**	**892**
+	Đường GT ven biển thôn Tân An - Phổ Trung (Mác 200, dày 20cm)	Nghĩa An	Mác 200, dày 20cm	2012	1.000	73	73	927	892
1.5	**Huyện Mộ Đức**				**3.120**	**2.951**	**2.951**	**49**	**12**
+	Bê tông đường trường TH đi Đại Thạnh (dài 850m, rộng 5m)	Đức Thắng	850m	2012	1.072	988	988	12	12
+	XD tường rào, cổng ngõ và bê tông sân nền Trạm y tế xã (dài 116m, sân nền 200m2)	Đức Minh	1200m	2012	399	398	398	2	0
+	XD tường rào, cổng ngõ và bê tông sân nền Trường MG Đạm Thủy (dài 258m, sân nền 200m2)	Đức Minh	258m	2012	629	588	588	12	0
+	Tường rào Trường MN xã Đức Lợi (gđoạn 3: dài 1.200m)	Đức Lợi	1200m	2012	420	392	392	8	0
+	Đường bê tông ngã ba Phạm An - Tân Hải (dài 500m, rộng 5m)	Đức Lợi	500m	2012	600	584	584	16	0
1.6	**Huyện Đức Phổ**				**2.042**	**1.993**	**1.993**	**7**	**1**
+	Đường GTNT từ thôn Hưng Long đi đèo Bình Đê	Phổ Châu		2012	200	198	198	2	0
+	Bê tông kênh mương Châu Me	Phổ Châu		2012	842	797	797	3	0
+	Đường Bê tông nông thôn tuyến từ nhà ông Cất đến vùng 11 và đến chợ vùng 10 thôn Phần Thất (1.200m, 6.558 m2)	Phổ Quang	1200m	2012	1.000	999	999	1	1
2	***Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn***				***48.226***	***23.100***	***25.773***	***22.227***	***20.746***
2.1	**Huyện Ba Tơ**				**8.388**	**1.646**	**2.526**	**5.874**	**5.466**
+	Đường BTXM từ UBND xã - Làng Vờ, xã Ba Nam	Ba Nam		2012-2013	1.000	66	366	634	587
+	Nhà văn hóa thôn Nước Lầy	Ba Ngạc		2012-2013	429			430	401

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Nối tiếp đường GTNT Krên - Ba Lăng	Ba Ngạc		2012-2013	570		170	400	388
+	Nhà văn hóa thôn Mang Mu	Ba Xa		2012-2013	500			500	462
+	Trường Mầm non thôn Nước Chạch	Ba Xa		2012-2013	500			500	449
+	Đường BTXM từ ngã 3 Tà Lụi - Con Riêng	Ba Trang		2012-2013	1.000	85	340	660	640
+	Nước sinh hoạt tự chảy Gọi Lế	Ba Lế		2012-2013	1.000	656	656	344	282
+	Đường BTXM UBND xã từ ngã ba Ma Năng - A Khâm	Ba Khâm		2012-2013	700	589	589	111	94
+	Trường Mầm non thôn Hố Sâu	Ba Khâm		2012-2013	300			300	281
+	Nâng cấp GTNT UBND xã - Làng Mâm, Thôn Làng Mâm	Ba Bích		2012-2013	380	31	31	369	296
+	Đường BTXM từ Km47 QL24 - Mang Lùng I, Thôn Mang Lùng 1	Ba Tô		2012-2013	410	26	131	269	263
+	Đường BTXM từ Km 54 +500 QL24 - Mang Biều, Thôn Mang Biều	Ba Tiêu		2012-2013	399			400	390
+	Đường BTXM từ Km 12 ĐT.625 - Nước Nè II, Thôn Nước Nè 2	Ba Vinh		2012-2013	400			400	396
+	Đập Bà Dư, Thôn Huy Ba 2	Ba Thành		2012-2013	200		50	150	142
+	Nâng cấp đường GTNT từ UBND xã - Gò Nè, Thôn Làng Tương	Ba Điền		2012-2013	200	194	194	6	0
+	Đường BTXM từ cầu treo - Nước Dìu, Thôn Mang Đen	Ba Vì		2012-2013	400			400	395
2.2	**Huyện Minh Long**				**4.400**	**4.184**	**4.184**	**216**	**20**
+	Đập Cà Xen + mương Xã Long Môn	Long Môn	50 ha	2012-2013	1.000	977	977	23	0
+	Đường Gò Rây - Dịp Thượng Xã Thanh An	Thanh An	752m	2012-2013	1.000	942	942	58	20
+	Đường Gò Sẹt - Biểu Qua xã Long Sơn	Long Sơn	571m	2012-2013	1.000	899	899	101	0
+	Nối dài đường Gò Reo Thôn Dục Ái	Long Hiệp	300m	2012-2013	200	197	197	3	0
+	Đường Hố Reo Thôn Hà Liệt	Long Hiệp	300m	2012-2013	200	197	197	3	0
+	Nối dài đường Nước Va Thôn Hà Bôi	Long Hiệp	300m	2012-2013	200	197	197	3	0
+	Kênh mương Hóc Núi	Long Mai	180m	2012-2013	321	308	308	14	0
+	Đập và kênh mương đồng ông Mẫn	Long Mai	3ha	2012-2013	300	290	290	10	0
+	Kè chống sạt lở đập dâng Nước Loan	Long Mai	30m	2012-2013	178	177	177	1	0
2.3	**Huyện Sơn Hà**				**12.195**	**8.699**	**8.699**	**3.501**	**3.161**
+	Đường Tà Gầm - Tà Liu, xã Sơn Kỳ	Sơn Kỳ		2012	1.000	867	867	133	84
+	Đường thôn Làng Bung - Gạp La, xã Sơn Ba	Sơn Ba		2012	1.000	3	3	997	946
+	Đường ĐT626 - Mang Hiên, xã Sơn Thủy	Sơn Thủy		2012	1.000	874	874	126	85
+	Đường ĐT626 - làng Trăng, xã Sơn Hải	Sơn Hải		2012	1.000	893	893	107	83
+	Đường ĐH72 - Làng Trá, xã Sơn Cao	Sơn Cao		2012	1.000	902	902	98	79
+	Đường Xà Riêng - xóm Hú, xã Sơn Nham	Sơn Nham		2012	1.000	893	893	107	79
+	Đường xóm suối thôn Gia Ri, xã Sơn Trung	Sơn Trung		2012	1.000	904	904	96	83

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Đường Gò Da - làng Xinh, xã Sơn Linh	Sơn Linh		2012	1.000	872	872	128	87
+	Đường xóm Đồng - Bờ Reo, xã Sơn Giang	Sơn Giang		2012	1.000	902	902	98	88
+	Đường Tà Lương - Nước Bao, xã Sơn Bao	Sơn Bao		2012	1.000	886	886	114	102
+	Cầu Breo, xã Sơn Thượng	Sơn Thượng		2012	1.000	0	0	1.000	986
+	Đường giao thông xóm Đèo, thôn Cà Tu	Sơn Hạ		2012-2013	200	172	172	28	22
+	Đường Xã Trạch - Làng Vẹt	Sơn Thành		2012-2013	395	0	0	400	389
+	Đường giao thông thôn Làng Dầu	TT Di Lăng		2012-2013	600	530	530	70	49
2.4	**Huyện Sơn Tây**				**6.145**	**1.161**	**1.341**	**4.659**	**4.529**
+	Đường giao thông xóm Mẹ Sua - Nhà ông Đía, xã Sơn Dung	Sơn Dung		2012-2013	398	318	318	82	68
+	Nhà văn hóa thôn Tang Via, xã Sơn Dung	Sơn Dung		2012-2013	744		180	420	420
+	Nước sinh hoạt Ngọc Tang, thôn Nước Be, xã Sơn Tân	Sơn Tân	35 hộ	2012-2013	502	431	431	69	57
+	Nước sinh hoạt Nước Nui, thôn Tà Dô, xã Sơn Tân	Sơn Tân	30 hộ	2012-2013	497	413	413	87	55
+	Đường giao thông thôn Xà Ruông - thôn Nước Kia (nâng cấp), xã Sơn Tinh	Sơn Tinh		2012-2013	700			700	694
+	Nước sinh hoạt xóm ông Vút - xóm ông Đoàn, xã Sơn Tinh	Sơn Tinh		2012-2013	298			300	296
+	Nước sinh hoạt KDC thôn Mang He, xã Sơn Bua	Sơn Bua	55 hộ	2012-2013	596			600	592
+	Đường BTXM xóm ông Lập - ông Miêng, xã Sơn Bua	Sơn Bua	300m	2012-2013	399			400	390
+	Nước sinh hoạt xóm ông Lép, xã Sơn Mùa	Sơn Mùa	35 hộ	2012-2013	504			500	488
+	Nước sinh hoạt xóm ông Dung, xã Sơn Mùa	Sơn Mùa	40 hộ	2012-2013	500			500	485
+	Nước sinh hoạt xóm ông Lập, xã Sơn Lập	Sơn Lập	70 hộ	2012-2013	702			700	685
+	Đường BTXM xóm ông Bang, xã Sơn Lập	Sơn Lập	300m	2012-2013	304			300	299
2.5	**Huyện Trà Bồng**				**7.000**	**6.026**	**6.026**	**974**	**838**
+	Nâng cấp, cải tạo đường kbou từ tổ 10 đi Suối Nghệ, thôn Thượng Điệu, xã Trà Tân	Trà Tân	500m	2012-2013	1.000	989	989	11	0
+	Đập thủy lợi Na Nong + hệ thống kênh, thôn 1, xã Trà Giang	Trà Giang	8ha	2012-2013	1.000	920	920	80	56
+	Bê tông hóa nông thôn đường lên khu tái định cư thôn 3, xã Trà Thuỷ	Trà Thủy	500m	2012-2013	1.000	969	969	31	11
+	Thủy lợi Nà Tà Cút, tổ 1, thôn Băng, Xã Trà Hiệp	Trà Hiệp	5ha	2012-2013	1.000	707	707	293	265
+	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại tổ 4, thôn Đông, xã Trà Sơn	Trà Sơn		2012-2013	1.000	824	824	176	156
+	Đường thôn Gò, Trà Bùi đi Đồng Hòa	Trà Bùi	1000m	2012-2013	1.000	634	634	366	350
+	Đường bê tông xi măng tổ 4, 5, 6, 7 thôn Trà Xanh, xã Trà Lâm	Trà Lâm	1000m	2012-2013	1.000	983	983	17	0
2.6	**Huyện Tây Trà**				**9.000**	**418**	**2.031**	**6.969**	**6.711**
+	Hệ thống thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt Nước Bung, Xã Trà Phong	Trà Phong	45 hộ, 06ha	2012-2013	1.000			1.000	998
+	Hệ thống nước sinh hoạt tổ 3 thôn Tây, Xã Trà Thọ	Trà Thọ	36 hộ	2012-2013	1.000	96	396	604	570
+	Hệ thống thủy lợi Trà Ong, Xã Trà Quân	Trà Quân	06ha	2012-2013	1.000	97	397	603	590
+	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Ôi, xã Trà Xinh	Trà Xinh	750 m2	2012-2013	1.000	54	417	583	551

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xanh, xã Trà Trung	Trà Trung	750 m2	2012-2013	1.000	54	404	596	543
+	Đường tổ 1 đi tổ 2 thôn Trà Vân nối tiếp, xã Trà Nham	Trà Nham	600m	2012-2013	1.000	65	65	935	822
+	Đường tổ 1 thôn Trà Lương, xã Trà Lãnh	Trà Lãnh	1200m	2012-2013	1.000	51	351	649	645
+	Nước sinh hoạt tổ 6, thôn Hà xã Trà Khê	Trà Khê	24 hộ	2012-2013	1.000			1.000	993
+	Nước sinh hoạt tổ 1 thôn Môn, xã Trà Thanh	Trà Thanh	51 hộ	2012-2013	1.000			1.000	999
2.7	**Huyện Tư Nghĩa**				**200**	**167**	**167**	**33**	**22**
+	Đường BTNT từ nhà ông Phạm Ổn (Lua) đến Gò Chùa	Nghĩa Thọ	65m	2012	100	82	82	18	13
+	Đường BTNT từ nhà ông Phạm Sớm đến Đồng Phú Lý	Nghĩa Thọ	70m	2012	100	86	86	14	9
2.8	**Huyện Nghĩa Hành**				**899**	**798**	**798**	**2**	**0**
+	Đường giao thông nhà sinh hoạt Rượng Vở - bìa Sông vệ Thôn Khánh Giang	HTĐông		2012	200	199	199	1	0
+	Bê tông xi măng kênh Rộc Phú, thôn Khánh Giang	HTĐông		2012	200	199	199	1	0
+	Nâng cấp đập Rộc Lác, thôn Trường Lệ	HTĐông		2012	200	100	100	0	0
+	Bê tông xi măng kênh Hóc Biều, thôn Trường Lệ	HTĐông		2012	300	299	299	1	0
VI.2	**Chương trình Nước sạch và VSMT nông thôn**				**19.606**	**7.838**	**7.838**	**699**	**3**
1	C.nước & NVS 04 Trạm Y tế xã nông thôn				607	387	387	73	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Sơn Tân	Sơn Tân		2010-2011	130	91	91	6	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Tịnh Hà	Tịnh hà		2010-2011	167	92	92	38	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Tịnh Châu	Tịnh Châu		2010-2011	150	113	113	0	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Trà Phong	Trà Phong		2010-2011	160	91	91	29	0
2	HTCNSH xã Trà Thủy	Trà Thủy		2010-2011	1.181	954	954	106	0
3	HT cấp nước tự chảy Trung tâm huyện Tây Trà	Tây Trà	600m3	2006-2007	1.982	1.981	1.981	1	0
4	DA cấp NSH & NVS cho Trường học nông thôn				2.079	1.359	1.359	80	0
+	HTCNSH Trường TH số 2 Tịnh Hà	Tịnh Hà		2010-2011	486	307	307	37	0
+	CNSH cho Trường TH số 1 Phổ Thạnh	Phổ Thạnh		2010-2011	404	255	255	0	0
+	CNSH cho Trường TH & THCS Hành Tín Tây	HTTây		2010-2011	497	299	299	21	0
+	Cấp NSH và NVS Trường Th Trà Bùi	Trà Bùi		2010-2011	692	498	498	22	0
5	Cấp NSH Trạm y tế xã Phổ Châu	Phổ Châu		2010-2011	458	293	293	2	0
6	HTCNSH thôn Điện An, xã Nghĩa Thương	Nghĩa Thương	280m3	2011-2012	2.936			300	0
7	SC, NC, MR HTCNSH thôn Hy Long, xã Ba Điền	Ba Điền		2012		293	293	7	0
8	HTCNSH 02 thôn Phước tây,Ph xã Đ Hòa	Đức Hòa		2012				20	0
9	Cấp nước và NVS Trường THCS Hành Tín Đông	Nghĩa Hành		2012		27	27	3	0
10	HTCNSH thôn Trà Lạc, xã Trà Lâm	Trà Lâm		2012	549			20	0
11	HTCNSH thị trấn Trà Xuân	TT Trà Xuân		2012	6.495			20	0
12	DA cấp nước và NVS cho 4 tram y tế xã nông thôn năm 2012			2012	2.079	1.359	1.359	12	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Trà Giang	Tịnh Hà			486	307	307	3	0
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Sơn Ba	Phổ Thạnh			404	255	255	5	0
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Ba Vì	HTTây			497	299	299	2	0
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Ba Ngạc	Trà Bùi			692	498	498	3	0
13	HTCNSH thôn Sơn Châu Hai xã Long Sơn	Long Sơn			1.240	1.185	1.185	55	3
VI.3	**Chương trình 135 gđ II**				**52.749**	**47.526**	**47.526**	**2.562**	**504**
1	**Huyện Ba Tơ**				**8.865**	**7.241**	**7.241**	**809**	**128**
1.1	Nối tiếp đường UBND xã đi thôn Làng Dút I	Ba Nam		2012	500	485	485	15	0
1.2	XD nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Dút II	Ba Nam	100m2	2012	500	381	381	119	0
1.3	Xây dựng trường Mầm non thôn Nước Lăng	Ba Xa	100m2	2012	500	399	399	101	0
1.4	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Nước Nhu	Ba Xa	100m2	2012	500	414	414	86	0
1.5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hố Sâu	Ba Khâm	100m2	2012	500	363	363	137	63
1.6	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đồng Răm	Ba Khâm	100m2	2012	500	374	374	126	54
1.7	Nâng cấp đường Krêu - Ba Lăng	Ba Ngạc	1,5km	2012	1.000	960	960	40	3
1.8	Cầu treo Nước Xua	Ba Lế		2012	1.329	996	996	4	0
1.9	Nâng cấp đường ngã ba Hòn Hòa đi Gò Đen (đoạn từ dốc Gò Đen đi làng Gò Đen)	Ba Trang		2012	1.000	944	944	56	0
1.10	Đường GTNT Thôn Nước Nè I	Ba Vinh	0,5km	2012	391	386	386	14	0
1.11	Nối tiếp kênh Mang Mít	Ba Thành	400m	2012	200	192	192	8	0
1.12	Đường và cầu tràn suối Nước Ngọt - Làng Tương	Ba Điền	200m	2012	170	169	169	1	0
1.13	Đường Gò Nghênh - Làng Tương	Ba Điền		2012	332	28	28	2	0
1.14	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mô Lang	Ba Tô		2012	244	45	45	5	0
1.15	Đường BTXM thôn Nước Ui (đoạn từ Cầu treo đi Nước Zết)	Ba Vì	0,5km	2012	400	353	353	47	0
1.16	Đường GTNT thôn Mang Biều	Ba Tiêu	0,5km	2012	400	383	383	17	0
1.17	Nâng cấp đường từ trường thôn Làng Mâm - tổ Làng Dêu	Ba Bích	0,6km	2012	400	370	370	30	7
2	**Huyện Minh Long**				**5.278**	**4.956**	**4.956**	**198**	**30**
2.1	Hệ thống công trình CNSHTT tập đoàn 7 Cà Xen	Long Môn	32hộ	2012	1.000	978	978	22	0
2.2	Cấp phối đường thôn Lạc Hạ	Long Sơn	300m	2012	700	667	667	33	3
2.3	Kéo điện thắp sáng cho thôn Gò Chè	Long Sơn		2012	424	299	299	1	1
2.4	Xây dựng đập và kênh mương Làng Huya	Thanh An		2012	700	670	670	30	14
2.5	Kiên cố hoá kênh mương Đồng Cần	Thanh An		2012	300	289	289	11	6
2.6	Nâng cấp mở rộng đường Nước La lên Gò Reo thôn Hà Liệt	Long Hiệp		2012	200	196	196	4	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.7	Nâng cấp mở rộng đường Gò Cà Veo thôn Dục Ái	Long Hiệp		2012	200	196	196	4	0
2.8	Nâng cấp mở rộng đường Ru Ranh thôn Hà Bôi	Long Hiệp		2012	200	196	196	4	0
2.9	Nối dài kênh mương Đồng Uông thôn Ngã Lăng	Long Mai		2012	490	484	484	6	0
2.10	Sửa chữa nước sinh hoạt Hóc Núi Thôn Tối Lạc Thượng	Long Mai		2012	310	297	297	13	0
2.11	Đường Tối Lạc Thượng	Long Mai		2012	754	684	684	70	6
3	**Huyện Sơn Hà**				**14.144**	**11.979**	**11.979**	**510**	**0**
3.1	Đường giao thông thôn Làng Rê	Sơn Kỳ		2012	976	960	960	40	0
3.2	Đường xóm Gò - Hồ Đồng Giang	Sơn Giang		2012	1.000	986	986	14	0
3.3	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung Xóm Hú, thôn Xà Riêng	Sơn Nham		2012	800	741	741	59	0
3.4	Đường vào xóm Làng Trăng	Sơn Cao		2012	1.199	1.165	1.165	35	0
3.5	Hệ thống nước sinh hoạt xóm Bồ Gục thôn Gò Da	Sơn Linh		2012	599	593	593	7	0
3.6	Mở rộng hệ thống nước sinh hoạt thôn Làng Xinh	Sơn Linh		2012	400	397	397	3	0
3.7	Nước sinh hoạt tự chảy xóm Tà Cơm	Sơn Thuỷ		2012	500	462	462	38	0
3.8	Đường giao thông từ ĐT626 - xóm ông Biều	Sơn Thuỷ		2012	500	482	482	18	0
3.9	Nhà văn hoá thôn Nước Tang	Sơn Bao		2012	500	490	490	10	0
3.10	Đường bê tông thôn Làng Mùng	Sơn Bao		2012	500	470	470	30	0
3.11	Nâng cấp đường Nhà văn hoá thôn Làng Lành - Làng Gung - Làng Rá	Sơn Hải		2012	479	468	468	32	0
3.12	Sửa chữa đường từ UBND xã - Làng Trăng - Làng Lành	Sơn Hải		2012	500	491	491	9	0
3.13	Đường dây và trạm biến áp xóm Suối, thôn Gia Ri	Sơn Trung		2012	1.000	901	901	99	0
3.14	Nâng cấp tuyến đường xóm Làng Vòm đi thôn Làng Nưa	Sơn Thượng		2012	300	289	289	11	0
3.15	Đường Suối Dầu đi Làng Trăng			2012	350	335	335	15	0
3.16	Đường giao thông làng Mía đi cơ quan xã (nối dài)	Sơn Thượng		2012	350	345	345	5	0
3.17	Mở rộng hệ thống nước sinh hoạt tập trung xóm Kà Tu, thôn Làng Ranh	Sơn Ba		2012	500	494	494	6	0
3.18	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung Suối Rang, xóm Mò O, thôn Mò O	Sơn Ba		2012	500	480	480	20	0
3.19	Nâng cấp đường Thôn Nước Nia	TT Di Lăng		2012	200	191	191	9	0
3.20	NC đường Bãi Vò - Nước Bơn, Thôn Cà Đáo	TT Di Lăng		2012	452	198	198	2	0
3.21	Nâng cấp đường thôn Làng Dầu - Gò Sim, Thôn Làng Dầu	TT Di Lăng		2012	199	186	186	14	0
3.22	Nâng cấp đường Xã Trạch - Làng Vẹt, Thôn Gò Rinh	Sơn Thành		2012	200	197	197	3	0
3.23	Nâng cấp đường 623 - Gò gạo, Thôn Gò Gạo	Sơn Thành		2012	200	196	196	4	0
3.24	Nâng cấp đường xóm Đèo, Thôn Cà Tu	Sơn Hạ		2012	200	196	196	4	0
3.25	Đường giao thông xóm Tà Gầm	Sơn Ba		2012	556	49	49	4	0
3.26	Đường giao thông xóm Di Ơi	Sơn Ba		2012	650	88	88	7	0
3.27	Đường giao thông Cà Tu - Làng Ranh	Sơn Ba		2012	535	130	130	11	0
4	**Huyện Sơn Tây**				**5.446**	**5.295**	**5.295**	**205**	**0**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.1	Đường Đăk Sút - xóm ông Nhốc, thôn Gò Lã	Sơn Dung	1,5km	2012	500	492	492	8	0
4.2	Xây dựng trường Mẫu giáo thôn Đăk Trên	Sơn Dung	70m2	2012	498	494	494	6	0
4.3	Xây dựng đường xóm ông Trăng đi khu sản xuất, thôn Ra Nhua	Sơn Tân	3km	2012	494	486	486	14	0
4.4	Đường làng Tin - Nước Vương, thôn Tà Dô	Sơn Tân	800m	2012	495	487	487	13	0
4.5	Xây dựng đường Bà He đi Thác Lụa, thôn Bà He	Sơn Tinh	300m	2012	498	493	493	7	0
4.6	Đường UBND đi xóm ông Tầm, thôn Mang He	Sơn Bua	2km	2012	701	657	657	43	0
4.7	Xây dựng đường xóm ông Tâm - KDC số 6, thôn Mang Tà Bể	Sơn Bua	1km	2012	301	298	298	2	0
4.8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tang Long	Sơn Mùa	80m2	2012	483	476	476	24	0
4.9	Trường Mẫu giáo xóm ông Lợi - thôn Nước Vương	Sơn Mùa	70m2	2012	479	470	470	30	0
4.10	Chôn trụ, kéo dây điện 0,4KV xóm ông Chung - xóm ông Dò	Sơn Lập	400m	2012	507	464	464	36	0
4.11	Xây dựng trường Mẫu giáo thôn Mang Rễ	Sơn Lập	70m2	2012	490	480	480	20	0
5	**Huyện Trà Bồng**				**9.024**	**8.186**	**8.186**	**709**	**344**
5.1	Bê tông xi măng đường Trà Ngon đi suối Loa	Trà Tân	0,5km	2012	500	497	497	3	0
5.2	Nâng cấp cải tạo đường mòn thôn Trường Giang	Trà Tân	2km	2012	500	494	494	6	0
5.3	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Quế	Trà Bùi	78 hộ	2012	1.000	949	949	51	0
5.4	Đường bê tông nông thôn từ nhà ông Rí đến nhà ông Bình	Trà Giang	1 km	2012	1.000	946	946	54	0
5.5	Xây dựng cầu BTCT suối Chòm Bòm, thôn Bắc	Trà Sơn	20m	2012	1.000	701	701	299	281
5.6	Bê tông hoá nông thôn thôn 6	Trà Thuỷ	1 km	2012	1.000	887	887	113	36
5.7	Xây dựng thủy lợi và kiên cố hoá kênh mương thủy lợi nước Xăng, thôn Trà Xanh	Trà Lâm	3,5 ha	2012	1.000	985	985	15	0
5.8	Nước sinh hoạt tổ 1, thôn Nguyên	Trà Hiệp	27 hộ	2012	1.000	877	877	123	27
5.9	Đập thuỷ lợi suối Bồi, thôn Sơn Thành	Trà Sơn		2007-2008	458	401	401	27	0
5.10	Đường dân sinh thôn Bắc	Trà Sơn		2009-2010	784	732	732	12	0
5.11	Kéo đường dây điện 0,4KV thôn Sơn Thành	Trà Sơn		2009-2010	781	717	717	6	0
6	**Huyện Tây Trà**				**8.992**	**8.879**	**8.879**	**121**	**2**
6.1	Nâng cấp thủy lợi đội 6, thôn Gò Rô	Trà Phong	5ha	2012	900	890	890	10	0
6.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Kem	Trà Xinh	750m2	2012	799	792	792	8	0
6.3	Hệ thống nước sinh hoạt tổ 2 thôn Tây	Trà Thọ	68 hộ	2012	1.100	1.072	1.072	28	0
6.4	Đường số 2 đi tổ 3 thôn Đam	Trà Trung	1500m	2012	1.000	993	993	7	0
6.5	Đường tổ 1 đi tổ 2 thôn Trà Vân	Trà Nham	960m	2012	999	997	997	3	0
6.6	Đường đi Làng Loá	Trà Lãnh	1350m	2012	1.200	1.193	1.193	7	0
6.7	Hệ thống thuỷ lợi suối Tiên 1	Trà Quân	9 ha	2012	1.000	985	985	15	0
6.8	Đường tổ 7 thôn Sơn	Trà Khê	1200m	2012	994	991	991	9	0
6.9	Thuỷ lợi tổ 3 thôn Cát	Trà Thanh	5 ha	2012	1.000	968	968	32	2

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	**Huyện Tư Nghĩa**				**200**	**193**	**193**	**7**	**0**
7.1	Xây dựng đường bê tông nông thôn từ nhà ông Phạm Ơn (Lua) đến cầu Tà Năng	Nghĩa Thọ	50m	2012	100	97	97	3	0
7.2	Xây dựng đường bê tông nông thôn từ nhà ông Phạm Chính đến thuông Gò Chùa	Nghĩa Thọ	50m	2012	100	97	97	3	0
8	**Huyện Nghĩa Hành**				**800**	**796**	**796**	**4**	**0**
8.1	Nâng cấp kênh đập Đồng Cau - Hồ Chính	Hành Tín Tây	45ha	2012	400	398	398	2	0
8.2	Nâng cấp tuyến đường Gò Thống - Hóc Bắc		2km	2012	400	398	398	2	0
VI.4	**CT phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS**				**76.352**	**16.569**	**16.765**	**1.887**	**1.565**
1	Bệnh viện tâm thần tỉnh	TPQN			16.352	16.454	16.500	37	0
2	Phòng, chống HIV/AIDS	TPQN			30.000	50	50	1.000	815
3	Phòng, chống sốt rét (TT phòng, chống sốt rét)	TPQN			20.000	15	165	350	250
4	Phòng, chống đái tháo đường (TT nội tiết tỉnh)	TPQN			10.000	50	50	500	500
VI.5	**Chương trình Trung tâm cụm xã**				**9.724**	**9.364**	**9.364**	**105**	**13**
1	Nâng cấp mở rộng HTCNSH trung tâm cụm xã Sơn Linh	Sơn Linh			3.500	3.110	3.110	90	13
2	San ủi mặt bằng TTCX Long Sơn	Long Sơn			1.846	2.256	2.256	6	0
3	Trạm khuyến nông, khuyến lâm huyện Sơn Tây	Sơn Tây			2.403	2.151	2.151	7	0
4	Phòng khám đa khoa khu vực TTCX Sơn Tinh	Sơn Tinh			1.975	1.848	1.848	2	0
VII	**Vốn viện trợ không hoàn lại**				**10.997**	**10.542**	**10.569**	**431**	**181**
1	**Vốn viện trợ của Liên minh Châu Âu cho CT 135**				**1.997**	**1.921**	**1.948**	**52**	**0**
1.1	Đường giao thông tập đoàn 8 - Mang Dung	Sơn Mùa			1.997	1.921	1.948	52	0
2	**Vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len cho Chương trình 135**				**9.000**	**8.621**	**8.621**	**379**	**181**
2.1	Đường dây 22KV từ nhà ông Kính lên nhà ông Cường	Trà Sơn			1.500	1.318	1.318	182	118
2.2	Xây dựng nhà bán trú THPT Minh Long	Long Mai			1.000	995	995	5	0
2.3	Nước sinh hoạt tổ 3, tổ 4 thôn Trà Xuông	Trà Quân			1.250	1.196	1.196	54	0
2.4	Nâng cấp tuyến đường đi thôn ba Nhà	Ba Giang			2.000	1.931	1.931	69	63
2.5	Nước sinh hoạt trung tâm xã Sơn Tân	Sơn Tân			1.750	1.726	1.726	24	0
2.6	Đường điện xóm Tà Gầm - thôn làng Bung	Sơn Ba			1.500	1.455	1.455	45	0
VIII	**Nguồn vốn tạm ứng kho bạc nhà nước**				**999.179**	**18.883**	**84.016**	**115.984**	**111.653**
1	Đầu tư xây dựng công trình Đường bờ Nam sông Trà Khúc (đoạn từ cầu Trà Khúc II đến giáp đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh)	TPQN, Tư Nghĩa			999.179	18.883	84.016	115.984	111.653
IX	**Chương trình bảo vệ và phát triển rừng**				**123.112**	**23.860**	**23.860**	**381**	**0**
1	Rừng PHĐN Thạch Nham	Sơn Hà			43.383	6.712	6.712	111	0
2	Rừng phòng hộ khu Đông huyện Ba Tơ	Ba Tơ			7.180	2.213	2.213	31	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tơ	Ba Tơ			18.579	3.967	3.967	1	0
4	Rừng phòng hộ huyện Trà Bồng	Trà Bồng			16.009	3.318	3.318	4	0
5	Rừng phòng hộ huyện Tây Trà	Tây Trà			17.768	2.411	2.411	131	0
6	Rừng phòng hộ huyện Minh Long	Minh Long			8.529	1.620	1.620	0	0
7	Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất	Bình Sơn			9.499	3.606	3.606	91	0
8	Cắm mốc giới các khu rừng phòng hộ	TPQN			2.165	13	13	12	0
B2	**Thu hồi bố trí lại**				**271.671**	**94.196**	**94.251**	**8.318**	**7.827**
I	**Các dự án khác**				**41.600**	**18.837**	**18.893**	**2.331**	**2.084**
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn An Lợi, xã Phổ Nhơn	Đức Phổ			8.300	716	716	1.479	1.479
2	Khu dân cư phía đông đường Nguyễn Du (thực hiện các hạng mục phát sinh, xử lý kỹ thuật)	TPQN			33.300	18.121	18.176	852	605
II	**Hoàn trả NSTW khoản chi sai đối tượng**				**88.879**	**37.311**	**37.311**	**2.351**	**2.351**
1	Đường bờ đông sông Kinh Giang (nối dài) thuộc hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	Sơn Tịnh			83.298	34.601	34.601	356	356
2	Đường bờ đông sông Kinh Giang (đoạn đi qua Khu du lịch của công ty CP Du lịch biển Mỹ Khê)	Sơn Tịnh			5.581	2.710	2.710	1.995	1.995
III	**Trả nợ quyết toán công trình hoàn thành**				**17.123**	**14.806**	**14.806**	**297**	**56**
1	Nhà làm việc công an thị trấn Đức Phổ	Đức Phổ			1.906	1.785	1.785	56	56
2	Khu dân cư phía tây Trương Định	TPQN			15.217	13.021	13.021	241	0
IV	**Chương trình bảo vệ và phát triển rừng**				**124.070**	**23.242**	**23.242**	**3.339**	**3.336**
1	Rừng PHĐN Thạch Nham	Sơn Hà			43.383	6.712	6.712	500	500
2	Rừng phòng hộ khu Đông Ba Tơ	Ba Tơ			7.180	2.213	2.213	350	350
3	Rừng phòng hộ khu Tây Ba Tơ	Ba Tơ			18.579	3.967	3.967	400	400
4	Rừng phòng hộ Trà Bồng	Trà Bồng			16.009	3.318	3.318	339	339
5	Rừng phòng hộ Tây Trà	Tây Trà			17.768	2.411	2.411	400	400
6	Rừng phòng hộ Sơn Tây	Sơn Tây			11.652	1.014	1.014	400	400
7	Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất	Bình Sơn			9.499	3.606	3.606	950	948
C	**Nguồn vốn năm 2013**				**20.151.445**	**4.235.276**	**4.940.314**	[illegible]	[illegible]
C.1	**Nguồn cân đối ngân sách**				**6.892.956**	**1.607.796**	**1.735.594**	**498.019**	**470.933**
I	**Chuẩn bị đầu tư**				**1.745.568**	**375**	**475**	**7.484**	**5.969**
I.1	**DA chuẩn bị đầu tư từ năm trước (chưa phê duyệt)**				**814.930**	**325**	**425**	**2.000**	**1.652**
1	Xây dựng các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Quảng ngãi	các huyện	20 trạm		70.000			400	400
2	Mở rộng, nâng cấp Trường THPT chuyên Lê Khiết	P.Nghĩa Lộ			150.000		100	400	52

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trong đô thị Vạn Tường: KDC Hải Nam và KDC Tây Bắc Vạn Tường (giai đoạn 3)	Bình Sơn	30ha		550.000	125	125	600	600
4	Mở rộng Nhà văn hóa Lao động tỉnh (giai đoạn 2)	TPQN			14.930			150	150
5	Trạm bơm Hóc Hão và trạm bơm Hóc Kẽm, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn	Bình Thanh Tây	tưới 35 ha		10.000	100	100	150	150
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	6001 hộ		20.000	100	100	300	300
L2	**Các DA chuẩn bị đầu tư mới**				**717.238**	**50**	**50**	**5.094**	**4.055**
1	Mở rộng các khoa: Thận nhân tạo, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, bệnh nhiệt đới thuộc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	1031m2, thiết bị		14.826	50	50	150	150
2	Sửa chữa, cải tạo nhà 2 tầng (khoa nhiệt đới, cơ sở cũ BVĐK tỉnh) để làm cơ sở hoạt động cho bệnh viện Y học cổ truyền	TPQN	2029 m2 sàn		14.954			150	150
3	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Hướng nghiệp và Dạy nghề tỉnh, hạng mục: cải tạo phòng học 3 tầng và xây dựng mới nhà hiệu bộ	TPQN			7.678			150	105
4	Xây dựng phòng học mầm non				45.500	0	0	750	271
4.1	*Thành phố Quảng Ngãi*				*16.500*	*0*	*0*	*240*	*0*
+	Trường mầm non Nghĩa Dũng	Nghĩa Dũng	7 phòng	2014	3.500			50	0
+	Trường mầm non Chánh Lộ	Chánh Lộ	5 phòng	2014	2.500			40	0
+	Trường mầm non Quảng Phú	Quảng Phú	8 phòng	2014	4.000			60	0
+	Trường mầm non Nghĩa Dõng	Nghĩa Dõng	7 phòng	2014	3.500			50	0
+	Trường mầm non Lê Hồng Phong	Lê Hồng	6 phòng	2014	3.000			40	0
4.2	*Huyện Tư Nghĩa*				*3.000*	*0*		40	*0*
+	Trường mầm non Nghĩa An	Nghĩa An	4 phòng	2014	2.000			25	0
+	Trường mầm non Nghĩa Thương	Nghĩa Thương	2 phòng	2014	1.000			15	0
4.3	*Huyện Mộ Đức*				*4.500*	*0*	*0*	55	55
+	Trường mầm non Đức Hiệp	Đức Hiệp	3 phòng	2014	1.500			20	20
+	Trường mầm non Đức Phong	Đức Phong	3 phòng	2014	1.500			15	15
+	Trường mầm non Đức Minh	Đức Minh	3 phòng	2014	1.500			20	20
4.4	*Huyện Đức Phổ*				*2.000*	*0*	*0*	*30*	*0*
+	Trường mầm non Phổ Thạnh	Phổ Thạnh	4 phòng	2014	2.000			30	0
4.5	*Huyện Nghĩa Hành*				*1.000*	*0*	*0*	*15*	*0*
+	Trường mầm non Hành Đức	Hành Đức	2 phòng	2014	1.000			15	0
4.6	*Huyện Sơn Tịnh*				*3.500*	*0*	*0*	*45*	*45*
+	Trường mầm non Tịnh Thọ	Tịnh Thọ	3 phòng	2014	1.500			15	15
+	Trường mầm non Tịnh Phong	Tịnh Phong	2 phòng	2014	1.000			15	15

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Trường mầm non Tịnh Sơn	Tịnh Sơn	2 phòng	2014	1.000			15	15
4.7	*Huyện Bình Sơn*				*2.000*	*0*	*0*	*30*	*25*
+	Trường Mẫu giáo Bình Chương	Bình Chương	1 phòng	2014	500			10	10
+	Trường Mẫu giáo Bình Phước	Trường Mầu giáo	2 phòng	2014	1.000			10	10
+	Trường Mẫu giáo Bình Phú	Bình Phú	1 phòng	2014	500			10	5
4.8	*Huyện Minh Long*				*2.500*	*0*	*0*	*30*	*30*
+	Trường Mẫu giáo Long Sơn	Long Sơn	2 phòng	2014	1.000			12	12
+	Trường Mẫu giáo Long Hiệp	Long Hiệp	3 phòng	2014	1.500			18	18
4.9	*Huyện Sơn Hà*				*5.500*	*0*	*0*	*70*	*51*
+	Trường mầm non Họa Mi	TT Di Lăng	1 phòng	2014	500			7	4
+	Trường Mẫu giáo làng Gung, Sơn Cao	Sơn Cao	1 phòng	2014	500			7	4
+	Trường Mẫu giáo làng Trá, Sơn Cao	Sơn Cao	1 phòng	2014	500			7	4
+	Trường Mẫu giáo làng Mon, Sơn Cao	Sơn Cao	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo Làng Rí, Sơn Giang	Sơn Giang	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo Làng Rê, Sơn Giang	Sơn Giang	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo Tà Bi, Sơn Thủy	Sơn Thủy	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo làng Rết, Sơn Kỳ	Sơn Kỳ	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo thôn Tà Gầm, Sơn Ba	Sơn Ba	1 phòng	2014	500			6	6
+	Trường Mẫu giáo thôn Làng Già, Sơn Ba	Sơn Ba	1 phòng	2014	500			6	6
+	Trường Mẫu giáo Xà Riêng, Sơn Nham	Sơn Nham	1 phòng	2014	500			7	4
4.10	*Huyện Sơn Tây*				*3.500*	*0*	*0*	*45*	*45*
+	Trường mầm non Sơn Tân	Sơn Tân	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Sơn Tinh	Sơn Tinh	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Bãi Màu	Sơn Màu	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Đăk Rinh	Sơn Dung	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Đăk Ra Pân	Sơn Long	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non TukaPan	Sơn Bua	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Sông Rin	Sơn Liên	1 phòng	2014	500			6	6
4.11	*Huyện Tây Trà*				*1.500*	*0*	*0*	*20*	*20*
+	Trường Mẫu giáo Trà Phong	Trà Phong	3 phòng	2014	1.500			20	20
4.12	*Huyện Ba Tơ*							100	0
+	Trường mầm non Ba Xa		2 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Thành		1 phòng					0	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 16/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ NĂM HIỆN HÀNH VÀ DỰ TOÁN NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 / 01 /2015 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<u>Tổng cộng:</u>				**24.575.316**	**5.079.850**	**5.771.772**	**2.514.412**	**1.797.436**
A	**Ghi thu ghi chi**				**217.461**	**154.622**	**154.622**	[illegible]	[illegible]
1	Cầu Sông Liên - Ba Cung	Ba Cung			29.600			13.372	13.372
2	Đường Trà Giang - Trà Thủy	Trà Thủy			20.710	14.136	14.136	6.605	6.605
3	Hệ thống cấp nước Thị trấn Di Lăng	Di Lăng			30.000	18.289	18.289	7.055	7.055
4	Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	địa bàn tỉnh				70.000	70.000	50.000	50.000
5	*Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền trung*	địa bàn tỉnh			137.151	52.197	52.197	5.772	5.772
B	**Nguồn vốn năm 2012 chuyển sang**				**4.206.410**	**690.941**	**676.956**	**248.120**	**204.427**
B.1	**Chuyển tiếp**				**3.934.739**	**595.755**	**582.685**	**233.802**	**196.600**
I	**TW hỗ trợ có mục tiêu**				**526.661**	**323.154**	**344.745**	**55.746**	**41.607**
I.1	**Chương trình phát triển KT-XH vùng**				**42.000**	**20.319**	**26.441**	**8.559**	**325**
1	Đội cảnh sát PCCC KKT Dung Quất (Mua 2 xe PCCC)	Dung Quất	2 xe PCCC	2011-2012	42.000	20.319	26.441	8.559	325
I.2	**Chương trình di dân định canh, Đ.cư cho đồng bào dân tộc thiểu số**			2010-2011	**9.970**	**6.883**	**0**	**117**	**0**
1	Định canh định cư Mang Pô thôn Gò Da xã Sơn Ba, huyện Sơn Hà	Sơn Ba	38 hộ	2010-2011	9.970	6.883		117	0
I.3	**Chương trình hỗ trợ theo Nghị quyết 30a**				**474.691**	**295.952**	**318.304**	**47.070**	**41.283**
1	**Huyện Ba Tơ**				**84.980**	**64.941**	**65.151**	**10.327**	**10.034**
1.1	Trạm y tế xã Ba Cung	Ba Cung	262,16 m2	2010-2011	1.502	1.000	1.000	5	0
1.2	Trạm y tế xã Ba Tô	Ba Tô	262,16 m2	2010-2011	1.600	1.257	1.257	6	6
1.3	Trạm y tế xã Ba Tiêu	Ba Tiêu	262,16 m2	2010-2011	1.600	1.553	1.553	6	6
1.4	Đập dâng Đồng Quang	Ba Động	Tưới 9,54ha	2011	3.487	3.308	3.308	0	0
1.5	Bờ kè Rộc Măng	Ba Tơ	688,89m	2009-2011	5.161	5.000	5.000	19	19
1.6	Trạm y tế xã Ba Giang	Ba Giang	262,12m2	2009-2011	1.498	1.446	1.446	5	5
1.7	Chợ liên xã khu Đông huyện Ba Tơ	Ba Động	03 ha	2011-2012	8.576	7.016	7.025	403	364
1.8	Cầu Làng Mum	Ba Bích	L=126m, khổ cầu	2011-2012	13.233	9.557	9.690	2.700	2.591
1.9	Cầu Hóc Kè	Ba Tơ	L=126m, khổ cầu B=6,5m; Đ cầu L=368,2m	2011-2012	14.967	13.191	13.191	936	936
1.10	Trung tâm dịch vụ tổng hợp nông lâm nghiệp	TT Ba Tơ	DT sàn: 579,2m2	2012	4.285	1.935	1.935	1.909	1.909

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.11	Trạm y tế xã Ba Trang	Ba Trang	DT sàn: 262,12 m2	2012	2.533	2.176	2.176	224	224
1.12	Trạm y tế xã Ba Liên	Ba Liên	DT sàn: 502,8m2	2012	3.063	2.208	2.208	92	92
1.13	Trạm y tế xã Ba Dinh	Ba Dinh	DT sàn: 502,8m2	2012	3.087	2.957	2.957	11	11
1.14	Trạm y tế xã Ba Lế	Ba Lế	DT sàn: 262,12 m2	2012	2.121	1.522	1.522	505	505
1.15	Đập Dốc Ổi 2	Ba Liên	Tưới 04ha	2012	5.431	3.151	3.187	1.380	1.335
1.16	Đường QL24 (Km25,5) - Gò Chùa	Ba Động	Cầu L=15m	2012	6.046	2.085	2.118	1.500	1.424
1.17	Trường THCS Ba Động	Ba Động	DT sàn: 396m2	2012	2.394	1.500	1.500	607	607
1.18	Trường phổ thông cơ sở Ba Bích	Ba Bích	1060m2	2009-2010	2.998	2.828	2.828	3	0
1.19	Đường BTXM thôn Đá Chát	Ba Liên	1154m	2010-2012	1.397	1.251	1.251	17	0
2	**Huyện Minh Long**				**56.370**	**36.919**	**37.182**	**1.918**	**1.871**
2.1	Đường TT xã Long Hiệp huyện GĐ1	Long Hiệp		2011-2013	29.012	16.413	16.584	1.131	1.131
2.2	Đường Long Hiệp-Tập đoàn 11	Long Hiệp	L=780,2m +kè	2011-2012	4.061	2.070	2.091	180	180
2.3	Đường Làng Trê - Hố Bà Bảo	Long Môn	Đường GTNT loại B, L=1363,09m	2011-2012	4.000	1.530	1.530	66	42
2.4	Đập nước Xuyên 2 + mương	Long Hiệp	9 ha đất SXNN	2012	3.250	3.040	3.040	7	7
2.5	Cải tạo môi trường KDC Đồng Nguyên (làm mương thoát nước)	Long Hiệp	L=1300m, mương hộp	2012-2013	6.850	5.387	5.428	494	494
2.6	Đường Suối Tía - thôn 3 (gđ 1)	Minh Long	801,5m	2009	4.141	3.911	3.940	16	0
2.7	Trạm y tế xã Long Sơn	Long Sơn	785m2	2009	1.120	1.037	1.037	3	0
2.8	Bể lọc hệ thống nước tự chảy Thác Trắng	Thanh An	20m3	2009	719	648	648	3	0
2.9	Kênh mương Xã Hoen Thượng	Long Sơn	995,1m	2009	3.217	2.882	2.885	17	16
3	**Huyện Sơn Hà**				**45.659**	**23.647**	**25.830**	**5.928**	**5.927**
3.1	Đập Xã Trạch	Sơn Thành	92ha	2011-2012	6.603	6.541	6.541	26	25
3.2	Trạm y tế Sơn Thành	Sơn Thành	227m2 và các CT phụ trợ	2011-2012	1.200	898	898	0	0
3.3	Đường Thạch Nham-Hà Bắc (đoạn Thạch Nham-Xà Riềng)	Sơn Hà	L=4000m	2011-2013	26.860	11.412	13.293	5.201	5.201
3.4	Đường Tà Ngao - Tà Cơm	Sơn Thủy	L=1500m Bn=3,5m BTXM	2012-2013	6.928	1.696	1.999	1	1
3.5	Trạm Y tế Sơn Nham	Sơn Nham	NLV: 370m2, San nền 2.400m2	2012	4.068	3.100	3.100	700	700
4	**Huyện Sơn Tây**				**18.717**	**17.688**	**17.762**	**251**	**251**
4.1	Trụ sở làm việc UBND xã Sơn Long	Sơn Long	465m2 và các CT phụ trợ	2011-2012	5.604	5.469	5.485	68	68
4.2	Trạm y tế xã Sơn Màu	Sơn Màu	351,37 m2	2011-2012	3.160	2.820	2.820	120	120
4.3	Trạm y tế xã Sơn Long	Sơn Long	351,37 m2	2011-2012	2.525	2.402	2.415	17	17

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.4	Trạm y tế xã Sơn Liên	Sơn Liên	351,37 m2	2011-2012	3.806	3.553	3.563	23	23
4.5	Trường THCS Sơn Tinh	Sơn Tinh	San nền 6300m2	2011-2012	3.622	3.444	3.480	23	23
5	**Huyện Tây Trà**				**123.006**	**68.214**	**77.161**	**14.131**	**8.684**
5.1	Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung	Trà Phong	L=6518m	2011-2013	47.840	25.518	28.431	4.001	873
5.2	TT GDTX và dạy nghề huyện Tây Trà	Trà Phong	6 phòng	2012	6.293	3.600	3.600	1.118	1.118
5.3	Điện sinh hoạt thôn Cát	Trà Thanh	3092m; 0,23KV	2011-2012	3.218	3.192	3.192	22	0
5.4	Điện sinh hoạt thôn Trà Ôi	Trà Xinh	4031m; 0,23KV	2011-2012	4.264	3.827	3.827	433	425
5.5	Trạm y tế xã Trà Lãnh	Trà Lãnh	324,45 m2	2011-2012	3.716	3.155	3.155	135	135
5.6	Cầu Trà Ích	Trà Nham	433,37m	2011-2012	3.546	3.125	3.125	265	265
5.7	Điện sinh hoạt thôn Môn	Trà Thanh	4458m; 0,23KV	2011-2012	5.332	4.331	4.331	591	591
5.8	Trường Tiểu học Trà Phong	Trà Phong	Đường BT sân trường, NHB và CT phụ trợ	2011-2012	5.756	5.756	5.756	0	0
5.9	Đường Trà Bao - Trà Khê	Tr.Quân, Tr.Khê	5112m	2011-2013	32.961	9.511	15.209	4.540	2.488
5.10	Điện sinh hoạt tổ 7 thôn Hà và tổ 5 thôn Trà Sương	Tr.Quân, Tr.Khê	ĐD 22KV và 0,4KV	2012	3.928	2.595	2.742	970	854
5.11	Điện sinh hoạt tổ 2, 3 thôn Gỗ, xã Trà Thanh	Trà Thanh	ĐD 22KV L=1202m, đường dây 0,4KV L=1341m và TBA	2012	1.952	1.295	1.295	555	539
5.12	Trạm y tế xã Trà Nham	Trà Nham	San nền 1500m2 và 12p	2012	4.200	2.311	2.500	1.500	1.397
6	**Huyện Trà Bồng**				**145.959**	**84.543**	**95.217**	**14.515**	**14.515**
6.1	Đường tổ 1 Sơn Thành - Bà Linh và Sơn Thành - thôn Đông	Trà Sơn	L=4km	2010-2012	18.021	16.248	16.248	128	128
6.2	Đường điện Thôn Cà - thôn Băng (gđ 1)	Trà Hiệp	L=6383m	2011	5.770	5.734	5.734	0	0
6.3	Đường Trà Phú - Trà Giang	Tr.Phú, Tr.Giang	L=3,87km	12/2010-2012	13.558	7.946	10.177	999	999
6.4	Đường Trà Lâm - Trà Hiệp (gđ1)	Tr.Giang, Tr.Hiệp	L=6,56km	12/2010-2012	28.092	24.991	24.992	1.238	1.238
6.5	Thủy lợi Tầm Rênh, thôn Trà Ót	Trà Tân	Tưới 3,2ha	2011	1.104	904	909	86	86
6.6	Hồ chứa nước Cây Xanh	Trà Bình	Tưới 36ha	2011-2012	11.584	5.612	9.238	1.872	1.872
6.7	NC, MR đường thôn Cưa - thôn Cà - thôn Băng	Trà Hiệp	L=6,056 km	2011-2013	41.594	9.688	14.366	4.805	4.805
6.8	Đường Bình Đông - Bình Tân	Trà Bình	L=3,439 km	2011-2013	24.210	12.619	12.620	4.801	4.801
6.9	Thủy lợi Nà Thon, thôn Cưa	Trà Hiệp	Tưới 5ha	2012	2.026	803	933	587	587
II	**Nguồn dự phòng NS Trung ương năm 2012**				**1.048.705**	**100**	**100**	**20.000**	**7.416**
1	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Vệ, đoạn An Chỉ xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành			49.705	100	100	5.000	4.932

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ Khu kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn	Bình Sơn			999.000			15.000	2.484
III	**Nguồn vượt thu ngân sách TƯ năm 2011 - các Dự án cấp bách**				**1.001.129**	**102.691**	**0**	**8.496**	**8.442**
1	Tiểu dự án sông Trường - Trà Bồng - Bình Long (hạng mục bổ sung QL 1A - Nút giao thông Võ Văn Kiệt và đường TT TT Trà Xuân)	Bình Sơn	2900m	2012-2015	600.032	59.946		54	0
2	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (gđ 2)	Lý Sơn	500 tàu	2012-2017	401.097	42.745		8.442	8.442
IV	**Hỗ trợ Phòng chống cháy rừng**				**0**	**0**	**0**	**405**	**0**
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2007-2010							405	0
V	**Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả mưa lũ**				**800**	**0**	**0**	**800**	**760**
1	Đường Ba Bích - Ba Nam	Ba Tơ		2011	300			300	276
2	Đường Ba Tơ - Ba Trang	Ba Tơ		2011	400			400	387
3	Đường Ba Tơ - Nước Đang	Ba Tơ		2011	100			100	97
VI	**Chương trình mục tiêu Quốc gia**				**224.155**	**116.526**	**119.396**	**31.558**	**26.539**
VI.1	**Chương trình Giảm nghèo**				**65.724**	**35.229**	**37.903**	**26.305**	**24.454**
1	***Hỗ trợ đầu tư CSHT các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo***				*17.498*	*12.129*	*12.129*	*4.078*	*3.707*
1.1	**Huyện Bình Sơn**				**6.382**	**2.515**	**2.515**	**2.653**	**2.584**
+	Kênh mương thủy lợi từ Miếu Thổ Kỳ đi Đồng Cà (1.000m), Bình Phú	Bình Phú	1000m	2012	1.050	210	210	290	290
+	NC mở rộng đường GTNT tuyến TL621 đi chợ trung tâm xã (150m), Bình Phú	Bình Phú	150m	2012	933	124	124	376	347
+	Đường BTXM tuyến TL621 đi Yên Sơn, Châu Bình, Bình Châu	Bình Châu		2012	1.043			1.000	987
+	SC trường TH số 1 Bình Châu, Bình Châu	Bình Châu		2011	50	46	46	4	4
+	Đường ra bến cá thôn Thanh Thủy, Bình Hải	Bình Hải		2012	1.000	777	777	223	216
+	Đường bê tông Tân Khương - Đông Thành thôn Hải Ninh, Bình Thạnh	Bình Thạnh		2010	127	122	122	30	30
+	Kênh B7-14.2 thôn Phước Hòa dài 1km, Bình Trị	Bình Trị	1000m	2012	565			400	398
+	Bê tông sân, tường rào, cổng ngõ Trường Tiểu học thôn Lệ thủy, Bình Trị	Bình Trị		2012	300	278	278	22	16
+	Nạo vét ao suối khoai dưới thôn An Lộc (đợt 2) 10.000m3, Bình Trị	Bình Trị	10.000 m3	2012	315	294	294	6	6
+	Trường TH Phước An, thôn Trung An (4 phòng, sân nền, tường rào, cổng, ngõ, đường đi nội bộ), Bình Thạnh	Bình Thạnh	4phòng	2012	1.000	664	664	302	290
1.2	**Huyện Sơn Tịnh**				**1.985**	**1.907**	**1.907**	**93**	**15**
+	XD mương thoát nước bằng BTXM từ Bàu Trắng đến khu dân cư Rừng Cây 130m	Tịnh Khê	130m	2012	341	337	337	13	1

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	XD đường BTXM tuyến nhà văn hóa Mỹ Lại - Khê Thọ 610m	Tịnh Khê	610m	2012	650	632	632	18	2
+	Đường BTXM tuyến Minh Quang - bờ đập Đá Đen	Tịnh Hòa		2012	250	235	235	15	3
+	Kênh BTXM nối dài tuyến Gò Lau Đồng Quýt	Tịnh Hòa		2012	146	143	143	7	2
+	Đường BTXM tuyến QL 24B - nhà ông Nín Đông Bình	Tịnh Hòa		2012	149	137	137	13	2
+	Đường BTXM tuyến QL 24B - nhà ông Sáu Khoa - Xuân An	Tịnh Hòa		2012	200	186	186	14	2
+	Đường BTXM tuyến trường học Vĩnh Sơn - nhà ông Bùi Lê	Tịnh Hòa		2012	250	236	236	14	3
1.3	**Huyện Lý Sơn**				**2.968**	**2.690**	**2.690**	**349**	**203**
+	Tường rào, cổng ngõ, sân và nhà vệ sinh Trường tiểu học xã An Bình	An Bình		2012	1.000	959	959	41	0
+	Đường GTNT từ chợ thôn Tây xã An Hải - Đường cơ động phía Nam	An Hải		2012	368	351	351	17	8
+	Đường GTNT từ đường cơ động đến giếng hộ, xã An Hải	An Hải		2012	612	445	445	167	147
+	Đường giao thông nông thôn, xã An Vĩnh	An Vĩnh		2012	988	934	934	66	47
+	Đường giao thông nông thôn ở thôn Bắc, xã An Bình, huyện Lý Sơn	An Bình		2012				39	0
+	Phân khai còn thừa							20	0
1.4	**Huyện Tư Nghĩa**				**1.000**	**73**	**73**	**927**	**892**
+	Đường GT ven biển thôn Tân An - Phổ Trung (Mác 200, dày 20cm)	Nghĩa An	Mác 200, dày 20cm	2012	1.000	73	73	927	892
1.5	**Huyện Mộ Đức**				**3.120**	**2.951**	**2.951**	**49**	**12**
+	Bê tông đường trường TH đi Đại Thạnh (dài 850m, rộng 5m)	Đức Thắng	850m	2012	1.072	988	988	12	12
+	XD tường rào, cổng ngõ và bê tông sân nền Trạm y tế xã (dài 116m, sân nền 200m2)	Đức Minh	1200m	2012	399	398	398	2	0
+	XD tường rào, cổng ngõ và bê tông sân nền Trường MG Đạm Thủy (dài 258m, sân nền 200m2)	Đức Minh	258m	2012	629	588	588	12	0
+	Tường rào Trường MN xã Đức Lợi (gđoạn 3: dài 1.200m)	Đức Lợi	1200m	2012	420	392	392	8	0
+	Đường bê tông ngã ba Phạm An - Tân Hải (dài 500m, rộng 5m)	Đức Lợi	500m	2012	600	584	584	16	0
1.6	**Huyện Đức Phổ**				**2.042**	**1.993**	**1.993**	**7**	**1**
+	Đường GTNT từ thôn Hưng Long đi đèo Bình Đê	Phổ Châu		2012	200	198	198	2	0
+	Bê tông kênh mương Châu Me	Phổ Châu		2012	842	797	797	3	0
+	Đường Bê tông nông thôn tuyến từ nhà ông Cất đến vùng 11 và đến chợ vùng 10 thôn Phần Thất (1.200m, 6.558 m2)	Phổ Quang	1200m	2012	1.000	999	999	1	1
2	***Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn***				***48.226***	***23.100***	***25.773***	***22.227***	***20.746***
2.1	**Huyện Ba Tơ**				**8.388**	**1.646**	**2.526**	**5.874**	**5.466**
+	Đường BTXM từ UBND xã - Làng Vờ, xã Ba Nam	Ba Nam		2012-2013	1.000	66	366	634	587
+	Nhà văn hóa thôn Nước Lầy	Ba Ngạc		2012-2013	429			430	401

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Nối tiếp đường GTNT Kréo - Ba Lăng	Ba Ngạc		2012-2013	570		170	400	388
+	Nhà văn hóa thôn Mang Mu	Ba Xa		2012-2013	500			500	462
+	Trường Mầm non thôn Nước Chạch	Ba Xa		2012-2013	500			500	449
+	Đường BTXM từ ngã 3 Tà Lụi - Con Riêng	Ba Trang		2012-2013	1.000	85	340	660	640
+	Nước sinh hoạt tự chảy Gọi Lế	Ba Lế		2012-2013	1.000	656	656	344	282
+	Đường BTXM UBND xã từ ngã ba Ma Năng - A Khâm	Ba Khâm		2012-2013	700	589	589	111	94
+	Trường Mầm non thôn Hố Sâu	Ba Khâm		2012-2013	300			300	281
+	Nâng cấp GTNT UBND xã - Làng Mâm, Thôn Làng Mâm	Ba Bích		2012-2013	380	31	31	369	296
+	Đường BTXM từ Km47 QL24 - Mang Lùng I, Thôn Mang Lùng 1	Ba Tô		2012-2013	410	26	131	269	263
+	Đường BTXM từ Km 54 +500 QL24 - Mang Biều, Thôn Mang Biều	Ba Tiêu		2012-2013	399			400	390
+	Đường BTXM từ Km 12 ĐT.625 - Nước Nẻ II, Thôn Nước Nẻ 2	Ba Vinh		2012-2013	400			400	396
+	Đập Bà Du, Thôn Huy Ba 2	Ba Thành		2012-2013	200		50	150	142
+	Nâng cấp đường GTNT từ UBND xã - Gò Nẻ, Thôn Làng Tương	Ba Điền		2012-2013	200	194	194	6	0
+	Đường BTXM từ cầu treo - Nước Dìu, Thôn Mang Đen	Ba Vì		2012-2013	400			400	395
2.2	**Huyện Minh Long**				**4.400**	**4.184**	**4.184**	**216**	**20**
+	Đập Cà Xen + mương Xã Long Môn	Long Môn	50 ha	2012-2013	1.000	977	977	23	0
+	Đường Gò Rây - Dịp Thượng Xã Thanh An	Thanh An	752m	2012-2013	1.000	942	942	58	20
+	Đường Gò Sẹt - Biều Qua xã Long Sơn	Long Sơn	571m	2012-2013	1.000	899	899	101	0
+	Nối dài đường Gò Reo Thôn Dục Ái	Long Hiệp	300m	2012-2013	200	197	197	3	0
+	Đường Hố Reo Thôn Hà Liệt	Long Hiệp	300m	2012-2013	200	197	197	3	0
+	Nối dài đường Nước Va Thôn Hà Bôi	Long Hiệp	300m	2012-2013	200	197	197	3	0
+	Kênh mương Hóc Núi	Long Mai	180m	2012-2013	321	308	308	14	0
+	Đập và kênh mương đồng ông Mẫn	Long Mai	3ha	2012-2013	300	290	290	10	0
+	Kè chống sạt lở đập đăng Nước Loan	Long Mai	30m	2012-2013	178	177	177	1	0
2.3	**Huyện Sơn Hà**				**12.195**	**8.699**	**8.699**	**3.501**	**3.161**
+	Đường Tà Gầm - Tà Liu, xã Sơn Kỳ	Sơn Kỳ		2012	1.000	867	867	133	84
+	Đường thôn Làng Bung - Gạp La, xã Sơn Ba	Sơn Ba		2012	1.000	3	3	997	946
+	Đường ĐT626 - Mang Hiên, xã Sơn Thủy	Sơn Thủy		2012	1.000	874	874	126	85
+	Đường ĐT626 - làng Trăng, xã Sơn Hải	Sơn Hải		2012	1.000	893	893	107	83
+	Đường ĐH72 - Làng Trá, xã Sơn Cao	Sơn Cao		2012	1.000	902	902	98	79
+	Đường Xà Riêng - xóm Hú, xã Sơn Nham	Sơn Nham		2012	1.000	893	893	107	79
+	Đường xóm suối thôn Gia Rí, xã Sơn Trung	Sơn Trung		2012	1.000	904	904	96	83

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Đường Gò Da - làng Xinh, xã Sơn Linh	Sơn Linh		2012	1.000	872	872	128	87
+	Đường xóm Đồng - Bờ Reo, xã Sơn Giang	Sơn Giang		2012	1.000	902	902	98	88
+	Đường Tà Lương - Nước Bao, xã Sơn Bao	Sơn Bao		2012	1.000	886	886	114	102
+	Cầu Breo, xã Sơn Thượng	Sơn Thượng		2012	1.000	0	0	1.000	986
+	Đường giao thông xóm Đèo, thôn Cà Tu	Sơn Hạ		2012-2013	200	172	172	28	22
+	Đường Xã Trạch - Làng Vẹt	Sơn Thành		2012-2013	395	0	0	400	389
+	Đường giao thông thôn Làng Dầu	TT Di Lăng		2012-2013	600	530	530	70	49
2.4	**Huyện Sơn Tây**				**6.145**	**1.161**	**1.341**	**4.659**	**4.529**
+	Đường giao thông xóm Mẹ Sua - Nhà ông Đía, xã Sơn Dung	Sơn Dung		2012-2013	398	318	318	82	68
+	Nhà văn hóa thôn Tang Via, xã Sơn Dung	Sơn Dung		2012-2013	744		180	420	420
+	Nước sinh hoạt Ngọc Tang, thôn Nước Be, xã Sơn Tân	Sơn Tân	35 hộ	2012-2013	502	431	431	69	57
+	Nước sinh hoạt Nước Nui, thôn Tà Dô, xã Sơn Tân	Sơn Tân	30 hộ	2012-2013	497	413	413	87	55
+	Đường giao thông thôn Xà Ruông - thôn Nước Kla (nâng cấp), xã Sơn Tinh	Sơn Tinh		2012-2013	700			700	694
+	Nước sinh hoạt xóm ông Vút - xóm ông Đoàn, xã Sơn Tinh	Sơn Tinh		2012-2013	298			300	296
+	Nước sinh hoạt KDC thôn Mang He, xã Sơn Bua	Sơn Bua	55 hộ	2012-2013	596			600	592
+	Đường BTXM xóm ông Lập - ông Miêng, xã Sơn Bua	Sơn Bua	300m	2012-2013	399			400	390
+	Nước sinh hoạt xóm ông Lép, xã Sơn Mùa	Sơn Mùa	35 hộ	2012-2013	504			500	488
+	Nước sinh hoạt xóm ông Dung, xã Sơn Mùa	Sơn Mùa	40 hộ	2012-2013	500			500	485
+	Nước sinh hoạt xóm ông Lập, xã Sơn Lập	Sơn Lập	70 hộ	2012-2013	702			700	685
+	Đường BTXM xóm ông Bang, xã Sơn Lập	Sơn Lập	300m	2012-2013	304			300	299
2.5	**Huyện Trà Bồng**				**7.000**	**6.026**	**6.026**	**974**	**838**
+	Nâng cấp, cải tạo đường thôn từ tổ 10 đi Suối Nghệ, thôn Trường Biệu, xã Trà Tân	Trà Tân	500m	2012-2013	1.000	989	989	11	0
+	Đập thủy lợi Na Nong + hệ thống kênh, thôn 1, xã Trà Giang	Trà Giang	8ha	2012-2013	1.000	920	920	80	56
+	Bê tông hóa nông thôn đường lên khu tái định cư thôn 3, xã Trà Thuỷ	Trà Thủy	500m	2012-2013	1.000	969	969	31	11
+	Thủy lợi Nà Tà Cút, tổ 1, thôn Băng, Xã Trà Hiệp	Trà Hiệp	5ha	2012-2013	1.000	707	707	293	265
+	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại tổ 4, thôn Đông, xã Trà Sơn	Trà Sơn		2012-2013	1.000	824	824	176	156
+	Đường thôn Gò, Trà Bùi đi Đông Hòa	Trà Bùi	1000m	2012-2013	1.000	634	634	366	350
+	Đường bê tông xi măng tổ 4, 5, 6, 7 thôn Trà Xanh, xã Trà Lâm	Trà Lâm	1000m	2012-2013	1.000	983	983	17	0
2.6	**Huyện Tây Trà**				**9.000**	**418**	**2.031**	**6.969**	**6.711**
+	Hệ thống thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt Nước Bung, Xã Trà Phong	Trà Phong	45 hộ, 06ha	2012-2013	1.000			1.000	998
+	Hệ thống nước sinh hoạt tổ 3 thôn Tây, Xã Trà Thọ	Trà Thọ	36 hộ	2012-2013	1.000	96	396	604	570
+	Hệ thống thủy lợi Trà Ong, Xã Trà Quân	Trà Quân	06ha	2012-2013	1.000	97	397	603	590
+	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Ôi, xã Trà Xinh	Trà Xinh	750 m2	2012-2013	1.000	54	417	583	551

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xanh, xã Trà Trung	Trà Trung	750 m2	2012-2013	1.000	54	404	596	543
+	Đường tổ 1 đi tổ 2 thôn Trà Vân nối tiếp, xã Trà Nham	Trà Nham	600m	2012-2013	1.000	65	65	935	822
+	Đường tổ 1 thôn Trà Lương, xã Trà Lãnh	Trà Lãnh	1200m	2012-2013	1.000	51	351	649	645
+	Nước sinh hoạt tổ 6, thôn Hà xã Trà Khê	Trà Khê	24 hộ	2012-2013	1.000			1.000	993
+	Nước sinh hoạt tổ 1 thôn Môn, xã Trà Thanh	Trà Thanh	51 hộ	2012-2013	1.000			1.000	999
2.7	**Huyện Tư Nghĩa**				**200**	**167**	**167**	**33**	**22**
+	Đường BTNT từ nhà ông Phạm Ôn (Lua) đến Gò Chùa	Nghĩa Thọ	65m	2012	100	82	82	18	13
+	Đường BTNT từ nhà ông Phạm Sớm đến Đồng Phú Lý	Nghĩa Thọ	70m	2012	100	86	86	14	9
2.8	**Huyện Nghĩa Hành**				**899**	**798**	**798**	**2**	**0**
+	Đường giao thông nhà sinh hoạt Ruộng Vờ - bìa Sông vệ Thôn Khánh Giang	HTĐông		2012	200	199	199	1	0
+	Bê tông xi măng kênh Rộc Phú, thôn Khánh Giang	HTĐông		2012	200	199	199	1	0
+	Nâng cấp đập Rộc Lác, thôn Trường Lệ	HTĐông		2012	200	100	100	0	0
+	Bê tông xi măng kênh Hóc Biều, thôn Trường Lệ	HTĐông		2012	300	299	299	1	0
VL2	**Chương trình Nước sạch và VSMT nông thôn**				**19.606**	**7.838**	**7.838**	**699**	**3**
1	C.nước & NVS 04 Trạm Y tế xã nông thôn				607	387	387	73	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Sơn Tân	Sơn Tân		2010-2011	130	91	91	6	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Tịnh Hà	Tịnh hà		2010-2011	167	92	92	38	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Tịnh Châu	Tịnh Châu		2010-2011	150	113	113	0	0
+	Cấp nước và NVS Trạm Y tế xã Trà Phong	Trà Phong		2010-2011	160	91	91	29	0
2	HTCNSH xã Trà Thủy	Trà Thủy		2010-2011	1.181	954	954	106	0
3	HT cấp nước tự chảy Trung tâm huyện Tây Trà	Tây Trà	600m3	2006-2007	1.982	1.981	1.981	1	0
4	DA cấp NSH & NVS cho Trường học nông thôn				2.079	1.359	1.359	80	0
+	HTCNSH Trường TH số 2 Tịnh Hà	Tịnh Hà		2010-2011	486	307	307	37	0
+	CNSH cho Trường TH số 1 Phổ Thạnh	Phổ Thạnh		2010-2011	404	255	255	0	0
+	CNSH cho Trường TH & THCS Hành Tín Tây	HTTây		2010-2011	497	299	299	21	0
+	Cấp NSH và NVS Trường Th Trà Bùi	Trà Bùi		2010-2011	692	498	498	22	0
5	Cấp NSH Trạm y tế xã Phổ Châu	Phổ Châu		2010-2011	458	293	293	2	0
6	HTCNSH thôn Điện An, xã Nghĩa Thương	Nghĩa Thương	280m3	2011-2012	2.936			300	0
7	SC, NC, MR HTCNSH thôn Hy Long, xã Ba Điền	Ba Điền		2012		293	293	7	0
8	HTCNSH 02 thôn Phước tây,Ph xã Đ Hòa	Đức Hòa		2012				20	0
9	Cấp nước và NVS Trường THCS Hành Tín Đông	Nghĩa Hành		2012		27	27	3	0
10	HTCNSH thôn Trà Lạc, xã Trà Lâm	Trà Lâm		2012	549			20	0
11	HTCNSH thị trấn Trà Xuân	TT Trà Xuân		2012	6.495			20	0
12	DA cấp nước và NVS cho 4 tram y tế xã nông thôn năm 2012			2012	2.079	1.359	1.359	12	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Trà Giang	Tịnh Hà			486	307	307	3	0
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Sơn Ba	Phổ Thạnh			404	255	255	5	0
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Ba Vì	HTTây			497	299	299	2	0
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Ba Ngạc	Trà Bùi			692	498	498	3	0
13	HTCNSH thôn Sơn Châu Hai xã Long Sơn	Long Sơn			1.240	1.185	1.185	55	3
VI.3	**Chương trình 135 gđ II**				**52.749**	**47.526**	**47.526**	**2.562**	**504**
1	**Huyện Ba Tơ**				**8.865**	**7.241**	**7.241**	**809**	**128**
1.1	Nối tiếp đường UBND xã đi thôn Làng Dút I	Ba Nam		2012	500	485	485	15	0
1.2	XD nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Dút II	Ba Nam	100m2	2012	500	381	381	119	0
1.3	Xây dựng trường Mầm non thôn Nước Lăng	Ba Xa	100m2	2012	500	399	399	101	0
1.4	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Nước Như	Ba Xa	100m2	2012	500	414	414	86	0
1.5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hố Sâu	Ba Khâm	100m2	2012	500	363	363	137	63
1.6	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đồng Răm	Ba Khâm	100m2	2012	500	374	374	126	54
1.7	Nâng cấp đường Krên - Ba Lăng	Ba Ngạc	1,5km	2012	1.000	960	960	40	3
1.8	Cầu treo Nước Xua	Ba Lế		2012	1.329	996	996	4	0
1.9	Nâng cấp đường ngã ba Hòn Hóa đi Gò Đen (đoạn từ dốc Gò Đen đi làng Gò Đen)	Ba Trang		2012	1.000	944	944	56	0
1.10	Đường GTNT Thôn Nước Nè I	Ba Vinh	0,5km	2012	391	386	386	14	0
1.11	Nối tiếp kênh Mang Mít	Ba Thành	400m	2012	200	192	192	8	0
1.12	Đường và cầu tràn suối Nước Ngọt - Làng Tương	Ba Điền	200m	2012	170	169	169	1	0
1.13	Đường Gò Nghênh - Làng Tương	Ba Điền		2012	332	28	28	2	0
1.14	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mô Lang	Ba Tô		2012	244	45	45	5	0
1.15	Đường BTXM thôn Nước Ui (đoạn từ Cầu treo đi Nước Zết)	Ba Vì	0,5km	2012	400	353	353	47	0
1.16	Đường GTNT thôn Mang Biểu	Ba Tiêu	0,5km	2012	400	383	383	17	0
1.17	Nâng cấp đường từ trường thôn Làng Mâm - tổ Làng Dêu	Ba Bích	0,6km	2012	400	370	370	30	7
2	**Huyện Minh Long**				**5.278**	**4.956**	**4.956**	**198**	**30**
2.1	Hệ thống công trình CNSHTT tập đoàn 7 Cà Xen	Long Môn	32hộ	2012	1.000	978	978	22	0
2.2	Cấp phối đường thôn Lạc Hạ	Long Sơn	300m	2012	700	667	667	33	3
2.3	Kéo điện thắp sáng cho thôn Gò Chè	Long Sơn		2012	424	299	299	1	1
2.4	Xây dựng đập và kênh mương Làng Huya	Thanh An		2012	700	670	670	30	14
2.5	Kiên cố hoá kênh mương Đồng Cần	Thanh An		2012	300	289	289	11	6
2.6	Nâng cấp mở rộng đường Nước La lên Gò Reo thôn Hà Liệt	Long Hiệp		2012	200	196	196	4	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.7	Nâng cấp mở rộng đường Gò Cà Veo thôn Dục Ái	Long Hiệp		2012	200	196	196	4	0
2.8	Nâng cấp mở rộng đường Ru Ranh thôn Hà Bôi	Long Hiệp		2012	200	196	196	4	0
2.9	Nối dài kênh mương Đồng Uông thôn Ngã Lăng	Long Mai		2012	490	484	484	6	0
2.10	Sửa chữa nước sinh hoạt Hóc Núi Thôn Tối Lạc Thượng	Long Mai		2012	310	297	297	13	0
2.11	Đường Tối Lạc Thượng	Long Mai		2012	754	684	684	70	6
3	**Huyện Sơn Hà**				**14.144**	**11.979**	**11.979**	**510**	**0**
3.1	Đường giao thông thôn Làng Rê	Sơn Kỳ		2012	976	960	960	40	0
3.2	Đường xóm Gò - Hồ Đồng Giang	Sơn Giang		2012	1.000	986	986	14	0
3.3	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung Xóm Hú, thôn Xà Riềng	Sơn Nham		2012	800	741	741	59	0
3.4	Đường vào xóm Làng Trăng	Sơn Cao		2012	1.199	1.165	1.165	35	0
3.5	Hệ thống nước sinh hoạt xóm Bồ Gục thôn Gò Da	Sơn Linh		2012	599	593	593	7	0
3.6	Mở rộng hệ thống nước sinh hoạt thôn Làng Xinh	Sơn Linh		2012	400	397	397	3	0
3.7	Nước sinh hoạt tự chảy xóm Tà Cơm	Sơn Thuỷ		2012	500	462	462	38	0
3.8	Đường giao thông từ ĐT626 - xóm ông Biều	Sơn Thuỷ		2012	500	482	482	18	0
3.9	Nhà văn hoá thôn Nước Tang	Sơn Bao		2012	500	490	490	10	0
3.10	Đường bê tông thôn Làng Mùng	Sơn Bao		2012	500	470	470	30	0
3.11	Nâng cấp đường Nhà văn hoá thôn Làng Lành - Làng Gung - Làng Rá	Sơn Hải		2012	479	468	468	32	0
3.12	Sửa chữa đường từ UBND xã - Làng Trăng - Làng Lành	Sơn Hải		2012	500	491	491	9	0
3.13	Đường dây và trạm biến áp xóm Suối, thôn Gia Rí	Sơn Trung		2012	1.000	901	901	99	0
3.14	Nâng cấp tuyến đường xóm Làng Vờm đi thôn Làng Nưa	Sơn Thượng		2012	300	289	289	11	0
3.15	Đường Suối Dầu đi Làng Trăng			2012	350	335	335	15	0
3.16	Đường giao thông làng Mía đi cơ quan xã (nối dài)	Sơn Thượng		2012	350	345	345	5	0
3.17	Mở rộng hệ thống nước sinh hoạt tập trung xóm Kà Tu, thôn Làng Ranh	Sơn Ba		2012	500	494	494	6	0
3.18	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung Suối Rang, xóm Mò O, thôn Mò O	Sơn Ba		2012	500	480	480	20	0
3.19	Nâng cấp đường Thôn Nước Nia	TT Di Lăng		2012	200	191	191	9	0
3.20	NC đường Bãi Vỏ - Nước Bơn, Thôn Cà Đáo	TT Di Lăng		2012	452	198	198	2	0
3.21	Nâng cấp đường thôn Làng Dầu - Gò Sim, Thôn Làng Dầu	TT Di Lăng		2012	199	186	186	14	0
3.22	Nâng cấp đường Xã Trạch - Làng Vẹt, Thôn Gò Rinh	Sơn Thành		2012	200	197	197	3	0
3.23	Nâng cấp đường 623 - Gò gạo, Thôn Gò Gạo	Sơn Thành		2012	200	196	196	4	0
3.24	Nâng cấp đường xóm Đèo, Thôn Cà Tu	Sơn Hạ		2012	200	196	196	4	0
3.25	Đường giao thông xóm Tà Gầm	Sơn Ba		2012	556	49	49	4	0
3.26	Đường giao thông xóm Di Ơi	Sơn Ba		2012	650	88	88	7	0
3.27	Đường giao thông Cà Tu - Làng Ranh	Sơn Ba		2012	535	130	130	11	0
4	**Huyện Sơn Tây**				**5.446**	**5.295**	**5.295**	**205**	**0**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.1	Đường Đăk Sứt - xóm ông Nhốc, thôn Gò Lã	Sơn Dung	1,5km	2012	500	492	492	8	0
4.2	Xây dựng trường Mẫu giáo thôn Đăk Trên	Sơn Dung	70m2	2012	498	494	494	6	0
4.3	Xây dựng đường xóm ông Trăng đi khu sản xuất, thôn Ra Nhua	Sơn Tân	3km	2012	494	486	486	14	0
4.4	Đường làng Tin - Nước Vương, thôn Tà Dô	Sơn Tân	800m	2012	495	487	487	13	0
4.5	Xây dựng đường Bà He đi Thác Lụa, thôn Bà He	Sơn Tinh	300m	2012	498	493	493	7	0
4.6	Đường UBND đi xóm ông Tâm, thôn Mang He	Sơn Bua	2km	2012	701	657	657	43	0
4.7	Xây dựng đường xóm ông Tâm - KDC số 6, thôn Mang Tà Bề	Sơn Bua	1km	2012	301	298	298	2	0
4.8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tang Long	Sơn Mùa	80m2	2012	483	476	476	24	0
4.9	Trường Mẫu giáo xóm ông Lợi - thôn Nước Vương	Sơn Mùa	70m2	2012	479	470	470	30	0
4.10	Chôn trụ, kéo dây điện 0,4KV xóm ông Chung - xóm ông Dó	Sơn Lập	400m	2012	507	464	464	36	0
4.11	Xây dựng trường Mẫu giáo thôn Mang Rễ	Sơn Lập	70m2	2012	490	480	480	20	0
5	**Huyện Trà Bồng**				**9.024**	**8.186**	**8.186**	**709**	**344**
5.1	Bê tông xi măng đường Trà Ngon đi suối Loa	Trà Tân	0,5km	2012	500	497	497	3	0
5.2	Nâng cấp cải tạo đường mòn thôn Trường Giang	Trà Tân	2km	2012	500	494	494	6	0
5.3	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Quế	Trà Bùi	78 hộ	2012	1.000	949	949	51	0
5.4	Đường bê tông nông thôn từ nhà ông Rí đến nhà ông Bình	Trà Giang	1 km	2012	1.000	946	946	54	0
5.5	Xây dựng cầu BTCT suối Chòm Bòm, thôn Bắc	Trà Sơn	20m	2012	1.000	701	701	299	281
5.6	Bê tông hoá nông thôn thôn 6	Trà Thuỷ	1 km	2012	1.000	887	887	113	36
5.7	Xây dựng thủy lợi và kiên cố hoá kênh thương thủy lợi nước Xăng, thôn Trà Xanh	Trà Lâm	3,5 ha	2012	1.000	985	985	15	0
5.8	Nước sinh hoạt tổ 1, thôn Nguyên	Trà Hiệp	27 hộ	2012	1.000	877	877	123	27
5.9	Đập thuỷ lợi suối Bồi, thôn Sơn Thành	Trà Sơn		2007-2008	458	401	401	27	0
5.10	Đường dân sinh thôn Bắc	Trà Sơn		2009-2010	784	732	732	12	0
5.11	Kéo đường dây điện 0,4KV thôn Sơn Thành	Trà Sơn		2009-2010	781	717	717	6	0
6	**Huyện Tây Trà**				**8.992**	**8.879**	**8.879**	**121**	**2**
6.1	Nâng cấp thủy lợi đội 6, thôn Gò Rô	Trà Phong	5ha	2012	900	890	890	10	0
6.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Kem	Trà Xinh	750m2	2012	799	792	792	8	0
6.3	Hệ thống nước sinh hoạt tổ 2 thôn Tây	Trà Thọ	68 hộ	2012	1.100	1.072	1.072	28	0
6.4	Đường số 2 đi tổ 3 thôn Đam	Trà Trung	1500m	2012	1.000	993	993	7	0
6.5	Đường tổ 1 đi tổ 2 thôn Trà Vân	Trà Nham	960m	2012	999	997	997	3	0
6.6	Đường đi Làng Loá	Trà Lãnh	1350m	2012	1.200	1.193	1.193	7	0
6.7	Hệ thống thuỷ lợi suối Tiên I	Trà Quân	9 ha	2012	1.000	985	985	15	0
6.8	Đường tổ 7 thôn Sơn	Trà Khê	1200m	2012	994	991	991	9	0
6.9	Thuỷ lợi tổ 3 thôn Cát	Trà Thanh	5 ha	2012	1.000	968	968	32	2

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	**Huyện Tư Nghĩa**				**200**	**193**	**193**	**7**	**0**
7.1	Xây dựng đường bê tông nông thôn từ nhà ông Phạm Ơn (Lưa) đến cầu Tà Năng	Nghĩa Thọ	50m	2012	100	97	97	3	0
7.2	Xây dựng đường bê tông nông thôn từ nhà ông Phạm Chiến đến nhường Gò Chùa	Nghĩa Thọ	50m	2012	100	97	97	3	0
8	**Huyện Nghĩa Hành**				**800**	**796**	**796**	**4**	**0**
8.1	Nâng cấp kênh đập Đồng Cau - Hố Chính	Hành Tín Tây	45ha	2012	400	398	398	2	0
8.2	Nâng cấp tuyến đường Gò Thống - Hóc Bắc		2km	2012	400	398	398	2	0
VI.4	**CT phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS**				**76.352**	**16.569**	**16.765**	**1.887**	**1.565**
1	Bệnh viện tâm thần tỉnh	TPQN			16.352	16.454	16.500	37	0
2	Phòng, chống HIV/AIDS	TPQN			30.000	50	50	1.000	815
3	Phòng, chống sốt rét (TT phòng, chống sốt rét)	TPQN			20.000	15	165	350	250
4	Phòng, chống đái tháo đường (TT nội tiết tỉnh)	TPQN			10.000	50	50	500	500
VI.5	**Chương trình Trung tâm cụm xã**				**9.724**	**9.364**	**9.364**	**105**	**13**
1	Nâng cấp mở rộng HTCNSH trung tâm cụm xã Sơn Linh	Sơn Linh			3.500	3.110	3.110	90	13
2	San ủi mặt bằng TTCX Long Sơn	Long Sơn			1.846	2.256	2.256	6	0
3	Trạm khuyến nông, khuyến lâm huyện Sơn Tây	Sơn Tây			2.403	2.151	2.151	7	0
4	Phòng khám đa khoa khu vực TTCX Sơn Tinh	Sơn Tinh			1.975	1.848	1.848	2	0
VII	**Vốn viện trợ không hoàn lại**				**10.997**	**10.542**	**10.569**	**431**	**181**
1	**Vốn viện trợ của Liên minh Châu Âu cho CT 135**				**1.997**	**1.921**	**1.948**	**52**	**0**
1.1	Đường giao thông tập đoàn 8 - Mang Dung	Sơn Mùa			1.997	1.921	1.948	52	0
2	**Vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len cho Chương trình 135**				**9.000**	**8.621**	**8.621**	**379**	**181**
2.1	Đường dây 22KV từ nhà ông Kính lên nhà ông Cường	Trà Sơn			1.500	1.318	1.318	182	118
2.2	Xây dựng nhà bán trú THPT Minh Long	Long Mai			1.000	995	995	5	0
2.3	Nước sinh hoạt tổ 3, tổ 4 thôn Trà Xuông	Trà Quân			1.250	1.196	1.196	54	0
2.4	Nâng cấp tuyến đường đi thôn ba Nhà	Ba Giang			2.000	1.931	1.931	69	63
2.5	Nước sinh hoạt trung tâm xã Sơn Tân	Sơn Tân			1.750	1.726	1.726	24	0
2.6	Đường điện xóm Tà Gầm - thôn làng Bung	Sơn Ba			1.500	1.455	1.455	45	0
VIII	**Nguồn vốn tạm ứng kho bạc nhà nước**				**999.179**	**18.883**	**84.016**	**115.984**	**111.653**
1	Đầu tư xây dựng công trình Đường bờ Nam sông Trà Khúc (đoạn từ cầu Trà Khúc II đến giáp đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh)	TPQN, Tư Nghĩa			999.179	18.883	84.016	115.984	111.653
IX	**Chương trình bảo vệ và phát triển rừng**				**123.112**	**23.860**	**23.860**	**381**	**0**
1	Rừng PHĐN Thạch Nham	Sơn Hà			43.383	6.712	6.712	111	0
2	Rừng phòng hộ khu Đông huyện Ba Tơ	Ba Tơ			7.180	2.213	2.213	31	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Rừng phòng hộ khu Tây huyện Ba Tơ	Ba Tơ			18.579	3.967	3.967	1	0
4	Rừng phòng hộ huyện Trà Bồng	Trà Bồng			16.009	3.318	3.318	4	0
5	Rừng phòng hộ huyện Tây Trà	Tây Trà			17.768	2.411	2.411	131	0
6	Rừng phòng hộ huyện Minh Long	Minh Long			8.529	1.620	1.620	0	0
7	Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất	Bình Sơn			9.499	3.606	3.606	91	0
8	Cắm mốc giới các khu rừng phòng hộ	TPQN			2.165	13	13	12	0
B2	**Thu hồi bố trí lại**				**271.671**	**94.196**	**94.251**	**8.318**	**7.827**
I	**Các dự án khác**				**41.600**	**18.837**	**18.893**	**2.331**	**2.084**
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn An Lợi, xã Phổ Nhơn	Đức Phổ			8.300	716	716	1.479	1.479
2	Khu dân cư phía đông đường Nguyễn Du (thực hiện các hạng mục phát sinh, xử lý kỹ thuật)	TPQN			33.300	18.121	18.176	852	605
II	**Hoàn trả NSTW khoản chi sai đối tượng**				**88.879**	**37.311**	**37.311**	**2.351**	**2.351**
1	Đường bờ đông sông Kinh Giang (nối dài) thuộc hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	Sơn Tịnh			83.298	34.601	34.601	356	356
2	Đường bờ đông sông Kinh Giang (đoạn đi qua Khu du lịch của công ty CP Du lịch biển Mỹ Khê)	Sơn Tịnh			5.581	2.710	2.710	1.995	1.995
III	**Trả nợ quyết toán công trình hoàn thành**				**17.123**	**14.806**	**14.806**	**297**	**56**
1	Nhà làm việc công an thị trấn Đức Phổ	Đức Phổ			1.906	1.785	1.785	56	56
2	Khu dân cư phía tây Trương Định	TPQN			15.217	13.021	13.021	241	0
IV	**Chương trình bảo vệ và phát triển rừng**				**124.070**	**23.242**	**23.242**	**3.339**	**3.336**
1	Rừng PHĐN Thạch Nham	Sơn Hà			43.383	6.712	6.712	500	500
2	Rừng phòng hộ khu Đông Ba Tơ	Ba Tơ			7.180	2.213	2.213	350	350
3	Rừng phòng hộ khu Tây Ba Tơ	Ba Tơ			18.579	3.967	3.967	400	400
4	Rừng phòng hộ Trà Bồng	Trà Bồng			16.009	3.318	3.318	339	339
5	Rừng phòng hộ Tây Trà	Tây Trà			17.768	2.411	2.411	400	400
6	Rừng phòng hộ Sơn Tây	Sơn Tây			11.652	1.014	1.014	400	400
7	Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất	Bình Sơn			9.499	3.606	3.606	950	948
C	**Nguồn vốn năm 2013**				**20.151.845**	**4.238.276**	**4.940.214**	**1.607.679**	**1.252.980**
C.1	**Nguồn cân đối ngân sách**				**6.892.956**	**1.607.796**	**1.735.594**	**498.019**	**470.933**
I	**Chuẩn bị đầu tư**				**1.745.568**	**375**	**475**	**7.484**	**5.969**
L1	**DA chuẩn bị đầu tư từ năm trước (chưa phê duyệt)**				**814.930**	**325**	**425**	**2.000**	**1.652**
1	Xây dựng các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Quảng ngãi	các huyện	20 trạm		70.000			400	400
2	Mở rộng, nâng cấp Trường THPT chuyên Lê Khiết	P.Nghĩa Lộ			150.000		100	400	52

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trong đô thị Vạn Tường: KDC Hải Nam và KDC Tây Bắc Vạn Tường (giđoạn 3)	Bình Sơn	30ha		550.000	125	125	600	600
4	Mở rộng Nhà văn hóa Lao động tỉnh (giai đoạn 2)	TPQN			14.930			150	150
5	Trạm bơm Hóc Hảo và trạm bơm Hóc Kẽm, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn	Bình Thanh Tây	tưới 35 ha		10.000	100	100	150	150
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	An Vĩnh	6001 hộ		20.000	100	100	300	300
L2	**Các DA chuẩn bị đầu tư mới**				**717.238**	**50**	**50**	**5.094**	**4.055**
1	Mở rộng các khoa: Thận nhân tạo, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, bệnh nhiệt đới thuộc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	1031m2, thiết bị		14.826	50	50	150	150
2	Sửa chữa, cải tạo nhà 2 tầng (khoa nhiệt đới, cơ sở cũ BVĐK tỉnh) để làm cơ sở hoạt động cho bệnh viện Y học cổ truyền	TPQN	2029 m2 sàn		14.954			150	150
3	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Hướng nghiệp và Dạy nghề tỉnh, hạng mục: cải tạo phòng học 3 tầng và xây dựng mới nhà hiệu bộ	TPQN			7.678			150	105
4	Xây dựng phòng học mầm non				45.500	0	0	750	271
4.1	*Thành phố Quảng Ngãi*				*16.500*	*0*	*0*	*240*	*0*
+	Trường mầm non Nghĩa Dũng	Nghĩa Dũng	7 phòng	2014	3.500			50	0
+	Trường mầm non Chánh Lộ	Chánh Lộ	5 phòng	2014	2.500			40	0
+	Trường mầm non Quảng Phú	Quảng Phú	8 phòng	2014	4.000			60	0
+	Trường mầm non Nghĩa Dõng	Nghĩa Dõng	7 phòng	2014	3.500			50	0
+	Trường mầm non Lê Hồng Phong	Lê Hồng	6 phòng	2014	3.000			40	0
4.2	*Huyện Tư Nghĩa*				*3.000*	*0*		*40*	*0*
+	Trường mầm non Nghĩa An	Nghĩa An	4 phòng	2014	2.000			25	0
+	Trường mầm non Nghĩa Thương	Nghĩa Thương	2 phòng	2014	1.000			15	0
4.3	*Huyện Mộ Đức*				*4.500*	*0*	*0*	*55*	*55*
+	Trường mầm non Đức Hiệp	Đức Hiệp	3 phòng	2014	1.500			20	20
+	Trường mầm non Đức Phong	Đức Phong	3 phòng	2014	1.500			15	15
+	Trường mầm non Đức Minh	Đức Minh	3 phòng	2014	1.500			20	20
4.4	*Huyện Đức Phổ*				*2.000*	*0*	*0*	*30*	*0*
+	Trường mầm non Phổ Thạnh	Phổ Thạnh	4 phòng	2014	2.000			30	0
4.5	*Huyện Nghĩa Hành*				*1.000*	*0*	*0*	*15*	*0*
+	Trường mầm non Hành Đức	Hành Đức	2 phòng	2014	1.000			15	0
4.6	*Huyện Sơn Tịnh*				*3.500*	*0*	*0*	*45*	*45*
+	Trường mầm non Tịnh Thọ	Tịnh Thọ	3 phòng	2014	1.500			15	15
+	Trường mầm non Tịnh Phong	Tịnh Phong	2 phòng	2014	1.000			15	15

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Trường mầm non Tịnh Sơn	Tịnh Sơn	2 phòng	2014	1.000			15	15
4.7	*Huyện Bình Sơn*				*2.000*	*0*	*0*	*30*	*25*
+	Trường Mẫu giáo Bình Chương	Bình Chương	1 phòng	2014	500			10	10
+	Trường Mẫu giáo Bình Phước	Trường Mẫu giáo	2 phòng	2014	1.000			10	10
+	Trường Mẫu giáo Bình Phú	Bình Phú	1 phòng	2014	500			10	5
4.8	*Huyện Minh Long*				*2.500*	*0*	*0*	*30*	*30*
+	Trường Mẫu giáo Long Sơn	Long Sơn	2 phòng	2014	1.000			12	12
+	Trường Mẫu giáo Long Hiệp	Long Hiệp	3 phòng	2014	1.500			18	18
4.9	*Huyện Sơn Hà*				*5.500*	*0*	*0*	*70*	*51*
+	Trường mầm non Họa Mi	TT Di Lăng	1 phòng	2014	500			7	4
+	Trường Mẫu giáo làng Gung, Sơn Cao	Sơn Cao	1 phòng	2014	500			7	4
+	Trường Mẫu giáo làng Trá, Sơn Cao	Sơn Cao	1 phòng	2014	500			7	4
+	Trường Mẫu giáo làng Mon, Sơn Cao	Sơn Cao	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo Làng Rí, Sơn Giang	Sơn Giang	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo Làng Rê, Sơn Giang	Sơn Giang	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo Tà Bi, Sơn Thủy	Sơn Thủy	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo làng Rết, Sơn Kỳ	Sơn Kỳ	1 phòng	2014	500			6	4
+	Trường Mẫu giáo thôn Tà Gầm, Sơn Ba	Sơn Ba	1 phòng	2014	500			6	6
+	Trường Mẫu giáo thôn Làng Già, Sơn Ba	Sơn Ba	1 phòng	2014	500			6	6
+	Trường Mẫu giáo Xà Riêng, Sơn Nham	Sơn Nham	1 phòng	2014	500			7	4
4.10	*Huyện Sơn Tây*				*3.500*	*0*	*0*	*45*	*45*
+	Trường mầm non Sơn Tân	Sơn Tân	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Sơn Tinh	Sơn Tinh	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Bãi Màu	Sơn Màu	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Đăk Rinh	Sơn Dung	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Đăk Ra Pân	Sơn Long	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non TukaPan	Sơn Bua	1 phòng	2014	500			7	7
+	Trường mầm non Sông Rin	Sơn Liên	1 phòng	2014	500			6	6
4.11	*Huyện Tây Trà*				*1.500*	*0*	*0*	*20*	*20*
+	Trường Mẫu giáo Trà Phong	Trà Phong	3 phòng	2014	1.500			20	20
4.12	*Huyện Ba Tơ*							100	0
+	Trường mầm non Ba Xa		2 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Thành		1 phòng					0	0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Trường mầm non Ba Giang		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Tô		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Liên		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Bích		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Vì		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Trang		2 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Tiêu		2 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Dinh		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Ngạc		2 phòng					0	0
+	Trường mầm non Ba Vinh		1 phòng					0	0
4.13	*Huyện Trà Bồng*							30	0
+	Trường Mẫu giáo Trà Sơn		2 phòng					0	0
+	Trường Mẫu giáo Trà Tân		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Trà Bùi		1 phòng					0	0
+	Trường mầm non Trà Thủy		1 phòng					0	0
5	Bảo tàng lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa tại đảo Lý Sơn	An Hải			115.006			236	236
6	Sửa chữa Sân vận động tỉnh Quảng Ngãi	Nghĩa Lộ			5.152			100	100
7	Tôn tạo và nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng	Sơn Tịnh	2,2 ha		8.000			100	100
8	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Ba Tơ	TT Ba Tơ	10.800 m2		30.400			13	0
9	Nghĩa trang nhân dân Phượng Hoàng	Bình Thành Đông Bình	40,5 ha		45.000			300	210
10	Khu dân cư giữ lại Lạc Sơn	Bình Hòa	10,955 ha		110.000			400	400
11	XD khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng của dự án Nhà máy nghiền Klinker Đại Việt - Dung Quất	KKT DQ	80 hộ		40.000			75	0
12	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và tiểu đội dân quân thường trực các xã trọng điểm				24.100	0	0	420	340
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Nghĩa Dõng	Nghĩa Dõng	184m2 sàn	2014	1.100			20	0
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Bình Hải	Bình Hải	184m2 sàn	2014	1.200			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Tịnh Phong	Tịnh Phong	184m2 sàn	2014	1.100			20	20

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Tịnh Khê	Tịnh Khê	184m2 sàn	2014	1.100			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS thị trấn La Hà	thị trấn La Hà	184m2 sàn	2014	1.100			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Nghĩa Sơn	Nghĩa Sơn	184m2 sàn	2014	1.200			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS TT Chợ Chùa	TT Chợ Chùa	184m2 sàn	2014	1.200			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Đức Phú	Đức Phú	184m2 sàn	2014	1.200			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Đức Thắng	Đức Thắng	184m2 sàn	2014	1.100			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Phổ Thạnh	Phổ Thạnh	184m2 sàn	2014	1.200			20	0
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Ba Vì	Ba Vì	184m2 sàn	2014	1.350			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Long Hiệp	Long Hiệp	184m2 sàn	2014	1.300			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Sơn Hạ	Sơn Hạ	184m2 sàn	2014	1.300			20	20
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Sơn Mùa	Sơn Mùa	184m2 sàn	2014	1.350			20	0
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Trà Sơn	Trà Sơn	184m2 sàn	2014	1.300			20	0
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã Trà Phong	Trà Phong	184m2 sàn	2014	1.350			30	30
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã An Vĩnh	An Vĩnh	184m2 sàn	2014	1.550			30	30
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã An Hải	An Hải	184m2 sàn	2014	1.550			30	30
+	Nhà làm việc Ban CHQS xã An Bình	An Bình	184m2 sàn	2014	1.550			30	30
13	Trạm kiểm soát Biên phòng Sa Cần	Bình Thạnh	403,5 m2		5.595			100	100
14	Nhà làm việc công an 36 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	36 xã trên địa bàn tỉnh	36 xã		28.101			400	304
15	XD hệ thống công nghệ số liên hoàn dự báo thời tiết và sóng biển nâng cao năng lực phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tại Quảng Ngãi	TPQN			2.383			100	20
16	Cải tạo, mở rộng Nhà làm việc Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	TPQN			6.989			150	150
17	Chỉnh trang mặt tiền KCN Tịnh Phong (hạng mục Nâng cấp đường số 7 kết nối vào đường gom KCN VSIP)	KCN Tịnh Phong	1,547 km		44.793			250	250
18	Trường Trung học cơ sở Bình Hải, huyện Bình Sơn	Bình Hải	1.800 m2		32.000			300	220
19	Nhà lưu niệm đồng chí Trương Quang Giao	Tịnh Khê			3.000			100	100
20	Cầu Hố Đá	Nghĩa Hành			15.000			150	150
21	Tái định canh thôn 1 và thôn 4, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	Trà Thủy	26 ha/199 hộ		62.554			250	250
22	Trung tâm dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp huyện Lý Sơn	An Vĩnh	1.734 m2		14.857			150	150
23	Kè chống sạt lở xã An Bình, huyện Lý Sơn	An Bình	240m		41.350			300	300
I.3	**BS danh mục dự án CBĐT- CT ứng phó với biến đổi khí hậu**				**213.400**	**0**	**0**	**390**	**263**
1	XD hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh	Tịnh Kỳ	3501m		189.400			190	70

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Bình Thuận	trồng mới 100ha, phục hồi 30ha		24.000			200	193
II	**Trả nợ ngân sách**				**393.133**	**129.667**	**129.667**	**42.896**	**42.585**
1	Trụ sở làm việc Phòng cảnh sát GT đường thủy	Tư Nghĩa	482,6m2 sàn	2008-2009	4.119	3.431	3.431	261	261
2	Đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp - Nghĩa Thương	Tư Nghĩa	3.556 m	2007-2008	8.178	4.250	4.250	1.700	1.700
3	Nhà Văn hóa thể thao Trà Bồng	Trà Bồng	1.500 m2 sàn	2008-2009	14.171	7.638	7.638	4.000	4.000
4	Đường Nguyễn Tự Tân	TP QNgãi	2,403 km	2009-2012	55.819	34.850	34.850	15.380	15.199
5	Đường Vĩnh Tuy - Hàng Gia nối dài	TP QNgãi	8,3km	2007-2008	18.926	11.140	11.140	964	964
6	Đường Phan Đình Phùng nối dài	TP QNgãi	1,435 km	2008-2012	40.357	28.338	28.338	3.437	3.437
7	Trường trung học cơ sở Nghĩa Kỳ	TP QNgãi	2.322 m2 sàn	2008-2010	8.781	6.494	6.494	1.500	1.500
8	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh	TP QNgãi	450m2 sàn	2009-2010	3.282	1.010	1.010	2.150	2.020
9	Cải thiện đô thị môi trường miền trung	TP QNgãi	XD HT thoát nước, hồ điều hòa...	2005-2009	239.500	32.516	32.516	13.505	13.505
III	**Trả nợ quyết toán, trượt giá, dự án cấp bách**				**593.645**	**260.473**	**265.497**	**48.686**	**47.735**
III.1	**QĐ số 320/QĐ-UBND ngày 8/3/2013**				**48.119**	**774**	**3.824**	**5.659**	**5.658**
1	Trung tâm dạy nghề kiểu mẫu huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh		2012-2014	37.871			2.991	2.990
2	Nhà làm việc chi cục kiểm lâm	TP QN	DT Xdựng 512,32m2	2012-2013	10.248	774	3.824	2.668	2.668
III.2	**Trả nợ công trình quyết toán**				**386.240**	**197.173**	**197.408**	**12.077**	**11.664**
a	**Quyết định số 857 ngày 18/6/2013**				**162.669**	**32.196**	**32.216**	**7.342**	**7.338**
1	San nền lô C10-Khu công nghiệp Tịnh Phong	Tịnh Phong		2006-2010	1.645			6	6
2	Khu tái định cư cho nhân dân trong vùng quy hoạch Khu công nghiệp Quảng Phú	TP QN		2004-2008	4.238			248	248
3	Nhà làm việc công an thị trấn Đức Phổ	Đức Phổ		2011-2012	1.906	1.785	1.785	26	26
4	Vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, cấp thoát nước đường số 4 Khu công nghiệp Quảng Phú	Quảng Phú		2004-2010	2.168			128	128
5	Đường Vành đai KCN Quảng Phú (đường số 4)	Quảng Phú		2002-2010	813			54	54
6	Đường Phan Bội Châu	TPQN		2005-2011	25.246			2.103	2.099
7	Đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 1)	TP QN		2010-2012	12.212			281	281
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường quanh chợ TP Quảng Ngãi (gđ1)	TP QN		2008	1.252			52	52
9	Tiểu DA cầu qua kênh Thạch Nham thuộc dự án Mở rộng Nghĩa địa thị xã Quảng Ngãi	Tư Nghĩa		2006-2007	2.103			17	17
10	Đường Ba Vì-Ba Xa	Ba Tơ		2009-2011	10.471			87	87

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
11	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 623 (Sơn Tịnh-Sơn Tây) lý trình Km3+700-Km72+215	Sơn Tịnh		2009-2011	24.262			1.886	1.886
12	Tuyến Quảng Ngãi - Minh Long (ĐT.624)	TPQN, NH, ML		2011	6.939			23	23
13	Tuyến Quảng Ngãi - Thạch Nham (ĐT.623B)	TN, STịnh, SHà		2011	1.988			8	8
14	Tuyến Quốc lộ 1A - Trà Phong (ĐT.622B)	Bình Sơn		2011	4.965			19	19
15	Tuyến Quảng Ngãi - Cổ Lũy (ĐT.623C)	TPQN, Tư Nghĩa		2011	6.223			21	21
16	Tuyến Bồ Đề - Đức Lợi - Mỹ Á (ĐT.627B)	MĐ, ĐP		2011	1.086			4	4
17	Tuyến Quán Lát - Đá Chát (ĐT.624B)	Mộ Đức, NH		2011	2.788			11	11
18	Tuyến Quốc lộ 1A - Trà Bồng (ĐT.622C)	STịnh, TB		2011	2.979			11	11
19	Sửa chữa Cầu Trà Khúc	TPQN			5.413			20	20
20	Nâng cấp trại thực nghiệm giống thủy sản Đức Phong, Mộ Đức	Mộ Đức		2010-2011	4.081			296	296
21	Tiêu úng thoát lũ qua kênh B3 (km6+200-km8+100)	Bình Sơn		2011-2012	12.919	12.556	12.576	243	243
22	Kè chống sạt lở sông Phước Giang, Long Hiệp	Long Hiệp		2011	26.971	17.855	17.855	1.800	1.800
b	**Quyết định số 1020 ngày 25/7/2013**				**223.071**	**164.977**	**165.192**	**4.236**	**4.236**
1	Nhà bảo vệ mục tiêu Trụ sở UBND tỉnh	TPQN		2011-2012	1.725	1.500	1.500	7	7
2	Kè chống sạt lở suối Nước Niu, huyện Tây Trà	Tây Trà		2007-2028	12.949	12.468	12.468	277	277
3	Đường Vĩnh tuy - Hàng Gia (nối dài), huyện Sơn Tịnh (giai đoạn I)	Sơn Tịnh		2007-2011	15.084	13.510	13.510	533	533
4	Cầu Phong Niên, xã Tịnh Phong	Sơn Tịnh		2006-2009	2.656	2.042	2.042	66	66
5	Nhà khảo thí và cải tạo hội trường	TPQN		2009-2012	5.482	5.425	5.425	46	46
6	Đập Tà Vôi	Sơn Mùa		2006-2008	1.885	1.516	1.516	58	58
7	Trường THPT Bán công Lê Trung Đình (gđ I)	TPQN		2006-2008	15.735	12.488	12.488	19	19
8	Đường Quốc lộ 1A - Huyện đội	Bình Sơn		2009-2011	21.452	19.640	19.640	506	506
9	Đường Thanh An - Long Môn	Minh Long		2009-2012	39.338	37.875	37.875	11	11
10	Đường số 9 và số 11 Khu công nghiệp Quảng Phú	TPQN		2007-2008	5.058	4.409	4.409	190	190
11	San nền lô C13 - Khu công nghiệp Tịnh Phong	TPQN		2006-2008	1.764	1.343	1.343	171	171
12	Nhà lưu niệm đồng chí Phạm kiệt	Sơn Tịnh		2010-2011	2.047	2.008	2.008	5	5
13	Cầu Hiệp Phổ, tuyến đường huyện ĐH.54 (ngã tư bà Viện - Nghĩa Kỳ), lý trình Km3+390	Nghĩa Hành		2012-2013	11.996	9.500	9.500	350	350
14	Đường vào cảng cá Sa Huỳnh	Đức Phổ		2011-2013	1.050	652	867	124	124
15	Cầu bản Km19+950, tuyến quốc lộ 1A-Chợ Chùa-Thanh An (ĐT.628)	Nghĩa Hành		2012	7.620	7.500	7.500	15	15

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
16	NC trạm bơm và kiên cố hóa hoàn thiện hệ thống kênh Bình Tân, huyện Bình Sơn	Bình tân		2009-2011				336	336
17	Bệnh viện đa khoa huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa		2007-2010	35.404			582	582
18	Khu dân cư Tây bắc Vạn Tường (mở rộng)	Bình sơn		2009-2013	41.825	33.102	33.102	940	940
c	**Quyết định số 1178 ngày 26/8/2013**				**500**	**0**	**0**	**500**	**90**
1	Nước sinh hoạt phân tán	Minh Long			500			500	90
III.3	**Đầu tư DA khẩu cấp, cấp bách và bổ sung các DA điều chỉnh do trượt**				**159.286**	**62.526**	**64.266**	**30.950**	**30.413**
1	Kế chống lại lở bờ biển bảo vệ khu dân cư thôn An Cường, xã Bình Hải (gđ 1)	Bình Sơn	200m kè	2013	20.000		100	15.000	15.000
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Lim	Sơn Tịnh	2,63 ha	2013				4.000	4.000
3	Đường hầm Sở chỉ huy phía Nam tỉnh Quảng Ngãi, ký hiệu ST02-QNg2006	Mộ Đức		2008-2013	15.371	13.645	13.645	2.000	2.000
4	Đường Nguyễn Tự Tân	TP QNgãi	2,403km	2012-2013	109.555	48.831	50.471	3.950	3.950
5	Trạm kiểm định an toàn kỹ thuật xe cơ giới đường bộ	Đức Phổ		2012-2013	14.360	50	50	6.000	5.463
IV	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2012**				**195.665**	**132.386**	**138.820**	**18.793**	**16.484**
1	Đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á (g/đoạn 2)	Đức Phổ	1,6km	2010-2013	51.982	34.969	38.700	3.000	3.000
2	Đường Lê Đại Hành	Thành phố QN	643,73m	2010-2012	30.706	19.843	20.217	4.000	2.156
3	Đường Tịnh Hà - Tịnh Bắc	Sơn Tịnh	8,8km	2010-2012	41.237	28.733	29.000	2.000	2.000
4	Sửa chữa cầu cảng Lý Sơn	Lý Sơn	SC, gia cố bến cảng	2010-2012	31.800	20.450	20.450	2.208	2.208
5	Đường vào đồn biên phòng cửa khẩu cảng Dung Quất	Bình Sơn	L = 712 m	2011-2012	5.459	5.100	5.100	254	254
6	Nhà làm việc BQL rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham	Sơn Hà	662,9 m2 sàn	2011-2012	3.274	2.320	2.350	1.300	852
7	Nhà lưu niệm Anh hùng liệt sỹ Phạm Xuân Hòa	Đức Phổ	Nhà chính 390 m2 sàn	2011-2012	4.357	3.925	4.057	300	300
8	Chỉnh lý, bổ sung và hoàn thiện hệ thống hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Ngãi	TPQN		2011-2012	9.615	4.596	6.496	1.500	1.484
9	Sửa chữa NLV Sở Thông tin - Truyền thông	TPQN		2012	2.344	2.100	2.100	231	231
10	Đường ĐT 624 - Dốc Nhây	Nghĩa Hành		2011-2012	14.891	10.350	10.350	4.000	4.000
V	**Dự án chuyển tiếp**				**1.118.625**	**575.492**	**678.085**	**130.203**	**124.517**
a	***Chuyển tiếp của các năm trước hoàn thành trên 50%, dự kiến hoàn thành năm 2013***				***839.664***	***507.802***	***598.545***	***49.185***	***45.977***
1	Đường trung tâm thị trấn Đức Phổ nối dài	Đức Phổ	2km	2010-2013	59.906	29.665	41.402	3.000	3.000
2	Đường Quốc lộ 1A - Phổ Vinh	Đức Phổ	3km	2010-2013	78.960	52.548	59.000	4.000	4.000
3	Nâng cấp tuyến đường 623, đọan Ngã tư Sơn Tịnh - Đường sắt Bắc Nam	Huyện Sơn Tịnh	2,588km	2010-2013	86.760	45.248	51.150	9.300	9.300

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Trường Quay Đài PTTH	TP QN	DT đất XD 41.039,8m2	2010-2013	59.273	43.128	43.168	6.305	4.107
5	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an tỉnh	TPQN	250 học viên	2010-2012	46.402	15.500	17.400	5.500	5.072
6	Trường ĐH Phạm Văn Đồng	TP QN		2008-2013	374.504	262.567	301.997	10.000	10.000
7	Đường Phan Đình Phùng nối dài	Thành phố QN	1,436km	2009-2011	49.972	28.854	31.525	5.600	5.234
8	Đường nội thị thị trấn Chợ Chùa và đường Cầu Bến Đá Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	3,688km	2010-2012	43.699	18.795	24.741	2.680	2.680
9	Hồ chứa nước Lỗ Lá	Đức Phổ		2009-2014	40.188	11.499	28.162	2.800	2.585
b	***Các dự án chuyển tiếp (khởi công năm 2012) có khối lượng thực hiện dưới 50%***				***278.961***	***67.689***	***79.540***	***81.018***	***78.540***
10	Đường vào KCN Phổ Phong	Đức Phổ	198,61m	2012-2016	56.600	23.047	23.532	11.000	10.950
11	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Ngãi (giđ I)	TPQN	3000 m2	2012-2016	78.283	8.734	14.413	10.000	9.429
12	Rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Lý Sơn	Lý Sơn		2011-2012	20.110	2.800	5.250	2.500	1.410
13	NLV hạt kiểm lâm Đức Phổ	Đức Phổ		2012-2013	3.132	1.696	1.700	1.300	1.300
14	Nhà làm việc Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch	TP QN	1.575m2 sàn	2012-2013	9.411	4.332	4.447	4.000	4.000
15	Nhà làm việc Trung tâm Thông tin và ứng dụng KHCN và Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	TPQN	sàn 1.200 m2	2012-2013	6.922	4.300	4.300	2.014	1.951
16	Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp	Nghĩa Hành		2012-2013	14.998	6.104	7.200	7.000	6.986
17	Thao trường huấn luyện kỹ, chiến thuật cấp phân đội cho BĐBP tỉnh, kết hợp huấn luyện quân dự bị động viên, dân quân tự vệ	Mộ Đức	35.200 m2	2012-2013	4.921	2.161	2.786	2.000	2.000
18	Trạm kiểm soát biên phòng Mỹ Á	Đức Phổ		2012	5.224	2.238	2.550	2.000	2.000
19	Nhà làm việc Công an thị trấn Châu Ổ	Bình Sơn		2012	1.859	1.650	1.650	193	193
20	Di dời dân khẩn cấp vùng sạt lở thôn Trà Ong, xã Trà Quân, huyện Tây Trà	Tây Trà	nhiều hạng mục	2012-2013	6.700			4.690	4.690
21	Di dời dân khẩn cấp vùng sạt lở thôn Trà Ích, xã Trà Lãnh, huyện Tây Trà	Tây Trà	mặt bằng 13.177m2; đường nội vùng là 228,7m	2012-2013	6.900			4.830	4.143
22	Điểm tái định cư tập trung thôn Làng Mầm, xã Ba Bích, Ba Tơ	Ba Tơ	nhiều hạng mục	2012-2013	7.000			4.900	4.900
23	Điểm tái định cư Gò Nổi thôn Tây, xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng	Trà Bồng	nhiều hạng mục	2012-2013	10.106			7.000	6.998
24	Hội trường 17/8 và nhà công vụ Huyện ủy Minh Long	Minh Long		2012-2013	7.000	3.326	3.326	2.500	2.500
25	Doanh trại Ban chỉ huy QS huyện Bình Sơn	Bình Sơn	Sàn 2.256 m2	2012-2013	21.200	3.307	3.820	3.000	3.000
26	Đường Hà Giang - Tịnh Thọ	Sơn Tịnh	2,57km	2012-2013	10.296	3.493	3.850	4.000	4.000
27	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn An Lợi, xã Phổ Nhơn	Đức Phổ		2012-2014	8.300	501	716	2.300	2.300
28	Sửa chữa cầu Trà Bồng	KKT DQ		2012-2013				5.791	5.791
VI	**Dự án khởi công mới**				**1.164.481**	**3.350**	**3.560**	**64.357**	**59.593**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	300 giường	2013-2018	497.000	500	500	7.800	7.800
2	Sửa chữa, cải tạo nhà 2 tầng (khoa nhiệt đới, cơ sở cũ BVĐK tỉnh) để làm cơ sở hoạt động cho bệnh viện Y học cổ truyền	TPQN	2029 m2 sàn	2013-2014	14.954			7.200	6.632
3	Đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Khu KT Dung Quất	9,6 km	2014-2018	397.712	1.658	1.868	5.000	5.000
4	Hoàn thiện mặt đường bê-tông nhựa tuyến 1,2,5 và số 2 nối dài - KCN Tịnh Phong	KCN Tịnh Phong	2,42 km	2013-2014	7.366	161	161	2.760	2.760
5	Sửa chữa đập, nhà quản lý, nâng cấp kênh Tây, Hồ chứa nước Di Lăng	Sơn Hà		2013	6.070	100	100	2.000	2.000
6	Hệ thống kênh mương HCN Cây Quen	Nghĩa Hành	4,45 km	2013-2014	11.907	100	100	3.700	3.398
7	Dự án Phát triển giống lúa thuần giai đoạn 2012-2015	Mộ Đức	G1:1,74ha; Siêu NC: 24,36ha	2013-2015	8.749	50	50	2.000	2.000
8	Cầu Gò Mã đường ĐH.56C (NTLS xã Hành Minh-Hành Đức-Hành Phước)	Nghĩa Hành	L=36m	2013-2014	12.253	50	50	5.700	5.700
9	Nhà khách Cẩm Thành	TPQN	6200m2 sàn	2013-2016	77.518	200	200	18.200	16.331
10	Nhà làm việc Công an phường Nguyễn Nghiêm	TPQN	612,09m2 sàn	2012-2013	3.401	163	163	1.725	1.725
11	Nhà tạm giữ hành chính các huyện: Minh Long, Tây Trà, Lý Sơn	Tây Trà, Minh Long, Lý Sơn	ML221,04m2, TT221,4m2, LS 240,9m2	2012-2013	3.516	117	117	2.000	2.000
12	Vành đai an toàn kho K2, BCHQS tỉnh	H.Tư Nghĩa	15,3 ha	2013-2015	10.363	100	100	3.000	1.001
13	Nhà lưu niệm đồng chí Trần Kiên	Tư Nghĩa		2013-2014	5.458	50	50	1.000	975
14	Trụ sở làm việc Thanh tra Giao thông	TPQN	488m2	2013-2015	10.699	50	50	1.034	1.034
15	SC nâng cấp tuyến đường Sơn Hà - Sơn Tây (ĐT.623) đoạn từ Km0+300-Km14+630	Sơn Tây	14,33 km	2013-2015	97.515	50	50	1.238	1.238
VII	**Xây dựng nông thôn mới**				**52.843**	**0**	**0**	**29.000**	**26.077**
1	**Huyện Bình Sơn**				**3.064**	**0**	**0**	**2.144**	**2.144**
+	Trường TH xã Bình Dương	Bình Dương		2013	2.163			1.514	1.514
+	Trường TH xã Bình Thới	Bình Thới		2013	900			630	630
2	**Huyện Sơn Tịnh**				**5.490**	**0**	**0**	**3.390**	**3.390**
+	Nhà văn hóa xã Tịnh Trà	Tịnh Trà		2013	3.790			2.030	2.030
+	Trường THCS Võ Bẩm	Tịnh Khê		2013	1.700			1.360	1.360
3	**Huyện Tư Nghĩa**				**2.461**	**0**	**0**	**1.723**	**1.103**
+	Nhà văn hóa xã Nghĩa Hòa	Nghĩa Hòa		2013	2.461			1.723	1.103
4	**Huyện Nghĩa Hành**				**14.015**	**0**	**0**	**7.413**	**7.413**
+	Trụ sở UBND xã Hành Minh	Hành Minh		2012-2013	6.350			3.200	3.200
+	Nhà văn hóa xã Hành Thiện	Hành Thiện		2012-2013	4.225			2.213	2.213
+	Nhà văn hóa xã Hành Thịnh	Hành Thịnh		2012-2013	3.441			2.000	2.000

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5	**Huyện Mộ Đức**				**8.227**	**0**	**0**	**5.000**	**5.000**
+	Trường Mầm non Đức Tân	Đức Tân		2012-2013	3.600			2.520	2.520
+	Trường Mẫu giáo Đức Hòa	Đức Hòa		2012-2013	4.627			2.480	2.480
6	**Huyện Đức Phổ**				**2.732**	**0**	**0**	**1.142**	**1.142**
+	Nghĩa trang nhân dân; Núi Gò Phổ Triệu, thôn An Ninh	Phổ Ninh		2013	2.732			1.142	1.142
7	**Huyện Minh Long**				**1.033**	**0**	**0**	**826**	**826**
+	Trường THCS Long Sơn	Long Sơn		2012-2013	1.033			826	826
8	**Huyện Ba Tơ**				**2.827**	**0**	**0**	**2.262**	**2.173**
+	Cầu suối Nước Beng và cầu suối Nước Tiền	Ba Tơ		2012	2.827			2.262	2.173
9	**Huyện Sơn Hà**				**6.024**	**0**	**0**	**2.500**	**2.500**
+	Đường QL24B - Xóm Vậy - Gò Lũy	Sơn hà		2013	6.024			2.500	2.500
10	**Huyện Trà Bồng**				**6.970**	**0**	**0**	**2.600**	**386**
+	Làm mới tuyến đường Bình Đông - Bình Trung	Trà Bồng		2013	6.970			2.600	386
VIII	**Chương trình bảo vệ và phát triển rừng**				**132.600**	**24.861**	**24.861**	**10.000**	**9.483**
1	Rừng PHĐN Thạch Nham	Sơn Hà			43.383	6.712	6.712	2.656	2.528
2	Rừng phòng hộ khu Đông Ba Tơ	Ba Tơ			7.180	2.213	2.213	970	945
3	Rừng phòng hộ khu Tây Ba Tơ	Ba Tơ			18.579	3.967	3.967	1.571	1.481
4	Rừng phòng hộ Trà Bồng	Trà Bồng			16.009	3.318	3.318	2.027	1.957
5	Rừng phòng hộ Tây Trà	Tây Trà			17.768	2.411	2.411	1.153	1.022
6	Rừng phòng hộ Sơn Tây	Sơn Tây			11.652	1.014	1.014	312	312
7	Rừng phòng hộ Minh Long	Minh Long			8.529	1.620	1.620	680	671
8	Rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan Dung Quất	Bình Sơn			9.499	3.606	3.606	633	568
IX	**Hạ tầng Khu công nghiệp**				**33.767**	**89.907**	**94.324**	**8.500**	**8.500**
a	**CSHT KCN Quảng Phú**				**0**	**42.574**	**46.393**	**1.350**	**1.350**
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Quảng Phú (Thanh toán các phương án bồi thường được duyệt)	Quảng Phú				42.574	46.393	1.350	1.350
b	**CSHT KCN Tịnh Phong**				**33.767**	**47.333**	**47.931**	**7.150**	**7.150**
2	Đường số 1,2,5 - KCN Tịnh Phong	Tịnh Phong		2008-2012	31.023	22.742	22.742	1.599	1.599
3	San nền mặt bằng Nhà máy sản xuất giày RIEKER Việt Nam	Tịnh Phong	105.733m2	2011-2012	2.744	1.523	1.523	900	900
4	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tịnh Phong (Thanh toán các phương án bồi thường được duyệt)	Tịnh Phong				23.068	23.666	4.651	4.651
X	**Hạ tầng cụm công nghiệp các huyện**				**28.960**	**250**	**250**	**12.000**	**11.579**
1	Hỗ trợ hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Bình Sơn	H.Bình Sơn		2013	14.500	50	50	2.000	2.000
2	Hỗ trợ hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Sơn Tịnh	H.Sơn Tịnh		2013	2.000	50	50	2.000	1.908

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Hỗ trợ hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Tư Nghĩa	H.Tư Nghĩa		2013	3.012	50	50	2.000	1.817
4	Hỗ trợ hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Nghĩa Hành	H.Nghĩa Hành		2013	2.000	50	50	2.000	1.854
5	Hỗ trợ hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Mộ Đức	H.Mộ Đức		2013	5.300			2.000	2.000
6	Hỗ trợ hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Đức Phổ	H.Đức Phổ		2013	2.148	50	50	2.000	2.000
XI	**Bố trí lồng ghép với vốn Hỗ trợ có mục tiêu NSTW**				**869.431**	**262.961**	**270.786**	**81.700**	**75.064**
a	**Lồng ghép với Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng**				**722.771**	**210.260**	**218.085**	**66.700**	**60.389**
1	Nâng cấp, mở rộng cảng Sa Kỳ	Bình Sơn	Tàu 1000DWT	2012-2014	51.605	18.016	18.016	8.700	8.700
2	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa	100ha	2011-2015	338.000	111.628	111.628	18.000	14.048
3	Đường tỉnh lộ 623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) giai đoạn 1.	TPQN, Tư Nghĩa	8800m	2012-2015	181.310	35.466	43.291	25.000	24.519
4	Đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)	Thành phố QN	796,11m	2012-2014	126.178	35.050	35.050	10.000	8.122
5	Cầu Diêm Điền	Sơn Tịnh	459m	2012-2014	25.678	10.100	10.100	5.000	5.000
b	**Lồng ghép với Hạ tầng huyện giáp Tây nguyên**				**63.362**	**18.100**	**18.100**	**5.000**	**5.000**
6	Đường Toà án huyện - Cà Tu	Sơn Hà	669,1m	2012-2014	63.362	18.100	18.100	5.000	5.000
c	**Lồng ghép với Hạ tầng Du lịch**				**83.298**	**34.601**	**34.601**	**10.000**	**9.675**
7	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài) thuộc hạ tầng KDL Mỹ Khê	Sơn Tịnh	3504m	2012-2015	83.298	34.601	34.601	10.000	9.675
XII	**Vốn đối ứng các dự án ODA**				**564.239**	**128.075**	**129.268**	**44.400**	**43.346**
a	**Ngành Nông nghiệp**				**408.323**	**41.110**	**41.405**	**17.392**	**17.086**
*	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013*				*25.289*	*13.998*	*14.022*	*3.285*	*3.285*
1	Phát triển nông thôn tổng hợp	Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Bình Sơn	Kiên cố và hoàn thiện kênh TL (40.107ha)	2008-2013	25.289	13.998	14.022	3.285	3.285
*	*Danh mục dự án khởi công mới năm 2013*				*330.697*	*986*	*1.229*	*5.286*	*5.158*
2	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Đa mục tiêu	2013-2018	27.040	219	429	1.637	1.602
3	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; bảo vệ 3.200 ha; 90 km đường	2012-2021	42.756	459	459	1.459	1.455
4	Dự án Quản lý Thiên tai		Đa mục tiêu	2012-2017	260.901	308	341	2.191	2.101
+	Tiểu DA Đập Đức Lợi	Mộ Đức	nhiều hạng mục	2013-2017	75.769	58	91	941	940
+	Cảng neo trú tàu thuyền Mỹ Á, giai đoạn 2	Đức Phổ	nhiều hạng mục	2013-2017	185.132	250	250	1.250	1.160
*	*Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2013*				*52.337*	*26.126*	*26.154*	*8.821*	*8.643*
5	Phát triển ngành Lâm nghiệp	Trà Bồng, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Ba Tơ	Trồng 10.300ha rừng, đào tạo tập huấn	2005-2015	22.550	9.029	9.057	6.071	6.064

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
6	Khôi phục và Quản lý rừng bền vững KfW6	Nghĩa Hành, Đức Phổ, Tư Nghĩa	Thiết lập 3,800 ha rừng; Quản lý rừng cộng đồng 1.012 ha	2005-2014	20.494	14.311	14.311	2.000	2.000
7	Khí sinh học ngành chăn nuôi	Các huyện	3.649 hầm biogas	2007-2014	2.143	1.741	1.741	400	229
8	Trồng rừng trên đất cát ven biển (PACSA 2)	Đức Phổ	414,49 ha	2010-2014	7.150	1.045	1.045	350	350
b	**Ngành Công nghiệp**				**47.555**	**40.758**	**40.775**	**1.350**	**1.350**
9	Năng lượng nông thôn II	Nghĩa Hành, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa	1.500km đường dây hạ thế, 158.000 công tơ	2005-2013	47.555	40.758	40.775	1.350	1.350
c	**Ngành Giao thông vận tải**				**28.900**	**9.062**	**9.200**	**8.000**	**7.661**
*	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013*				*15.993*	*9.062*	*9.200*	*4.000*	*4.000*
10	Đường Trà Giang - Trà Thủy	Trà Bồng	8.296 m	2008-2012	15.993	9.062	9.200	4.000	4.000
*	*Các dự án khởi công mới năm 2013*				*12.907*	*0*	*0*	*4.000*	*3.661*
11	Cầu Sông Liên - Ba Cung	Ba Tơ	198 m cầu, 512,7m đường	2013-2014	12.907			4.000	3.661
d	**Ngành cấp nước và thoát nước**				**19.000**	**11.217**	**11.695**	**3.476**	**3.386**
12	Hệ thống cấp nước thị trấn Di Lăng	Sơn Hà	3.000m3/ngày đêm	2010-2012	19.000	11.217	11.695	3.476	3.386
e	**Ngành Y tế**				**22.323**	**7.820**	**8.014**	**9.244**	**9.045**
13	Hỗ trợ Hệ thống Y tế dự phòng	Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng và Ba Tơ	ĐT các CS y tế và Trang thiết bị	2006-2012	1.195	440	440	100	100
14	Hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung Bộ	Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tơ và Mộ Đức	ĐT các CS y tế và Trang thiết bị	2009-2013	13.857	7.180	7.374	8.000	7.987
15	Dự án Alive anh Thrive	5 huyện			7.271	200	200	73	73
16	Y tế nông thôn	Các huyện						1.071	885
f	**Ngành Giáo dục Đào tạo**				**18.886**	**240**	**240**	**3.450**	**3.418**
17	Chương trình phát triển giáo dục trường học				12.062	0	0	2.500	2.471
+	Trung tâm GDTX Sơn Hà (nhà hiệu bộ và nhà học bộ môn)	Sơn Hà	1507,5 m2 sàn	2013-2014	2.994			800	800
+	Trung tâm GDTX Minh Long (nhà hiệu bộ và nhà học bộ môn)	Minh Long	1507,5 m2 sàn	2013-2014	4.716			850	821
+	Trung tâm GDTX Ba Tơ (nhà hiệu bộ và nhà học bộ môn)	Ba Tơ	1433,14 m2 sàn	2013-2014	4.352			850	850

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
18	DA Trường Tiểu học và Trung học CS Ba Liên	Ba Liên			2.837			880	877
19	Chương trình giáo dục phổ thông	TPQN			3.987	240	240	70	70
g	**Ngành Lao động Thương binh XH**				**16.000**	**17.869**	**17.939**	**1.000**	**912**
20	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc	TP Q.Ngãi	1.000-1.200 SV/năm	2005-2014	16.000	17.869	17.939	1.000	912
h	**Ngành công cộng**				**3.252**	**0**	**0**	**488**	**488**
21	Hỗ trợ xây dựng 70 nhà ở cho hộ dân nghèo vùng lũ lụt	TP Q.Ngãi			3.252			488	488
C.2	**Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu**				**5.164.964**	**1.142.984**	**1.273.848**	**378.149**	**297.087**
I	**Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng**				**1.418.136**	**505.305**	**597.333**	**102.000**	**95.174**
I.1	**Hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 39/NQ-TW**				**1.159.556**	**390.312**	**477.481**	**75.000**	**68.300**
*	*DA dự kiến hoàn thành năm 2013*				*69.916*	*53.579*	*53.701*	*141*	*140*
1	Kè chống sạt lở hạ lưu sông Trà Bồng, thị trấn Châu Ổ	Bình Sơn	1600m	2010-1014	69.916	53.579	53.701	141	140
*	*Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2013*				*1.089.640*	*336.732*	*423.780*	*74.859*	*68.160*
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	Đức Phổ	250 giường	2010-2014	55.163	37.072	37.133	5.000	5.000
3	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Mộ Đức	Mộ Đức	140 giường	2011-2014	30.542	15.691	17.000	5.000	5.000
4	Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, TP Quảng Ngãi (đoạn từ Bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng)	TPQN	3012 m kè	2011-2013	111.681	70.933	71.010	8.500	8.500
5	Thoát nước Hào Thành	TPQN	1868m	2012-2014	55.597	20.821	21.559	11.000	10.995
6	Nâng cấp, mở rộng cảng Sa Kỳ	Bình Sơn	Tàu 1000DWT	2012-2014	51.605	15.376	18.016	1.300	1.300
7	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	100ha	2011-2015	338.000	58.259	111.628	10.000	4.179
8	Đường tỉnh lộ 623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) giai đoạn 1.	TPQN, Tư Nghĩa	8800m	2012-2015	181.310	43.291	43.291	6.359	6.359
9	Đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)	Thành phố QN	796,11m	2012-2014	126.178	31.692	35.050	7.000	7.000
10	Kênh bơm N2 Liệt Sơn nối dài	Đức Phổ	13.379m	2012-2014	13.391	9.019	9.550	1.500	1.500
11	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn ngã 5 Thu Lộ đến đường Nguyễn Trãi)	Thành phố QN	904,2m	2012-2014	37.116	18.041	19.100	7.000	6.508
12	Cầu Diêm Điền	Sơn Tịnh	459m	2012-2014	25.678	2.976	10.100	1.200	1.200
13	Tuyến đường QL1A - Trường THPT Ph.Văn Đồng - Trường Mầm non	Mộ Đức	635m	2012-2013	34.202	6.347	15.364	5.000	4.619
14	Kè chống sạt lở phía Nam sông Cây Bứa đoạn Sông Vệ - Nghĩa Hiệp	Tư Nghĩa	768m	2011-2013	14.952	6.364	8.429	3.000	3.000
15	Hệ thống thoát lũ Đồng Nhiều và chỉnh dòng sông Cầu Cát, thuộc Nghĩa Phương, Nghĩa Thương	Tư Nghĩa	3.044m	2012-2014	14.225	849	6.550	3.000	3.000
I.2	**Hỗ trợ các huyện giáp Tây nguyên**				**258.580**	**114.994**	**119.852**	**27.000**	**26.874**
*	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013*				*140.092*	*75.831*	*76.212*	*14.500*	*14.463*
1	Cầu Hóc Kè	Ba Động	L=120m, Kết cấu B=6,5m; Đ Đ cầu L=268.2m	2011-2013	14.967	13.191	13.191	380	362

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Trạm y tế xã Ba Trang	Ba Trang	DT sàn 262,12m2 và các CT phụ trợ	2012-2013	2.533	2.176	2.176	58	58
3	Trạm y tế xã Ba Liên	Ba Liên	DT sàn 502,8m2 và các CT phụ trợ	2012-2013	3.063	2.208	2.208	653	653
4	Trường THCS Ba Vì	Ba Vì	02 tầng 8 phòng	2012-2013	2.404	2.300	2.300	64	64
5	Đường TT xã Long Hiệp huyện GĐ1	Long Hiệp	L = 1960,98m	2010-2012	29.012	16.584	16.584	4.500	4.500
6	Đường Trà Bao - Trà Khê	Trà Quân, Trà Khê	5,112km	2012-2014	32.961	15.209	15.209	1.000	1.000
7	Đường Trà Phú - Trà Giang	Trà Phú, Trà Giang	L=3,879m	2009-2010	13.558	10.177	10.177	1.500	1.500
8	NCMR Đường thôn Cưa - thôn Cà - thôn Băng	Trà Hiệp	L=6,056Km	2012-2014	41.594	13.985	14.366	6.345	6.326
*	*Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2013*				*118.488*	*39.163*	*43.640*	*12.500*	*12.411*
9	Đường Toà án huyện - Cà Tu	Sơn Hà	669,1m	2012-2014	63.362	13.623	18.100	8.000	7.911
10	Đường TT y tế - Gò lá	Sơn Dung	L=4,432 Km	2012-2014	55.126	25.540	25.540	4.500	4.500
II	**Các dự án cấp bách khác theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước**				**338.000**	**111.628**	**111.628**	**12.000**	**12.000**
1	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	100ha	2011-2015	338.000	111.628	111.628	12.000	12.000
III	**Hỗ trợ khu công nghiệp**				**79.969**	**76.066**	**76.066**	**15.000**	**15.000**
*	*Các dự án chuyển tiếp*				*79.969*	*76.066*	*76.066*	*15.000*	*15.000*
1	Hạ tầng KCN Quảng Phú (Hoàn thiện mặt đường bêtông nhựa và trồng cây xanh các tuyến đường 1,2,3,4,6,7,9,11)	TPQN	4330,79m	2013-2015	37.995	216	216	12.203	12.203
2	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quảng Phú	TPQN	6000m3/ ngày đêm	2009-2012	41.974	29.457	29.457	1.297	1.297
3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Q.Phú (các phương án đền bù được duyệt)	Quảng Phú				46.393	46.393	1.500	1.500
IV	**Hỗ trợ đầu tư khu kinh tế ven biển**				**1.547.763**	**313.685**	**333.326**	**147.200**	**114.860**
*	*Các dự án hoàn thành năm 2012*				*320.077*	*266.294*	*277.074*	*18.000*	*17.232*
1	Xây dựng các tuyến đường trục KCN Dung Quất phía Đông (GĐ II)	Bình Sơn	13,3km	2008-2012	320.077	266.294	277.074	18.000	17.232
*	*Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2013*				*219.879*	*46.916*	*55.777*	*80.200*	*79.860*
2	Hạ tầng Khu nhà ở công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại Khu kinh tế Dung Quất	Bình Sơn	16ha	2009-2012	141.699	33.334	39.302	26.000	25.660
3	Đầu tư nâng cấp tuyến đường Dốc Sỏi - Nhà máy đóng tàu Dung Quất	Bình Sơn	6,35km	2012-2013	78.180	13.582	16.475	54.200	54.200

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
*	*Các dự án khởi công mới năm 2013*				*1.007.807*	*475*	*475*	*49.000*	*17.767*
4	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải KCN phía Đông	Bình Sơn	15km	2013-2014	80.236	475	475	10.000	3.856
5	Đền bù, giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy thép Guang Lian (GĐ I)	Bình Sơn	246ha	2013-2015	359.274			10.000	8.666
6	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn II)	Bình Sơn	9 km	2013-2017	446.978			27.000	4.390
7	Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường Trì Bình - cảng Dung Quất	Bình Sơn	9km	2013-2014	121.319			2.000	854
V	**Hỗ trợ hạ tầng du lịch**				**200.445**	**31.697**	**34.751**	**9.207**	**8.902**
*	*Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2013*				*83.298*	*31.547*	*34.601*	*5.500*	*5.500*
1	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nối dài) thuộc hạ tầng KDL Mỹ Khê	KBNN tỉnh	3504m	2012-2015	83.298	31.547	34.601	5.500	5.500
*	*Các dự án khởi công mới năm 2013*				*117.147*	*150*	*150*	*3.707*	*3.402*
2	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nối dài)	KBNN tỉnh	4,2 km	2013-2017	117.147	150	150	3.707	3.402
VI	**Khu neo đậu và tránh bão tàu thuyền**				**401.097**	**30.009**	**42.745**	**9.200**	**9.200**
1	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	KBNN tỉnh	500 tàu có CS 400CV	2012-2016	401.097	30.009	42.745	9.200	9.200
VII	**Chương trình di dân, định canh ĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số**				**7.814**	**0**	**0**	**4.600**	**4.224**
1	Xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tpok, Tkét, thôn Cà xã Trà Hiệp huyện Trà Bồng	KBNN tỉnh		2013-2014	7.814			4.600	4.224
VIII	**Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và hệ thống đê sông**				**168.407**	**38.595**	**42.000**	**13.802**	**13.238**
1	Đê kè Hòa Hà	Tư Nghĩa	4982m đê	2010-2015	168.407	38.595	42.000	13.802	13.238
IX	**CT khắc phục hậu quả bom mìn theo QĐ 504/QĐ-UBND, ngày 21/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ**				**717.784**	**36.000**	**36.000**	**15.640**	**15.490**
*	*Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2013*				*713.256*	*36.000*	*36.000*	*13.800*	*13.650*
1	Dự án dò tìm và xử lý bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1 2010 - 2015)	Toàn tỉnh		2011-2015	713.256	36.000	36.000	13.800	13.650
*	*Các dự án khởi công mới năm 2013*				*4.528*	*0*	*0*	*1.840*	*1.840*
2	Trạm y tế xã Bình Tân, huyện Bình Sơn	Bình Tân		2013-2014	4.528			1.840	1.840
X	**Chương trình Biển Đông - Hải đảo**				**251.199**	**0**	**0**	**40.000**	**9.000**
1	Đường cơ động đảo lớn, huyện Lý Sơn giai đoạn II	Huyện Lý Sơn	2200m	2013-2017	251.199			40.000	9.000
XI	**Vốn nước ngoài (ODA) thực hiện theo hình thức rút dự toán**				**34.350**	**0**	**0**	**9.500**	**0**
1	Trường THPT chuyên Lê Khiết	TP Quảng Ngãi			34.350			9.500	0
C.3	**Chương trình mục tiêu quốc gia**				**1.016.686**	**275.303**	**294.764**	**276.675**	**252.124**
I	**Chương trình Giảm nghèo**				**848.991**	**243.741**	**262.486**	**241.742**	**219.963**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I.1	***Chương trình HT huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/CP***				***765.329***	***243.741***	***262.486***	***169.742***	***153.813***
1	**Huyện Ba Tơ**				**63.412**	**3.190**	**3.190**	**29.781**	**26.726**
1.1	KDC Đồng Lâu (Trạm điện sinh hoạt + công trình nước sinh hoạt + san lấp mặt bằng)	Ba Lế	14,8ha	2009-2011	3.291	3.190	3.190	13	12
1.2	Đập Gọi Lế	Ba Lế	5 ha	2013-2014	1.955			1.300	1.300
1.3	Đập Làng Diều	Ba Bích	12 ha	2013-2014	4.314			2.500	783
1.4	Kiên cố hóa Kênh Kà La	Ba Vinh	50 ha	2013-2014	5.890			2.374	2.374
1.5	Trạm y tế xã Ba Khâm	Ba Khâm	1.565,7 m2	2013-2014	3.288			1.800	1.800
1.6	Trường THCS Ba Động HM: Sân vườn, nhà đa năng + các CT phụ trợ	Ba Động	3.017 m2	2013-2014	4.979			2.800	2.800
1.7	Trường THCS Ba Vì HM: Nhà hiệu bộ	Ba Vì	400,4 m2	2013-2014	2.955			2.000	2.000
1.8	Trường Mầm non Ba Vì	Ba Vì	3.917 m2	2013-2014	6.962			3.913	3.913
1.9	Trường TH Ba Vì - Lớp học 8 phòng, nhà hiệu bộ	Ba Vì	1.017 m2	2013-2014	5.973			3.200	3.200
1.10	Đường TTCX Ba Vì	Ba Vì	610 m	2013-2014	4.852			2.500	2.500
1.11	Đường QL 24 (KM14- xã cũ (Dốc Ổi)	Ba Liên	1.462 m	2013-2014	3.958			2.000	2.000
1.12	Đường Làng Giấy - Cà La	Ba Tơ	4.205 m	2013-2015	14.995			5.381	4.043
2	**Huyện Minh Long**				**116.297**	**28.633**	**28.804**	**23.330**	**22.946**
2.1	Đường TT xã Long Hiệp huyện gđ1	Long Hiệp	1.960,98 m	2010-2012	29.012	16.413	16.584	1.500	1.500
2.2	Đường Suối Tía - TTGDTX	Minh Long	876,68 m	2010-2011	15.404	12.220	12.220	1.600	1.549
2.3	Đập Hóc Lê + mương	Long Môn	50 ha	2013-2014	2.715			1.300	1.300
2.4	Trạm y tế xã Thanh An	Thanh An	300m2	2013-2014	3.714			1.600	1.600
2.5	Trạm y tế xã Long Mai	Long Mai	300m2	2013-2014	3.895			1.700	1.700
2.6	Đường TT y tế - ngã ba ông Tiến	Long Hiệp	1,519 km	2013-2014	14.973			2.800	2.479
2.7	Đường Hóc Nhiêu - Ruộng Gò	Thanh An	2,5 km	2013-2015	6.993			3.200	3.200
2.8	Đường nhà ông Phu - phòng Văn hóa thông tin	Long Hiệp	800 m	2013-2014	3.499			1.600	1.600
2.9	Đường suối Tía thôn ba (gđ 2)	Long Hiệp	706,89 m	2013-2015	14.425			2.800	2.787
2.10	Cầu Thanh Mâu	Thanh An	18m+đường 2 đầu cầu	2013	6.721			2.430	2.430
2.11	Cầu Tịnh Đố	Thanh An	54m+đường 2 đầu cầu L=79008m	2013-2015	14.946			2.800	2.800
3	**Huyện Sơn Hà**				**106.137**	**35.175**	**37.485**	**30.150**	**28.845**
3.1	Đường UBND xã - Làng Rin	Sơn Trung	Bm=5m+ thoát nước	2011-2012	5.771	3.393	3.393	262	262
3.2	Trường MG Sơn Cao	Sơn Cao	lớp học 3P, hiệu bộ 2T	2012	5.050	4.600	4.600	435	433

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3.3	Trường Tiểu học Sơn Thành	Sơn Thành	lớp học 4P 2T, hiệu bộ 2T	2012	4.393	4.000	4.000	390	360
3.4	Trường Mẫu giáo Sơn Trung	Sơn Trung	lớp học 6P 2T, hiệu bộ 2T	2012	6.290	5.103	5.200	1.015	1.015
3.5	Nhà hiệu bộ	TT Di Lăng	nhà hiệu bộ 2tầng	2012	3.265	3.000	3.000	260	196
3.6	Đường Thạch Nham-Hà Bắc (đoạn Thạch Nham-Xà Riềng)	Sơn Hà	L=4.000m	2011-2013	26.860	11.412	13.293	5.501	5.501
3.7	Đường Tà Ngao - Tà Cơm	Sơn Thủy	L=1.500m, Bn=3,5m	2012-2013	6.928	1.696	1.999	3.887	3.887
3.8	BTXM đường Nước Lát - Làng Bâm	Sơn Kỳ	L=3.500m, Bm=3,5m	2012-2013	6.910	1.971	2.000	4.400	4.400
3.9	Đường UBND xã Ca Ra - Đèo Rơn	Sơn Hạ, sơn Thành	L=3km; Bm=5.5	2013-2014	5.900			2.000	1.867
3.10	Đường Hà Bắc - Gò Sim	Sơn Hạ	L=1.5km ; Bm=5.5+ thoát nước	2013 -2014	2.700			1.000	998
3.11	Đường ĐT 626-Giá Gối	Sơn Thủy	Bm=3.5m+ thoát nước	2013 - 2014	6.998			2.400	2.400
3.12	Trường Mẫu giáo Sơn Nham	Sơn Nham	NLH 3P, NHB 2T, Đền bù GPMB	2013 - 2014	6.965			2.400	2.400
3.13	Trường MG Sơn Thành	Sơn Thành	NLH 4P, NHB 2T, Đền bù GPMB	2013 - 2014	6.993			2.400	2.400
3.14	Trạm y tế Sơn Hạ	Sơn Hạ	NLV 370m2, Đền bù GPMB	2013 - 2014	4.324			1.500	1.500
3.15	Trung tâm Dạy nghề huyện	Di Lăng	mua sắm thiết bị dạy nghề, công trình phụ trợ	2013 - 2014	6.790			2.300	1.227
4	**Huyện Sơn Tây**				**212.235**	**93.218**	**98.338**	**31.713**	**28.090**
4.1	Đường cầu Sơn Mùa - ngã ba Sơn Mùa	Sơn Mùa	L=1.935m	2009-2010	22.607	20.923	20.923	170	170
4.2	Đập Ra Lin	Sơn Long	5ha	2009-2011	732	644	644	2	2
4.3	Đường cầu Tà Dô - xóm ông Đò thôn Tà Dô	Sơn Tân	L=4.102m	2009-2010	26.287	23.654	23.708	1.300	1.300
4.4	Đường ĐH86 huyện đội - Đăk Lang	Sơn Tây	L=3,484Km	2011-2013	29.738	27.463	27.522	1.500	1.500
4.5	Đường Trung tâm y tế - Gò Lã	Sơn Tây	L=4,432 Km	2012-2015	55.126	20.534	25.540	3.650	2.526
4.6	Đường TT xã Sơn Màu - A Pao (gđ 1)	Sơn Màu	L= 4 Km	2013-2015	48.904			8.205	6.251
4.7	Đập Ra Lang I	Sơn Mùa	10 Ha	2013-2014	3.535			1.200	1.200
4.8	Đường điện 0,4Kv A Ghẻ - A Panh	Sơn Màu	L= 4 Km	2013-2014	4.596			1.550	1.550
4.9	Đường điện 0,4Kv xóm ông Nhông	Sơn Tây	L= 1,5 Km	2013-2014	4.934			1.750	1.750

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.10	Trạm y tế xã Sơn Lập	Sơn Lập	2.000 m2	2013-2014	4.961			3.850	3.669
4.11	Trường Mầm non Sơn Long	Sơn Long	1.500 m2	2013-2014	3.610			3.050	2.807
4.12	Trường Mầm non Sơn Liên	Sơn Liên	1.500 m2	2013-2014	3.361			2.157	2.157
4.13	Trường Mầm non Sơn Màu	Sơn Màu	1.500 m2	2013-2014	3.844			3.330	3.209
5	**Huyện Tây Trà**				**134.926**	**53.835**	**62.635**	**26.001**	**22.867**
5.1	Trạm y tế Trà Lãnh	Trà Lãnh	DT 324,45, các CTphụ trợ	2011-2012	3.716	3.155	3.155	353	233
5.2	Nhà ở giáo viên Trường THCS Trà Phong	Trà Phong	DT 392m2, 10P 2tầng	2011-2012	2.628	2.285	2.285	343	308
5.3	Điện sinh hoạt thôn Môn	Trà Thanh	đường dây 22KV:4458m;0,23KV: 1928m	2011-2012	5.332	4.331	4.331	472	18
5.4	Cầu Trà Ích	Trà Nham	433,37m đường, cầu L=15m	2011-2012	3.546	3.125	3.125	156	95
5.5	Trạm y tế Trà Nham	Trà Nham	san nền 1050m2 và 10 phòng	2012-2013	4.200	2.311	2.500	132	132
5.6	Trung tâm GDTX và dạy nghề	Trà Phong	6P học 2T, nhà hiệu bộ	2012-2013	6.293	3.600	3.600	1.498	1.498
5.7	Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung	Trà Phong	6,518km	2011-2013	47.840	25.518	28.431	3.250	2.784
5.8	Đường Trà Bao - Trà Khê	Trà Quân, Trà Khê	5,112km	2012-2014	32.961	9.511	15.209	2.241	1.498
5.9	Trạm y tế Trà Quân	Trà Quân	DT 350m2, 2 tầng 10P	2013-2014	4.657			2.500	2.500
5.10	Trạm y tế Trà Khê	Trà Khê	DT 350m2, 2 tầng 10P	2013-2014	5.515			2.200	2.147
5.11	Trường TH Trà Lãnh	Trà Lãnh	2 phòng	2013-2014	1.562			1.430	1.430
5.12	Trường TH Trà Nham	Trà Nham	4 phòng	2013-2014	3.138			1.318	294
5.13	Trường TH Trà Phong 1	Trà Phong 1	2 phòng	2013-2014	1.600			1.512	1.456
5.14	Trường TH Trà Trung	Trà Trung	2 phòng	2013-2014	1.533			800	780
5.15	Trường MG Trà Xinh	Trà Xinh	1 phòng	2013-2014	800			700	615
5.16	Trường MG Trà Lãnh	Trà Lãnh	2 phòng	2013-2014	1.600			650	650
5.17	Trường MG Trà Phong	Trà Phong	3 phòng	2013-2014	2.529			1.946	1.936
5.18	Điện sinh hoạt tổ 1, 2 thôn Trà Vân	Trà Nham	Đường dây 22KV: 1500m	2013-2014	3.200			2.800	2.794

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5.19	Điện sinh hoạt tổ 4 thôn Xanh	Trà Trung	Đường dây 22KV: 1600m	2013-2014	2.276			1.700	1.700
6	**Huyện Trà Bồng**				**132.322**	**29.689**	**32.035**	**28.767**	**24.340**
6.1	Hồ chứa nước cây Xanh	Trà Bình	tưới 36ha	2011-2012	11.584	9.125	9.238	108	108
6.2	Đường Trà Phú - Trà Giang	Tr.Phú, Tr.Giang	L=3,879m	2009-2010	13.558	7.946	10.177	748	19
6.3	Đường Bình Đông - Bình Tân	Trà Bình	L=3,439km	2012-2014	24.210	12.619	12.620	3.280	3.188
6.4	NCMR đường thôn Niên - thôn Tây, huyện Trà Bồng	Trà Bùi	L= 3,731 Km	2013-2015	23.955			5.500	2.968
6.5	Thủy lợi Suối Đào thôn Tang, xã Trà Bùi	Trà Bùi	DT tưới 3 ha, lúa 2 vụ + khai hoang	2013-2014	1.455			800	800
6.6	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn Trường Dân tộc nội trú huyện Trà Bồng	Trà Sơn	Chiều dài:500m, S=1000m2	2013-2014	1.897			1.637	1.637
6.7	Nhà công vụ giáo viên, tường rào cổng ngõ, sân vườn, nước sinh hoạt TT GDTX-HN huyện	Trà Sơn	Tường rào và các CT phụ trợ	2013-2014	3.039			2.761	2.761
6.8	Phòng khám khu vực Trà Tân - Trà Bùi	Trà Tân	425m2	2013-2014	5.791			2.860	2.860
6.9	Đường điện thôn Bắc - thôn Tây, xã Trà Sơn	Trà Sơn	Chiều dài tuyến trung thế: 2138m, hạ thế 2823m và 2 TBA	2013-2014	5.555			3.598	3.598
6.10	Thủy lợi Nước Dút, thôn 4, xã Trà Thủy	Trà Thủy	DT tưới 4 ha lúa 2 vụ	2013-2014	2.649			1.200	1.200
6.11	Đường Trà Lâm - Trà Hiệp (gđ 2)	Trà Lâm	Chiều dài:4,468 Km	2013-2015	38.630			6.275	5.202
I.2	***Hỗ trợ đầu tư CSHT các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo***				***26.696***	***0***	***0***	***19.000***	***18.700***
1	**Huyện Bình Sơn**				**5.263**	**0**	**0**	**5.000**	**4.831**
1.1	Đường BTXM tuyến TL 621 đi bến cá - Châu Thuận Biển, Xã Bình Châu	Bình Châu		2013	1.093			1.000	963
1.2	Đường ra bến cá thôn An Cường, Xã Bình Hải	Bình Hải		2013	1.035			1.000	980
1.3	Đường BTXM tuyến từ Nghĩa trang liệt sĩ đi cầu suối thôn Vĩnh An, Xã Bình Thạnh	Bình Thạnh		2013	495			380	380
1.4	Đường BTXM tuyến từ trung tâm xã đi nhà ông Nguyễn Tiến, thôn Hải Ninh, Xã Bình Thạnh	Bình Thạnh		2013	632			620	588
1.5	Đường bê tông tuyến nghĩa địa B từ nhà ông Nguyễn Văn Cảnh, Xã Bình Đông	Bình Đông		2013	1.008			1.000	956
1.6	Bê tông tuyến kênh Đông Bình đi Phước Minh, Xã Bình Chánh	Bình Chánh		2013	999			1.000	964
2	**Huyện Sơn Tịnh**				**2.008**	**0**	**0**	**2.000**	**1.948**

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.1	Đường BTXM tuyến Sơn Tịnh - Tịnh Hòa - Nhà ông Thị, Đông Bình, Xã Tịnh Hòa	Tịnh Hòa		2013	300			300	272
2.2	Đường BTXM tuyến Trung Sơn, Trung Mỹ - Trung Hòa, Xã Tịnh Hòa	Tịnh Hòa		2013	509			500	500
2.3	Kênh BTXM tuyến đồng Bà Lượn-Vĩnh Sơn, Xã Tịnh Hòa	Tịnh Hòa		2013	195			200	191
2.4	Đường BTXM tuyến: Nhà ông Phạm Nuôi - Nguyễn Thị Quá, nhà ông Dương Phùng - Đỗ, Xã Tịnh Kỳ	Tịnh Kỳ		2013	503			500	492
2.5	Đường BTXM tuyến: Nhà bà Sau - Nhà ông Sơn, Nhà ông Huỳnh Xanh - Nguyễn Thị Hương, Xã Tịnh Kỳ	Tịnh Kỳ		2013	502			500	493
3	**Huyện Lý Sơn**				**3.000**	**0**	**0**	**3.000**	**2.930**
3.1	Đường giao thông nông thôn Xã An Hải	An Hải		2013	1.000			1.000	972
3.2	Xây dựng tường rào, cổng ngõ khu Trường Mầm non thôn Đông Xã An Vĩnh	An Vĩnh		2013	500			500	488
3.3	Đường giao thông nông thôn Xã An Vĩnh	An Vĩnh		2013	500			500	492
3.4	Đường giao thông nông thôn Xã An Bình	An Bình		2013	1.000			1.000	978
4	**Huyện Mộ Đức**				**9.999**	**0**	**0**	**5.000**	**4.992**
4.1	Bê tông kênh S18.2.3.4, Đức Chánh	Đức Chánh		2013	1.306			1.000	1.000
4.2	Bê tông tuyến đường nhà Huỳnh Màng đi Trần Văn Phú, Xã Đức Lợi	Đức Lợi		2013	745			700	699
4.3	Bê tông kênh tưới Đầu Bàu, Xã Đức Lợi	Đức Lợi		2013	327			300	292
4.4	Trường Mầm non Đức Thắng (điểm chính)	Đức Thắng		2013	3.667			1.000	1.000
4.5	Bê tông tuyến đường tiếp nối rừng Đức Minh	Đức Minh		2013	888			500	500
4.6	Trả nợ công trình chợ Đức Minh (gđ 2)	Đức Minh		2013	1.836			500	500
4.7	Đường giao thông nông thôn xã Đức Phong, tuyến đường từ nhà ông Can đến đường Bồ Đề - Đức Lợi - Mỹ Á, Xã Đức Phong	Đức Phong		2013	1.230			1.000	1.000
5	**Huyện Đức Phổ**				**6.426**	**0**	**0**	**4.000**	**4.000**
5.1	Tuyến đường từ khu 7 Vĩnh Tuy đi đèo Bình Đê, Xã Phổ Châu	Phổ Châu		2013	660			600	600
5.2	Kênh N2 nối dài, Xã Phổ Châu	Phổ Châu		2013	440			400	400
5.3	Xây mới chợ Đông Thuận, Xã Phổ Vinh	Phổ Vinh		2013	2.830			1.000	1.000
5.4	Đường dốc 13 thôn An Thổ, Xã Phổ An	Phổ An		2013	1.087			1.000	1.000
5.5	Đường BTXM tuyến từ nhà ông Lĩnh đến giáp đường BTXM vùng 8 thôn Bàn An, Xã Phổ Quang	Phổ Quang		2013	1.410			1.000	1.000
L3	***Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn***				***56.965***	***0***	***0***	***53.000***	***47.449***
1	**Huyện Ba Tơ**				**9.799**	**0**	**0**	**9.600**	**9.234**
1.1	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ UBND xã - Làng Vờ	Ba Nam	4,7km	2013	1.000			1.000	989

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.2	Nâng cấp BTXM đường Ba Lăng - Bờ Nu Kren	Ba Ngạc	7km	2013	1.000			1.000	957
1.3	Nâng cấp tuyến đường BTXM tổ Gò Đen đi tổ cây Chuối	Ba Trang	3,2km	2013	1.000			1.000	948
1.4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Nước Giáp	Ba Khâm	150m2	2013	400			400	389
1.5	Nâng cấp và nối tiếp đường Hốc Dền - Gòi Rốc	Ba Khâm	4,2km	2013	600			600	585
1.6	Nâng cấp BTXM đường giao thông tuyến UBND xã đi thôn Gọi Lế	Ba Lế	4,2km	2013	1.000			1.000	945
1.7	Bê tông xi măng đoạn nối tiếp tuyến đường giao thông từ ngã ba Gọi Re đi tổ 6	Ba Xa	6,0km	2013	1.000			1.000	973
1.8	NC tuyến đường BTXM nước Lô - Gò Khôn	Ba Giang	7,0km	2013	1.000			1.000	981
1.9	Mở mới đường Ba Nhà-Nước Tố	Ba Giang	2km	2013	200			200	197
1.10	Nâng cấp kênh Con Sẻ	Ba Bích	300m	2013	200			200	190
1.11	Nâng cấp tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước Làng Mâm đi Làng Diều	Ba Bích	2,1km	2013	200			200	188
1.12	Đường BTXM QL24Km 41 đi tập đoàn Đồng Mon	Ba Tô	2,0km	2013	200			200	187
1.13	Đường BTXM QL24Km 46 đi tập đoàn Mang Lùng I	Ba Tô	2,5km	2013	200			200	186
1.14	Đường BTXM nối tiếp từ Km 54 - Mang Biều	Ba Tiêu	2,5km	2013	200			200	188
1.15	Nối tiếp đường BTXM thôn Krầy	Ba Tiêu	3,0km	2013	200			200	194
1.16	Nối tiếp kênh đập Bờ Du	Ba Thành	160m	2013	200			200	175
1.17	Đường BTXM từ Cầu Treo - suối Nước Ui	Ba Vì	1,7km	2013	200			200	190
1.18	Công trình đường BTXM thôn Măng Đen đoạn còn lại từ tổ Gòi Y vang đi Mang Cành	Ba Vì	2,0km	2013	200			200	197
1.19	Nâng cấp BTXM tuyến đường ĐT 625 - Làng Tương	Ba Điền	4,0km	2013	200			200	197
1.20	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2 Nước Nè	Ba Vinh	130m2	2013	399			200	200
1.21	Mở mới đường liên xóm Huy V Lang - Làng Chùa thôn I Nước Nè	Ba Vinh	2,8km	2013	200			200	178
2	**Huyện Minh Long**				**4.800**	**0**	**0**	**4.400**	**4.229**
2.1	Nhà văn hóa thôn Diên Sơn	Long Sơn	200m2	2013	1.000			1.000	939
2.2	Nhà văn hóa thôn Dưỡng Chơn	Thanh An	200m2	2013	1.000			1.000	974
2.3	Đập Suối Lua, thôn Làng Ren	Long Môn	6 ha	2013	1.000			1.000	986
2.4	Trường mẫu giáo thôn Kỳ Hát	Long Mai	40m2	2013	400			200	200
2.5	Kênh mương ruộng ông Tư - ruộng ông Dơ	Long Mai	180m	2013	200			200	175
2.6	Kênh mương ruộng ông Cốt - ruộng ông Hữu	Long Mai	160m	2013	200			200	191
2.7	Trường Mẫu giáo thôn Ngã Lăng	Long Mai	40m2	2013	400			200	200
2.8	Nâng cấp mở rộng đường xóm ông U, tập đoàn 5	Long Hiệp	1000m	2013	200			200	185
2.9	Xây dựng tường rào, cổng ngõ và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn Dục Ái	Long Hiệp	500m	2013	200			200	191

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.10	Nâng cấp mở rộng đường Tập đoàn 9, thôn Hà Bôi	Long Hiệp	1000m	2013	200			200	188
3	**Huyện Sơn Hà**				**12.594**	**0**	**0**	**12.200**	**11.598**
3.1	Đường BTXM UBND xã đi Làng Trăng (đoạn cầu Gò Sim đi Gò Sim)	Sơn Hải	412,8m	2013	599			600	586
3.2	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 24B - Thôn Tà Mát	Sơn Hải	215,5m	2013	399			400	390
3.3	Đường giao thông (BTXM) từ tuyến Sơn Cao - Sơn Kỳ đến xóm Hà Rin	Sơn Thủy	285,8m	2013	599			600	589
3.4	Thủy lợi Tà Mương	Sơn Thủy	10 ha	2013	400			400	388
3.5	Nối tiếp đường giao thông thôn Làng Rê	Sơn Kỳ	237m	2013	500			500	491
3.6	Đường giao thông Tà Gầm - Làng Trăng	Sơn Kỳ	325m	2013	500			500	488
3.7	Nước sinh hoạt tập trung Suối Rêu, xóm làng Chai	Sơn Ba	100 hộ	2013	700			700	630
3.8	Nối tiếp hệ thống kênh mương thủy lợi Nước Nin	Sơn Ba	L=690,5m	2013	300			300	277
3.9	Nối tiếp HT kênh mương đập dâng Làng Gung (từ nhà ông Này - đồng Bà Tua)	Sơn Cao	35 ha	2013	1.000			1.000	875
3.10	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đồng A	Sơn Linh	87,3m2	2013	450			450	440
3.11	Trường Mẫu giáo thôn Bồ Nung	Sơn Linh	74,4m2	2013	550			550	539
3.12	Đường đoạn nhà ông Hải - ông Hường	Sơn Giang	159,5m	2013	500			500	410
3.13	Nước sinh hoạt tập trung xóm Ruộng Ổi	Sơn Giang	34 hộ	2013	500			500	420
3.14	Xây dựng cầu Bàn suối Rà Lô	Sơn Thượng	cầu+đường 118,2m	2013	700			700	696
3.15	Nâng cấp tuyến đường Gò Da đi làng Trang	Sơn Thượng	196,8m	2013	299			300	297
3.16	Đường giao thông thôn làng Mùng	Sơn Bao	242,4m	2013	400			400	384
3.17	Đường giao thông xóm Suối Tê	Sơn Bao	369,9m	2013	599			600	577
3.18	Đường giao thông Làng Đèo - làng Trùm	Sơn Trung	617,6m	2013	999			1.000	983
3.19	Nối tiếp hệ thống kênh mương nội đồng Cận Sơn	Sơn Nham	482,4m	2013	500			500	499
3.20	Đường giao thông xóm Canh Mo	Sơn Nham	295,1m	2013	500			500	489
3.21	Đường giao thông thôn Làng Dầu	TT Di Lăng	100 m	2013	600			200	189
3.22	Nâng cấp đường vào khu dân cư Đồi Gu	TT Di Lăng	100 m	2013	200			200	188
3.23	Đường giao thông Cà Đáo - Lý Vẹt	TT Di Lăng	90,6m	2013	200			200	178
3.24	Đường giao thông QL24B- thôn Gò Gạo	Sơn Thành	114m	2013	200			200	198
3.25	Đường giao thông Làng Vẹt - Xã Trạch	Sơn Thành	89,3m	2013	200			200	198
3.26	Đường giao thông xóm Đèo - Cà Tu	Sơn Hạ	140m	2013	200			200	197
4	**Huyện Sơn Tây**				**12.577**	**0**	**0**	**9.600**	**9.297**
4.1	Trường Mẫu giáo thôn Ka Xim	Sơn Dung	2 phòng	2013	480			500	478
4.2	Nước sinh hoạt thôn Ka Xim	Sơn Dung	50 hộ	2013	645			500	500
4.3	Đập nước Ray thôn Huy Em	Sơn Mùa	2,5 ha	2013	496			500	491
4.4	Nhà văn hóa xã Sơn Mùa	Sơn Mùa	85m2	2013	753			500	447

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.5	Nhà sinh hoạt cộng đồng + tường rào cổng ngõ thôn Mang Tà Bể	Sơn Bua	400m2	2013	695			700	637
4.6	Nhà SHCĐ + tường rào, cổng ngõ thôn Mang He	Sơn Bua	378m2	2013	299			300	283
4.7	Đường GTNT Ngọc Răng, thôn Tà Cây	Sơn Tân	433m	2013	499			500	496
4.8	Đường GTNT Ngọc Răng, thôn Tà Cây (nối dài), hạng mục: nền, mặt đường	Sơn Tân	250,73m	2013	498			500	498
4.9	Đường GTNT Xà Ruông - Nước Kia II, thôn Tà Kin	Sơn Tinh	700m	2013	1.000			1.000	992
4.10	Đường GTNT xóm ông Loan, thôn Tà Ngàm	Sơn Lập	1000m	2013	993			1.000	948
4.11	Đường xóm ông Lợm - xóm ông Sinh, thôn Ra Pân	Sơn Long	1200m	2013	1.004			1.000	1.000
4.12	Nước sinh hoạt nước Ra Ho, thôn Mang Hin	Sơn Long	47 hộ	2013	1.195			200	200
4.13	Đập Đăk Rẫy, thôn Tang Tong	Sơn Liên	5 ha	2013	1.000			1.000	977
4.14	Nước sinh hoạt xóm Mang Ve, thôn Đăk Doa	Sơn Liên	30 hộ	2013	1.000			200	200
4.15	Đường GTNT xóm ông Một, thôn Hà Lên	Sơn Màu	1300m	2013	999			1.000	951
4.16	Đường GTNT KDC I Rất, thôn Tà Vinh	Sơn Màu	1km	2013	1.022			200	200
5	**Huyện Trà Bồng**				**7.000**	**0**	**0**	**7.000**	**6.308**
5.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 3, thôn 2	Trà Giang	600m2, 27 hộ	2013	1.000			1.000	950
5.2	Nâng cấp mở rộng đường thôn Tây	Trà Bùi	L=1,9km	2013	1.000			1.000	981
5.3	Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ tổ 18 đi Đồng Điền	Trà Tân	L=3km	2013	1.000			1.000	990
5.4	Đường dân sinh thôn Trung	Trà Sơn	L=2km	2013	1.000			1.000	966
5.5	Xây mới trường Tiểu học thôn Cà	Trà Hiệp	2 phòng	2013	1.000			1.000	995
5.6	Đường nối tiếp từ tổ 3 đến tổ 1, thôn Trà Hoa	Trà Lâm	L=800m	2013	1.000			1.000	721
5.7	Hệ thống cấp nước sinh hoạt nước Băng tổ 1, thôn 1	Trà Thủy	33 hộ	2013	1.000			1.000	704
6	**Huyện Tây Trà**				**9.000**	**0**	**0**	**9.000**	**5.614**
6.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Reo	Trà Phong	750m2	2013	1.000			1.000	506
6.2	Điện sinh hoạt thôn Sơn	Trà Khê	22KV, 1500m	2013	1.000			1.000	770
6.3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Lương	Trà Lãnh	750m2	2013	1.000			1.000	47
6.4	Nâng cấp đường thôn Đam	Trà Trung	1000m	2013	1.000			1.000	999
6.5	Tuyến đường từ UBND xã đi đội 6 thôn Trà Kem	Trà Xinh	800m	2013	1.000			1.000	361
6.6	Đường từ ngã 3 đi tổ 1 thôn Cát	Trà Thanh	960m	2013	1.000			1.000	998
6.7	Nâng cấp tuyến đường từ tổ 12 đến tổ 9 thôn Trà Ong	Trà Quân	1500m	2013	1.000			1.000	853
6.8	Nâng cấp tuyến đường đi khu tái định cư Bắc Nguyên 2	Trà Thọ	800m	2013	1.000			1.000	596
6.9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Huynh	Trà Nham	750m2	2013	1.000			1.000	482
7	**Huyện Nghĩa Hành**				**796**	**0**	**0**	**800**	**791**
7.1	BTXM kênh mương đập Thanh niên - Đồng Đá Đen	Hành Tín Đông	tưới 12 ha, 55 hộ	2013	200			200	198
7.2	BTXM kênh mương nội đồng	Hành Tín Đông	tưới 5 ha, 30 hộ	2013	200			200	199
7.3	Nâng cấp kênh mương xứ đồng Hóc, ông Quyền	Hành Tín Tây	tưới 7 ha, 30 hộ	2013	198			200	197

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2012	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2012	Kế hoạch năm 2013	Quyết toán năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7.4	Nâng cấp đường giao thông Trường Mẫu giáo - làng Suối Chá	Hành Tín Tây	72 hộ hưởng lợi	2013	198			200	197
8	**Huyện Bình Sơn**				**200**	**0**	**0**	**200**	**185**
8.1	Đường BTXM từ suối Cà To, tổ 5 đến nhà ông Lê Văn Bản tổ 1, thôn Thọ An	Bình An	nền đường dài 200m	2013	200			200	185
9	**Huyện Tư Nghĩa**				**200**	**0**	**0**	**200**	**194**
9.1	Tuyến đường bêtông hóa nông thôn từ nhà ông Phạm Chinh đến nhà ông Phạm Chánh	Nghĩa Thọ	dài 150m, rộng 3m	2013	200			200	194
II	**CT Nước sạch và VSMTNT**				**106.030**	**21.281**	**21.548**	**30.330**	**29.789**
a	*Trả nợ khối lượng, CT quyết toán*				*14.177*	*8.390*	*8.390*	*1.385*	*1.365*
1	HTCNSH xã Bình Thạnh	Bình Thạnh	500	2010-2011	6.653	4.816	4.816	1.000	1.000
2	HTCNSH xã Sơn Tinh	Sơn Tinh	350	2010-2011	3.764	3.059	3.059	280	280
3	DA cấp nước sinh hoạt chợ Trà Câu, xã Phổ Văn	Phổ Văn		2010-2011	491	230	230	85	85
4	HTCNSH xã Đức Chánh	Đức Chánh	400	2008-2009	3.270	285	285	20	0
b	*CT chuyển tiếp*				*39.594*	*11.753*	*12.020*	*11.825*	*11.774*
5	HT CNSH xã Bình Thới, Bình Sơn	Bình Thới	400	2011-2012	4.655	1.680	1.795	900	900
6	Cấp nước và nhà vệ sinh cho 02 chợ nông thôn			2011-2012				0	0
+	Chợ Hội An	Phổ An			500	230	230	144	144
+	Chợ Sa Huỳnh	Phổ Thạnh			775	230	230	351	351
7	Đấu nối HTCNSH thôn Châu Me, xã Phổ Châu	Phổ Châu	200	2011-2012	1.253	390	390	770	720
8	Cấp nước và nhà vệ sinh cho 05 Trạm y tế xã nông thôn		5 trạm		2.431	600	600	695	694
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Đức Chánh	Đức Chánh		2011-2012	492	180	180	144	144
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Đức Phong	Đức Phong		2011-2012	497	200	200	173	173
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Nghĩa Hiệp	Nghĩa Hiệp		2011-2012	498	220	220	153	153
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Nghĩa Thắng	Nghĩa Thắng		2011-2012	622			170	170
+	Cấp nước và NVS Trạm y tế xã Long Môn	Long Môn		2011-2012	322			55	55
9	Cấp nước và nhà vệ sinh cho 13 trường học nông thôn		13 trường		6.584	2.814	2.814	869	869
+	Cấp nước và NVS Trường THPT Phạm Kiệt	Ba Tơ		2011-2012	624	200	200	46	46
+	Cấp nước và NVS Trường THPT Vạn Tường	Bình Sơn		2011-2012	689	240	240	90	90
+	Cấp nước và NVS Trường THPT Lê Quý Đôn	Bình Sơn		2011-2012	484	234	234	16	16
+	Cấp nước và NVS Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	Nghĩa Hành		2011-2012	52	200	200	85	85
+	Cấp nước và NVS Trường THPT Tây Trà	Tây Trà		2011-2012	389	200	200	14	14
+	Cấp nước và NVS Trường THPT Nguyễn Công Phương	Nghĩa Hành		2011-2012	470	200	200	27	27
+	Cấp nước và NVS Trường THCS Long Hiệp	Long Hiệp		2011-2012	593	200	200	44	44
+	Cấp nước và NVS Trường THCS Nghĩa Hiệp	Nghĩa Hiệp		2011-2012	710	200	200	135	135

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 17/CKTC-NSĐI

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH 135, CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 / 01 /2015 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Quyết toán năm 2013	Trong đó	
			Vốn đầu tư	Vốn SN
A	B	(1)	(2)	(3)
	Tổng số	**435.893**	**288.132**	**147.761**
I	**Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia**	**425.906**	**278.145**	**147.761**
1	Chương trình việc làm và dạy nghề	34.195		34.195
2	Chương trình giảm nghèo bền vững	252.365	244.416	7.949
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	30.954	29.792	1.162
4	Chương trình về y tế	8.708		8.708
5	Chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình	9.972		9.972
6	Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm	2.471		2.471
7	Chương trình về văn hoá	9.558	2.372	7.186
8	Chương trình giáo dục và đào tạo	58.433		58.433
9	Chương trình phòng, chống ma túy	2.160		2.160
10	Chương trình phòng, chống tội phạm	505		505
11	Chương trình xây dựng nông thôn mới	12.527		12.527
12	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	3.446	1.565	1.881
13	Chương trình đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo	612		612
II	**Chương trình 135**	**504**	**504**	
III	**Chương trình bảo vệ và phát triển rừng (Chương trình 661 kéo dài)**	**9.483**	**9.483**	

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Mẫu số 18/CKTC-NSĐP

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 14 /01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên huyện, thành phố	Tổng thu NSNN trên ĐB huyện theo phân cấp	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	BS có mục tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)
1	Đức Phổ	59.911	415.077	324.752	177.010	147.742
2	Mộ Đức	25.480	411.751	356.073	148.169	207.904
3	Tư Nghĩa	45.299	432.418	344.166	174.720	169.446
4	Nghĩa Hành	27.032	291.937	238.943	120.676	118.267
5	TP Quảng Ngãi	473.224	630.962	47.572	0	47.572
6	Sơn Tịnh	134.630	553.698	382.310	194.212	188.098
7	Bình Sơn	130.335	550.995	394.974	182.697	212.277
8	Ba Tơ	15.306	379.833	305.986	144.451	161.535
9	Minh Long	3.976	176.618	153.185	66.150	87.035
10	Sơn Hà	20.352	373.092	329.691	160.214	169.477
11	Sơn Tây	5.314	200.286	169.320	80.268	89.052
12	Trà Bồng	13.552	253.884	204.918	100.352	104.566
13	Lý Sơn	5.209	137.574	116.497	56.414	60.083
14	Tây Trà	3.498	224.421	179.295	83.154	96.141
	Tổng	**963.118**	**5.032.546**	**3.547.682**	**1.688.487**	**1.859.195**